HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ HỒNG NHƯ

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO TẠI KHU VỰC 5, THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP XÃ HUYỀN HỘI

Trà Vinh, tháng 11 năm 2023

HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ HỒNG NHƯ

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG
của DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO TẠI KHU VỰC 5, THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP XÃ HUYỀN HỘI

CHỦ DỰ ÁN	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
HỘ KINH DOANH	CÔNG TY TNHH
PHẠM THỊ HỒNG NHƯ	MÔI TRƯỜNG TỪ THIỆN
Phạm Thị Hồng Như	Từ Chí Thiện

Trà Vinh, tháng 11 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT iv
DANH MỤC CÁC BẢNG v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ vii
MỞ ĐẦU 1
Chương 1:THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN 24
1.1. Thông tin về dự án 24
1.1.1. Tên dự án 24
1.1.2. Thông tin về chủ dự án 24
1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án 24
1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án 31
1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường 34
1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án 35
1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 37
1.2.1. Các hạng mục công trình chính 37
1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ dự án 37
1.2.3. Các hoạt động của dự án 38
1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường 38
1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường 39
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án 39
1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành 40
1.5. Biện pháp tổ chức thi công 42
1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án 43
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án 43
1.6.2. Tổng mức đầu tư dự án 43
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án 44

Chương 2:ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....46

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....46

2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....46

2.1.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.....53

2.1.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội.....53

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án.....56

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường.....56

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học.....61

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.....61

2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn thi công.....61

2.3.2. Nhận dạng các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.....62

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.....62

Chương 3:ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....64

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị.....64

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....64

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....69

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành.....70

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....70

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường.....89

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....95

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo.....95

Chương 4:PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.....98

Chương 5:CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

.....99
5.1. Chương trình quản lý môi trường của đơn vị thi công 99
5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của đơn vị thi công 103
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT.....105
TÀI LIỆU THAM KHẢO 107

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	WHO	World Health Organization

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo 9

Bảng 2: Khu vực thực hiện dự án (khu đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp) 13

Bảng 3: Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị Dự án 15

Bảng 4: Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án 16

Bảng 5: Tọa độ vị trí thực hiện dự án 25

Bảng 6: Tọa độ vị trí khu vực bãi tập kết 26

Bảng 7: Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án 31

Bảng 8: Quy mô, công suất của Dự án 36

Bảng 9: Nhu cầu nhiên liệu dầu DO của các phương tiện 40

Bảng 10: Vốn đầu tư dự án 44

Bảng 11: Thống kê nhiệt độ trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long 48

Bảng 12: Thống kê độ ẩm không khí trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long 48

Bảng 13: Thống kê lượng mưa trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long 50

Bảng 14: Thống kê số giờ nắng trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long 50

Bảng 15: Thông tin chung về vị trí quan trắc 57

Bảng 16: Kết quả quan trắc nước mặt huyện Càng Long năm 2022 57

Bảng 17: Thông tin chung về công tác đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu 59

Bảng 18: Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu không khí 60

Bảng 19: Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước mặt 60

Bảng 20: Tải lượng ô nhiễm không khí 66

Bảng 21: Hệ số tải lượng ô nhiễm của nước thải sinh hoạt 71

Bảng 22: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt 71

Bảng 23: Dự báo lưu lượng nước mưa chảy tràn..... 72

Bảng 24: Hệ số phát thải của nguồn thải di động đặc trưng đối với phương tiện vận chuyển..... 75

Bảng 25: Hệ số phát thải của nguồn thải di động đặc trưng đối với phương tiện vận chuyển trên 1 km quãng đường 75

Bảng 26: Tải lượng chất ô nhiễm phát sinh từ phương tiện vận chuyển 76

Bảng 27: Đặc trưng cơ bản nguồn gây ô nhiễm không khí 76

Bảng 28: Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt..... 77

Bảng 29: Thành phần và khối lượng CTNH 78

Bảng 30: Độ ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công..... 79

Bảng 31: Độ ồn của các phương tiện, thiết bị thi công..... 80

Bảng 32: Mức độ gây rung của một số máy móc xây dựng 81

Bảng 33: Hệ thống phân loại IQS 83

Bảng 34: Mức độ tác động được xác định theo thang điểm 85

Bảng 35: Đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành của dự án 86

Bảng 36: Kết quả đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành 88

Bảng 37: Kết quả đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành (tt) 88

Bảng 38: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án 95

Bảng 39: Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM..... 97

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Vị trí tổng thể khu đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp 28

Hình 2: Sơ đồ định vị các hạng mục công trình thuộc Dự án 29

Hình 3: Sơ đồ vị trí Dự án (Khu đất cải tạo) 30

Hình 4: Sơ đồ vị trí Dự án (bãi tập kết) 30

Hình 5: Hình ảnh hiện trạng khu vực dự án 33

Hình 6: Hình ảnh hiện trạng khu vực bãi tập kết 34

Hình 7: Quy trình hoạt động của phương án 41

Hình 8: Tình hình phân bố lượng mưa qua các tháng trong năm 73

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Huyện Càng Long là một trong những huyện trọng điểm của tỉnh Trà Vinh, nằm cách thành phố Trà Vinh khoảng 21 km về phía Đông, cách tỉnh Vĩnh Long khoảng 43 km về phía Bắc và cách thành phố Hồ Chí Minh 120 km.

Huyện Càng Long có hệ thống sông rạch chằng chịt, địa hình thấp và bằng phẳng, đất đai màu mỡ và khí hậu mát mẻ, ít bị ảnh hưởng bởi lũ, bão là điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng sản xuất nông nghiệp ngọt, lợ và mặn, đặc biệt là phát triển lúa gạo. Theo Báo cáo Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát triên kinh tế - xã hội huyện Càng Long 6 tháng đầu năm và một số công tác trọng tâm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023, diện tích lúa gieo trồng là 18.824 ha đạt 64,03% so kế hoạch, giảm 9,05% so cùng kỳ.

Tuy nhiên, hiện nay đất trồng lúa tại một số khu vực trên địa bàn huyện có sự chênh lệch lớn về cao độ, từ đó gây khó khăn trong canh tác của các nông hộ. Xuất phát từ tình hình thực tế trên, Ủy ban nhân dân huyện Càng Long đã chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội tại Quyết định số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023 .

Ngoài ra, phần đất dôi dư từ hoạt động cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp là nguồn khoáng sản có giá trị cao, được sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng hoặc nguyên liệu sản xuất gạch.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó, Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như đã ký kết hợp đồng thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp của 05 hộ dân (thuộc khu vực 5 quy định tại tại Quyết định số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023) và đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt Phương án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp tại Quyết định số 3211/QĐ-KT ngày 30/10/2023. Song song đó, Hộ kinh doanh cũng thực hiện tận thu và vận chuyển phần đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo phần đất trồng lúa được ủy quyền theo các hợp đồng đã được ký kết với chủ sở hữu, sử dụng của các thửa đất và sự thống nhất, chấp thuận của địa phương.

Thực hiện hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và

các thủ tục về môi trường có liên quan, "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" được xem là loại hình dự án khai thác khoáng sản. Căn cứ theo số thứ tự 09, phụ lục IV phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm II quy định tại điểm d khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Như vậy Dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 30, Luật Bảo vệ môi trường 2020. Thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là UBND tỉnh Trà Vinh theo quy định tại Điều 35, Luật Bảo vệ môi trường 2020. Cấu trúc và nội dung của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được trình bày theo quy định tại mẫu số 04, phụ lục II, phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Quy mô khu đất thực hiện cải tạo có diện tích dưới 5,0ha; thuộc thẩm quyền phê duyệt chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long, sau khi thông qua ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

- Cơ quan phê duyệt chủ trương đầu tư và phương án cải tạo đất nông nghiệp: Ủy ban nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

+ Địa chỉ: Số 274, Quốc lộ 53, khóm 3, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

+ Điện thoại: 0294.3882005 - Fax: 0294.3882245

- Cơ quan phê duyệt phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo, hạ độ cao là Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan

- Căn cứ Công văn số 1014/STNMT-CCBVMT ngày 29/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về phổ biến hướng dẫn thực hiện thủ tục môi trường với đối tượng sử dụng vật liệu nạo vét, đất bề mặt để làm vật liệu san lấp;

- Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp có vận chuyển đất dôi dư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Căn cứ Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bờ ao, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan;

- Căn cứ Hướng dẫn số 129/SNN-BVTV ngày 25/01/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh về Hướng dẫn lập phương án, quy trình kỹ thuật cải tạo đất nông nghiệp theo Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

- Căn cứ Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long, hiện trạng các thửa đất thuộc Dự án có độ cao chênh lệch với các thửa đất lân cận, gây khó khăn cho việc sản xuất, canh tác lúa nước tại đây, ...

- Căn cứ theo kết quả khảo sát thực tế và Công văn số 1823/SNN-BVTV ngày 17/8/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNN, thống nhất với Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc thực hiện cải tạo, hạ độ cao đối với các thửa đất thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội.

Như vậy, triển khai thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" là phù hợp với quy định của Luật bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật trồng trọt, với các quy định hiện hành và nhu cầu thực tế tại khu vực thực hiện Dự án.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM)

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM

a) Văn bản pháp lý

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

- Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2010, có hiệu lực thi hành ngày 1/07/2011;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật số 40/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22/11/2013;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua;

- Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/7/2017 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;

- Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ về Quy định quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ về uy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về quy

định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

- Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng về quản lý chất thải rắn xây dựng;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại tỉnh Trà Vinh;

- Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các loại phí thuộc lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Công văn số 2451/TCMT-TĐ ngày 27/7/2022 của Tổng cục Môi trường về việc hướng dẫn thủ tục môi trường đối với loại hình dự án hạ độ cao (các bãi chứa vật liệu nạo vét, bờ kênh/ao, đất sản xuất nông nghiệp) và có sử dụng vật liệu sau hạ độ cao;

- Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Công văn số 1014/STNMT-CCBVMT ngày 29/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về phổ biến hướng dẫn thực hiện thủ tục môi trường với đối tượng sử dụng vật liệu nạo vét, đất bề mặt để làm vật liệu san lấp;

- Công văn số 2169/UBND-KT ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cải tạo hạ độ cao đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Công văn số 2606/STNMT-QLMT ngày 09/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phổ biến hướng dẫn thủ tục môi trường đối với loại hình dự án hạ độ cao (các bãi chứa vật liệu nạo vét, bờ kênh/ao, đất sản xuất nông

nghiệp) và có sử dụng vật liệu sau hạ độ cao;

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp có vận chuyển đất dôi dư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường Về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bờ ao, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan;

- Hướng dẫn số 129/SNN-BVTV ngày 25/01/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh về Hướng dẫn lập phương án, quy trình kỹ thuật cải tạo đất nông nghiệp theo Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

- Công văn số 1363/UBND-NN ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ về mặt pháp lý cho các doanh nghiệp, tổ chức hoặc hộ gia đình cá nhân có nhu cầu tận dụng đất đào kênh;

b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành được sử dụng trong báo cáo:

+ TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-2:2006), Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 1: Hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu;

+ TCVN 6663-3:2003 (ISO 5667-3:1985), Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 3: Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu;

+ TCVN 6663-6:2008 (ISO 5667-6:2005), Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 6: Hướng dẫn lấy mẫu ở sông và suối.

+ TCVN 5971:1995, TCVN 6137:1996, TQKT Bộ Y tế năm 2002 - Hướng dẫn lấy mẫu và bảo quản mẫu không khí;

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng

nước mặt;

2.2. Liệt kê các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Công văn số 1823/SNN-BVTV ngày 17/8/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNN về việc phản hồi việc cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội, huyện Càng Long;

- Quyết định số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội;

- Quyết định số 3211/QĐ-KT ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp

2.3. Liệt kê các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện ĐTM

- Phương án cải tạo đất nông nghiệp, địa điểm thực hiện phương án: Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội (ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh)

- Hồ sơ đo đạc, tính trữ lượng đất dối dư sau hạ độ cao, do Công ty TNHH Đo đạc Sao Vàng thực hiện

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

3.1. Tổ chức thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như (đơn vị chủ dự án) đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) thực hiện lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và phê duyệt theo đúng quy định.

Quá trình tổ chức lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án được tóm tắt như sau:

- Bước 1: Phối hợp với đơn vị thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội, ... nghiên cứu các tài liệu, hồ sơ liên quan đến Dự án

- Bước 2: Nghiên cứu về các điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội tại khu vực Dự án và khảo sát thực tế tại khu vực Dự án. Phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện đo đạc, tính trữ lượng đất dôi dư sau hạ độ cao, cải tạo.

- Bước 3: Thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích và đánh giá hiện trạng môi trường khu vực Dự án và vùng xung quanh.

- Bước 4: Thực hiện đánh giá, dự báo các tác động tiêu cực tới môi trường theo các giai đoạn thực hiện dự án.

- Bước 5: Xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án. Xây dựng chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án.

- Bước 6: Tổ chức tham vấn ý kiến cộng đồng.

- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo ĐTM của Dự án.

- Bước 8: Trình Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định báo cáo ĐTM.

- Bước 9: Hoàn chỉnh nội dung báo cáo theo biên bản Hội đồng thẩm định ĐTM.

3.2. Đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Cơ quan tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện

+ Địa chỉ: Quốc lộ 53, khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

+ Văn phòng đại diện: Số 99C/2, đường Đồng Khởi, khóm 8, phường 6, thành phố Trà Vinh

+ Điện thoại: 0972 029 302 Email: cty.tuthien2018@gmail.com

- Cơ quan thực hiện lấy và thử nghiệm mẫu:

+ Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

▪ Địa chỉ: số 115, đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

▪ Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 303 theo Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Danh sách các thành viên trực tiếp tham gia lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" bao gồm:

Bảng 1: Danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo

Stt	Họ và tên	Học vị/Chức vụ	Chuyên ngành	Nội dung thực hiện	Chữ ký
A. Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như (đơn vị chủ dự án)					
1	Phạm Thị Hồng Như	Chủ hộ kinh doanh	-	- Cung cấp số liệu, tài liệu liên quan Dự án; - Duyệt nội dung báo cáo ĐTM;	
B. Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (Đơn vị tư vấn)					
I	***Chủ trì lập báo cáo ĐTM***				
1	Từ Chí Thiện	Thạc sĩ - Giám đốc	Khoa học môi trường	Kiểm soát nội dung Báo cáo	
II	***Lập báo cáo***				
1	Nguyễn Hồng Phúc	Kỹ sư - Nhân viên	Kỹ thuật môi trường	Xây dựng chuyên đề của Báo cáo	
2	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Kỹ sư - Nhân viên			
3	Phạm Công Danh	Kỹ sư - Nhân viên			
4	Nguyễn Tiếng Vang	Thạc sĩ - Nhân viên	Quản lý tài nguyên và môi trường		
5	Phạm Chí Linh	Thạc sĩ - Nhân viên			
6	Châu Thị Thúy	Kỹ sư - Nhân viên			

Stt	Họ và tên	Học vị/Chức vụ	Chuyên ngành	Nội dung thực hiện	Chữ ký
7	Nguyễn Hoàng Nhu	Cử nhân - Nhân viên	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		
8	Tô Khánh Tân	Kỹ sư - Nhân viên	Kỹ thuật môi trường		

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện tổng hợp, 2023

Ngoài ra, trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội", đơn vị tư vấn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ Ủy ban nhân dân huyện Càng Long và Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

4.1. Các phương pháp ĐTM

- Phương pháp thống kê: Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại khu vực thực hiện Dự án. Phương pháp được áp dụng nhằm cung cấp số liệu cho công tác đánh giá như:

+ Đánh giá hiện trạng môi trường (các thành phần môi trường, tài nguyên sinh vật) khu vực thực hiện Dự án và khu vực lân cận.

+ Thống kê được các đối tượng tự nhiên, kinh tế, xã hội xung quanh Dự án có khả năng bị tác động bởi quá trình thực hiện Dự án.

- Phương pháp đánh giá nhanh: Dùng để xác định nhanh tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải, nước thải, mức độ gây ồn, rung động phát sinh từ hoạt động của Dự án. Việc tính toán tải lượng chất ô nhiễm dựa trên hệ số ô nhiễm, cụ thể như:

+ Đối với môi trường không khí sử dụng hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa kỳ (USEPA).

+ Đối với tiếng ồn, độ rung sử dụng hệ số ô nhiễm của Ủy ban BVMT U.S và Cục đường bộ Hoa Kỳ tính toán mức độ ồn, rung của phương tiện, máy móc thiết bị thi công theo khoảng cách.

+ Nước thải phát sinh sử dụng QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Phương pháp nhận diện tác động: Phương pháp này được áp dụng thông qua các bước cụ thể sau đây: mô tả các hệ thống môi trường; xác định các thành phần của dự án có ảnh hưởng đến môi trường; xác định đầy đủ các dòng chất thải có liên quan, vấn đề môi trường để phục vụ cho việc đánh giá chi tiết.

- Phương pháp so sánh: Phương pháp này nhằm đánh giá chất lượng môi trường, chất lượng nước thải, tải lượng ô nhiễm,... Trên cơ sở so sánh với các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường liên quan của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường, cũng như các nghiên cứu liên quan trong Chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp điều tra, khảo sát: Thu thập số liệu từ kết quả khảo sát địa hình, Phương án cải tạo đất nông nghiệp do chủ đầu tư cung cấp; định mức xây dựng được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành.

Các phương pháp nêu trên được sử dụng từ Chương 1 đến Chương 3 của báo cáo.

- Phương pháp điều tra xã hội học (tham vấn cộng đồng): Sử dụng khi làm việc với lãnh đạo và đại diện cộng đồng dân cư xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh nhằm:

+ Cung cấp cho cộng đồng các thông tin cần thiết để hiểu rõ về Dự án, những tác động tiêu cực của việc thực hiện và những biện pháp giảm thiểu tương ứng;

+ Thông báo tới cộng đồng những lợi ích khi Dự án được thực hiện;

+ Tiếp thu ý kiến phản hồi của những cá nhân, tổ chức có khả năng bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương nơi thực hiện Dự án;

+ Điều chỉnh nội dung của báo cáo ĐTM trên cơ sở đóng góp và ý kiến của cộng đồng, cơ quan, tổ chức về Dự án, để quá trình triển khai thực hiện Dự án phù hợp với thực tế tại địa phương, giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động đến môi trường và đến cộng đồng.

Kết quả phương pháp này được sử dụng tại chương 6 của báo cáo.

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

a) Thông tin chung

- Tên dự án: **"Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội"** (gọi tắt là Dự án)

- Địa điểm thực hiện: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

- Chủ dự án: Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như

- Địa chỉ liên lạc: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

b) Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi thực hiện dự án: "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" thực hiện trên khu đất có tổng diện tích là 18.506 m^2 (tương đương 1,8506 ha).

- Quy mô và công suất hoạt động của dự án:

- Tổng diện tích các thửa đất cải tạo là: 18.506 m^2.

- Tổng diện tích thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp: 17.268 m^2 (không thực hiện khu vực bờ bao xung quanh khu đất)

- Chiều sâu cần hạ độ cao (trung bình cho toàn khu đất): 0,168 m

- Khối lượng đất dôi dư thu được: 2.900,5 m^3

- Công suất hoạt động cải tạo, hạ độ cao: 30 m^3/ngày.

c) Công nghệ sản xuất

Công nghệ thực hiện dự án: Quá trình thi công dự án được thực hiện bằng các phương tiện cơ giới chuyên dụng, bao gồm:

- Hoạt động thi công hạ độ cao được thực hiện bằng xe cuốc;

- Hoạt động vận chuyển đất từ vị trí thi công đến vị trí tập kết đất bằng xe tải có tải trọng 2 tấn;

d) Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

d.1) Các hạng mục công trình của dự án

- Khu vực thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp: Khu vực thực hiện dự án thuộc Khu vực 5 theo Quyết định số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội, cụ thể như sau:

Bảng 2: Khu vực thực hiện dự án (khu đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp)

STT	Tên chủ sở hữu	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m^2)
1	Nguyễn Thị Tiết	1619	56	2.780
2	Nguyễn Văn Hoa	1542	56	2.000
		1541	56	1.369
3	Nguyễn Thị Liên	100A	6	2.320
		102B	6	2.250
4	Huỳnh Văn Thêm	1543	56	4.918
5	Trần Thị Oanh	106A	6	2.870
Tổng cộng				***18.506***

- Các hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường:

+ Khu vực bãi tập kết đất dôi dư sau hạ độ cao: Chủ dự án thực hiện thuê khu đất với tổng diện tích khoảng 2.280 m^2, cách khu vực thực hiện dự án khoảng 500 m, với mục đích: tập kết đất, thực hiện công đoạn ép đất thành viên và cung cấp xuống phương tiện vận chuyển của đơn vị thu mua (vị trí neo đậu, xuống hàng của các phương tiện đường thủy)

+ Khu vực tuyến đường vận chuyển nội bộ: Nhằm rút ngắn tuyến đường vận chuyển đất từ vị trí thi công đến khu vực bãi tập kết, Chủ dự án thực hiện thuê khu đất tổng diện tích khoảng 7.438,4 m^2 để làm tuyến đường vận chuyển nội bộ. Dọc trên tuyến đường có bố trí 02 đoạn cống tạm thời, đảm bảo hoạt động của phương tiện không gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của tuyến kênh nội đồng.

+ Khu vực sinh hoạt của công nhân: Tại các khu vực thuộc dự án, không bố trí lán trại cho công nhân sinh hoạt. Các nhu cầu về sinh hoạt như ăn trưa, vệ sinh cá nhân, … được bố trí tại nhà dân lân cận.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: thùng chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, …

+ Hạ tầng giao thông:

▪ Phục vụ vận chuyển đất dôi dư sau hạ độ cao và cải tạo: Do khu vực thực hiện dự án cách đường giao thông chính (đường ấp Trà On) khoảng 400m,

hoạt động di chuyển của phương tiện vận chuyển khó khăn, … do đó, chủ dự án thực hiện bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ phục vụ vận chuyển đất từ vị trí thi công đến khu vực bãi tập kết.

▪ Phục vụ vận chuyển đất sau nén viên từ vị trí bãi tập kết đến khách hàng: Chủ dự án thực hiện cung cấp đất sau nén viên cho khách hàng tại vị trí khu vực neo đậu trên tuyến rạch Đập Sen.

Hoạt động vận chuyển đất sau nén viên đến các vị trí công trình xây dựng, cơ sở do đơn vị thu mua thực hiện. Chủ dự án hoàn toàn không bố trí phương tiện vận chuyển.

d.2) Các hoạt động của dự án

Quá trình triển khai thực hiện Dự án bao gồm các hoạt động chính như sau:

- Hoạt động hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp
- Hoạt động vận chuyển đất dôi dư sau cải tạo
- Hoạt động ép/định hình đất thành viên
- Ngoài ra còn có hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng, hoạt động sửa chữa phương tiện, máy móc khi phát sinh các sự cố hư hỏng.

e) Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án thuộc loại hình cải tạo đất nông nghiệp và tận thu đất dôi dư sau cải tạo trên khu đất có tổng diện tích là 18.506 m^2. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Dự án hoàn toàn không có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Do đó, căn cứ theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và điểm đ, khoản 4, điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Quá trình thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" sẽ phát sinh một số loại chất thải, từ đó gây các tác động xấu nhất định đến chất lượng các thành phần môi trường, các đối tượng xung quanh dự án.

Tuy nhiên, Dự án có tính chất đơn giản, quy mô thực hiện nhỏ và trong khoảng thời gian ngắn, do đó hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường được nhận định có quy mô và phạm vi tác động không đáng kể.

Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường chủ yếu bao gồm:

- Hoạt động cải tạo, hạ độ cao, bốc dở khối lượng đất dôi dư lên xe chuyên dụng: phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực dự án.

- Hoạt động vận chuyển: phát sinh bụi, khí thải tiếng ồn làm ảnh hưởng đến môi trường không khí theo tuyến vận chuyển, hoạt động sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn giao thông.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân: làm phát sinh nước thải sinh hoạt, rác sinh hoạt làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường đất, nước, không khí khu vực dự án.

- Yếu tố khí tượng: nước mưa chảy tràn → ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước mặt.

- Sự cố, tai nạn lao động, tại nạn giao thông → ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và công nhân, người dân khu vực dự án.

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Dự án nằm ngoài danh mục dự án/cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

5.3.1. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị

Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị Dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3: Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị Dự án

TT	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Quy mô nguồn thải	Tính chất nguồn thải
1	Nước thải	Hoạt động sinh hoạt của công	Lưu lượng ước tính khoảng 0,16 m^3/ngày	Chứa nhiều chất hữu cơ (BOD_5, COD), chất dinh

TT	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Quy mô nguồn thải	Tính chất nguồn thải
		nhân		dưỡng (P, N) và vi sinh vật gây bệnh
2	Khí thải	Phương tiện cơ giới	Khí thải phát sinh chứa các chất ô nhiễm: bụi, SO_2, NO_x, CO, THC	Nguồn thải di động, ô nhiễm phân tán
3	Chất thải rắn	Phát quang bụi rậm	Khối lượng rất thấp, khoảng 300 kg	Thành phần là các loại cỏ (trồng, cỏ dại), có khả năng thu hồi, tái sử dụng hoàn toàn
		Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Khối lượng ước tính 2 kg/ngày	CTRSH có thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu
4	Tiếng ồn, độ rung	Phương tiện cơ giới	Độ ồn phát sinh dao động trong khoảng 83 - 94 dBA	Phát sinh liên tục và thường vượt giới hạn cho phép
5	Tác động đến môi trường nước mặt tuyến kênh nội đồng	Lắp cống tạm	Trong quá trình thi công cống tạm, môi trường nước mặt kênh nội đồng sẽ bị tác động do khuấy trộn lượng trầm tích đáy, từ đó làm tăng nồng độ chất rắn lơ lửng (TSS), độ đục.	

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện tổng hợp, 2023

5.3.2. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành (thi công cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp)

Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4: Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án

TT	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Quy mô nguồn thải	Tính chất nguồn thải
1	Nước thải	- Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Lưu lượng phát sinh ước tính khoảng 0,32 m^3/ngày	Chứa hàm lượng các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học (như cacbohydrat, protein, mỡ), các chất dinh dưỡng (phosphat, nitơ), vi sinh vật

TT	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Quy mô nguồn thải	Tính chất nguồn thải
2	Khí thải và bụi	- Hoạt động hạ độ cao bờ kênh	Tải lượng bụi phát sinh ước tính khoảng 3,06 kg/ngày	- Nguồn thải di động, ô nhiễm phân tán - Là nguồn thải có khả năng phát tán ra diện rộng
		- Hoạt động của các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển	Khí thải phát sinh chứa các chất ô nhiễm: bụi, SO_2, NO_x, CO, THC	
3	Chất thải rắn	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt 3,0 kg/ngày	CTRSH có thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu.
		Hoạt động sửa chữa phương tiện cơ giới	Khối lượng chất thải nguy hại là 13 kg (dự báo cho toàn dự án)	Nguồn thải có tính chất nguy hại bao gồm: Có độc tính (ký hiệu tính chất nguy hại Đ); Có độc tính sinh thái (ký hiệu tính chất nguy hại ĐS); Có tính dễ cháy (ký hiệu tính chất nguy hại C); Có tính ăn mòn (ký hiệu tính chất nguy hại AM)
		Hoạt động của phương tiện vận chuyển	Khối lượng CTR phát sinh phụ thuộc vào công tác vệ sinh phương tiện trước, trong và sau khi vận chuyển đất	Thành phần chủ yếu bao gồm: Đất, cây cỏ, rơm rạ
4	Tiếng ồn, độ rung	Phương tiện cơ giới	- Độ ồn phát sinh dao động trong khoảng 72 - 94 dBA - Độ rung phát sinh dao động trong khoảng 74 - 75 dB	Phát sinh liên tục và thường vượt giới hạn cho phép
5	Các tác động khác bao gồm: - An ninh khu vực - An toàn giao thông - An toàn lao động - Sụt lún đường giao thông - Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp - Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt (CTNH) - Rủi ro sạt lở bờ kênh trong hoạt động vận chuyển và bờ bao trong quá trình thi công - Rủi ro sạt lở tại khu vực bến thủy tạm thời			

TT	Loại chất thải	Nguồn phát sinh	Quy mô nguồn thải	Tính chất nguồn thải
	Nguồn phát sinh từ: - Sinh hoạt của công nhân - Hoạt động thi công hạ độ cao và vận chuyển			

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện tổng hợp, 2023

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a.1) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Bố trí khu vực sinh hoạt (vệ sinh cá nhân, …) tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong.

- Chủ dự án không bố trí thêm các công trình xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này.

a.2) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và tiếng ồn

- Công tác thi công được thực hiện trong khoảng thời gian từ 7h đến 11h và từ 13h đến 17h.

- Thực hiện kiểm tra, bảo trì và sửa chữa các phương tiện trước khi đưa vào sử dụng, nhằm hạn chế phát thải và các tác động khác.

b) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

b.1) Chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí thiết bị thu gom: Bố trí 02 thùng chứa CTRSH

- Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

- Thực hiện nội quy **"HẠN CHẾ SINH HOẠT ĂN, UỐNG TẠI KHU VỰC THI CÔNG DỰ ÁN"**

b.2) Chất thải rắn thông thường

- Chất thải phát sinh từ quá trình phát quang được cung cấp cho người dân sử dụng làm thức ăn gia súc.

- Cam kết không thải bỏ ra môi trường xung quanh.

5.4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a.1) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Kiểm soát nguồn phát sinh nước thải: Không bố trí khu vực sinh hoạt tại Dự án, đảm bảo hoàn toàn không phát sinh nước thải sinh hoạt tại đây.

- Công nhân sử dụng nhà vệ sinh của các dịch vụ ăn uống, giải khát và cửa hàng xăng dầu khu vực xung quanh dự án.

- Biện pháp dự phòng: Thuê/sử dụng nhờ khu vực nhà vệ sinh tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong, nhằm phục vụ nhu cầu vệ sinh của công nhân khi cần thiết.

a.2) Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và tiếng ồn

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân

- Phun nước để làm tăng độ ẩm và hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại các vị trí phương tiện đang thi công

- Các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển phải đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm; sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (không quá 0,5%S)

- Phương tiện vận chuyển đảm bảo có tải trọng tối đa là 2,0 tấn

- Quá trình vận chuyển phải sử dụng bạt che kín các thùng xe

- Bố trí thời gian thi công hợp lý: Từ 7h đến 11h và từ 13h đến 17h

c) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

b.1) Chất thải rắn sinh hoạt

- Không bố trí khu vực sinh hoạt tại Dự án, hạn chế tối đa phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại đây.

- Công nhân ăn uống tại gia đình, các cửa hàng ăn uống xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện nội quy **"HẠN CHẾ SINH HOẠT ĂN, UỐNG TẠI KHU VỰC THI CÔNG DỰ ÁN"**

- Biện pháp dự phòng: Bố trí 02 thùng chứa CTRSH; Bố trí công nhân

tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng trong khu vực

b.2) Chất thải rắn thông thường

- Thực hiện vệ sinh bánh xe của các phương tiện vận chuyển
- Trong quá trình vận chuyển, thùng xe được che chắn bằng vải bạc
- Bố trí nhân viên vệ sinh, thu gom đất rơi vãi tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và đường Trà On
- Tại vị trí giao nhau giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và đường Trà On: thực hiện rải lớp đá dăm gia cố nền đường, phía trên bố trí lớp cỏ, rơm.

b.3) Chất thải nguy hại

- Bố trí 03 thùng lưu chứa CTNH
- Bố trí khu vực lưu chứa CTNH với diện tích khoảng 2 m^2
- Thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Thời gian thực hiện: Sau khi kết thúc dự án

d) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

c.1) An ninh trật tự và an toàn giao thông

- Đơn vị thi công ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương
- Bố trí nhân viên điều tiết giao thông, đặt biệt vào các giờ cao điểm
- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi và thu gom toàn bộ bùn đất rơi vãi phát sinh trên đường giao thông (nếu có)
- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi tình trạng sử dụng của 02 cống tạm
- Đảm bảo tốc độ di chuyển và tải trọng của các phương tiện vận chuyển
- Bố trí biển báo "XE RA VÀO THƯỜNG XUYÊN" tại vị trí giao nhau với tuyến đường ấp Trà On
- Có chế độ hỗ trợ cho người lao động gặp tai nạn lao động nhằm khắc phục kịp thời các thiệt hại do tai nạn gây ra

c.2) Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp

- Quá trình vận chuyển phải sử dụng bạt che kín các thùng xe
- Thực hiện đầy đủ kiểm tra, giám sát bờ bao xung quanh khu vực thi công

- Hoạt động của các phương tiện ra vào khu vực thi công: Phương tiện không di chuyển gần bờ bao, hoặc trên mặt bờ bao, để ngăn ngừa sạt lở do trọng tải lớn, rung lắc khi di chuyển.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố hư hỏng bờ bao (phát sinh đất tràn ra đất sản xuất nông nghiệp lân cận):

+ Ngừng ngay các hoạt động của phương tiện vận chuyển, thi công.

+ Thực hiện kiểm tra tổng quát và xác định phạm vi xảy ra sự cố.

+ Tận dụng các phương tiện sẵn có tại công trường thực hiện gia cố bờ bao kịp thời;

+ Thực hiện thu gom khối lượng đất tràn ra khu vực xung quanh.

+ Thực hiện bồi thường thiệt hại (nếu có)

c.3) Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt (CTNH)

- Thực hiện kiểm tra các phương tiện thi công trước khi đưa vào hoạt động (đầu mỗi ca làm việc.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt, triển khai thực hiện các biện pháp xử lý như sau:

+ Tạm dừng ngay hoạt động của các phương tiện thi công

+ Thực hiện thu gom phần đất dính dầu, nhớt

+ Tập kết vào thùng chứa CTNH và thuê đơn vị xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công.

+ Tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá mức độ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp của người dân.

+ Đồng thời thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

c.4) Rủi ro sạt lở bờ kênh trong hoạt động vận chuyển và bờ bao trong quá trình thi công

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, điều tiết phương tiện phù hợp với tình hình thực tế của khu vực.

- Các phương tiện vận chuyển đất đảm bảo có tải trọng tối đa là 02 tấn và tuân thủ tốc độ khi di chuyển qua lại các tuyến cống tạm.

- Bố trí nhân viên kiểm tra, theo dõi các tuyến kênh trên tuyến đường vận chuyển, bờ bao xung quanh khu vực dự án.

- Hoạt động thi công đảm bảo khoảng cách an toàn với bờ bao, phương tiện không di chuyển trên bờ bao, … đảm bảo không gây hư hỏng, sạt lở bờ bao do quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới.

c.5) Rủi ro sạt lở tại khu vực bến thủy tạm thời

- Thực hiện gia cố đoạn rạch Đập Sen thuộc phạm vi bến thủy tạm thời, vật liệu chủ yếu bằng cọc dừa.

- Thường xuyên kiểm tra khu vực bến nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố hư hỏng tại khu vực này.

- Có kế hoạch cung cấp đất cho khách hàng hợp lý.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.5.1. Giám sát chất thải rắn

- Thành phần giám sát: giám sát khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh.

- Nội dung giám sát: công tác phân loại/phân định, thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Tần suất giám sát: 01 lần/tháng.

- Quy định hiện hành: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

5.5.2. Giám sát chất lượng không khí xung quanh dự án

- Tần suất giám sát: dự kiến vào tháng thứ 4 trong giai đoạn vận hành

- Các thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, CO, NO_2, SO_2;

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu

- Vị trí giám sát:

+ Tại khu đất thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp (ký hiệu: K_{xq1})

+ Tại khu vực bãi tập kết (ký hiệu: K_{xq2})

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.5.3. Giám sát chất lượng nước mặt

- Tần suất giám sát: dự kiến vào tháng thứ 4 trong giai đoạn vận hành

- Các thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, DO và TSS

- Số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu

- Vị trí giám sát: Tại rạch Đập sen, tiếp giáp với bãi tập kết của dự án, cách khu đất khoảng 100m theo hướng dòng chảy (ký hiệu: NM)

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.5.4. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát:

+ Bờ bao xung quanh khu vực các thửa đất cải tạo

+ Tuyến đường giao thông dự án đi qua (tuyến đường ấp Trà On và tuyến đường vận chuyển nội bộ)

+ Vị trí neo đậu của các phương tiện đường thủy

- Nội dung giám sát: tình trạng bờ bao, bờ kênh, tình trạng mặt đường giao thông.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

- Đơn vị thực hiện chương trình giám sát môi trường: Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện chương trình giám sát.

Chương 1: THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

"DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO TẠI KHU VỰC 5, THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP XÃ HUYỀN HỘI" *(gọi tắt là Dự án)*

1.1.2. Thông tin về chủ dự án

- Tên chủ dự án: Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như

Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như đã thực hiện ký kết hợp đồng cải tạo đất nông nghiệp với 05 hộ dân là chủ sở hữu các thửa đất thuộc Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội, theo nội dung hợp đồng đã được ký kết: Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như thu mua lại toàn bộ đất dôi dư từ hoạt động cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp.

- Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: số 58B8003284, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 31/5/2023

- Người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thị Hồng Như

- Phương tiện liên hệ: 098 492 7601

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Thực hiện lập Phương án cải tạo đất nông nghiệp, Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án vận chuyển: Từ tháng 9/2023 đến tháng 02/2024

+ Thực hiện thi công dự án: 06 tháng (dự kiến từ tháng 3/2024 đến hết tháng 8/2024), kể từ ngày có văn bản chấp thuận (đủ điều kiện khai thác) của cơ quan có thẩm quyền.

1.1.3. Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án

- Vị trí thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" tại 07 thửa đất (bao gồm: thửa đất số 1619, 1542, 1538, 1541, 1543, tờ bản đồ số 56; thửa đất số 100A, 102B, 106A, tờ bản đồ số 6) thuộc ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận tiếp giáp như sau:

**** Khu 1 (bao gồm 05 thửa đất (Thửa đất số 1619, 1542, 1541 và 1543, tờ bản đồ số 56; thửa đất số 106A, tờ bản đồ số 6)). Tứ cận tiếp giáp như sau:***

+ Phía Đông tiếp giáp kênh nội đồng (nhánh kênh nối giữa Kênh V4 và Kênh V5)

+ Phía Tây tiếp giáp kênh nội đồng (nhánh kênh nối giữa Kênh V4 và Kênh V5)

+ Phía Nam tiếp giáp đất sản xuất nông nghiệp

+ Phía Bắc tiếp giáp đất sản xuất nông nghiệp

**** Khu 2 (bao gồm 02 thửa đất (thửa đất 100A và 102B, tờ bản đồ số 6)). Tứ cận tiếp giáp như sau:***

+ Phía Đông đất sản xuất nông nghiệp

+ Phía Tây tiếp giáp kênh V5 (kênh thủy lợi cấp II)

+ Phía Nam tiếp giáp đất sản xuất nông nghiệp

+ Phía Bắc tiếp giáp đất sản xuất nông nghiệp

- Vị trí khu vực dự án được giới hạn bởi các điểm có tọa độ *(Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0 30'$, múi chiếu 3 độ)* như sau:

Bảng 5: Tọa độ vị trí thực hiện dự án

Điểm góc giới hạn	**Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0 30'$, múi chiếu 3 độ**	
	X (m)	**Y (m)**
Điểm 1	1095799	580137
Điểm 2	1095883	580076
Điểm 3	1095912	580115
Điểm 4	1095930	580102
Điểm 5	1095932	580156
Điểm 6	1095940	580153
Điểm 7	1095955	580174
Điểm 8	1095922	580200
Điểm 9	1095936	580221
Điểm 10	1095977	580193

Điểm góc giới hạn	**Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0$30', múi chiếu 3 độ**	
	X (m)	**Y (m)**
Điểm 11	1095871	580292

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

- Vị trí bãi tập kết đất dôi dư sau hạ độ cao tại thửa đất số 654, tờ bản đồ số 6, thuộc ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông tiếp giáp đất trống, đất trồng cây ăn trái, cách hộ dân gần nhất khoảng 50m.

+ Phía Tây tiếp giáp đất trống, đất trồng cây ăn trái.

+ Phía Nam tiếp giáp Rạch Đập Sen.

+ Phía Bắc tiếp giáp đất trống, cách hộ dân gần nhất khoảng 50m.

Vị trí khu vực bãi tập kết được giới hạn bởi các điểm có tọa độ *(Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0$30', múi chiếu 3 độ)* như sau:

Bảng 6: Tọa độ vị trí khu vực bãi tập kết

Điểm góc giới hạn	**Tọa độ VN-2000, Kinh tuyến $105^0$30', múi chiếu 3 độ**	
	X (m)	**Y (m)**
Điểm 1	1095 586	580 510
Điểm 2	1095 569	580 519
Điểm 3	1095 534	580 483
Điểm 4	1095 545	580 470

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

- Vị trí khu đất bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ: thửa đất số 3022, 2846, 2845 cùng tờ bản đồ số 56, thuộc ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông tiếp giáp kênh nội đồng (nhánh kênh nối giữa Kênh V4 và Kênh V5), cách vị trí thực hiện dự án khoảng 20m.

+ Phía Tây tiếp giáp kênh Tây (kênh thủy lợi cấp III) và tuyến đường ấp Trà On, cách khu vực bãi tập kết đất khoảng 100m.

+ Phía Nam tiếp giáp đất trồng cây ăn trái, cách hộ dân gần nhất khoảng 50m.

+ Phía Bắc tiếp giáp đất trồng cây ăn trái và cách hộ dân gần nhất khoảng 50m.

Vị trí của các khu vực thuộc "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" được thể hiện trong các sơ đồ sau:

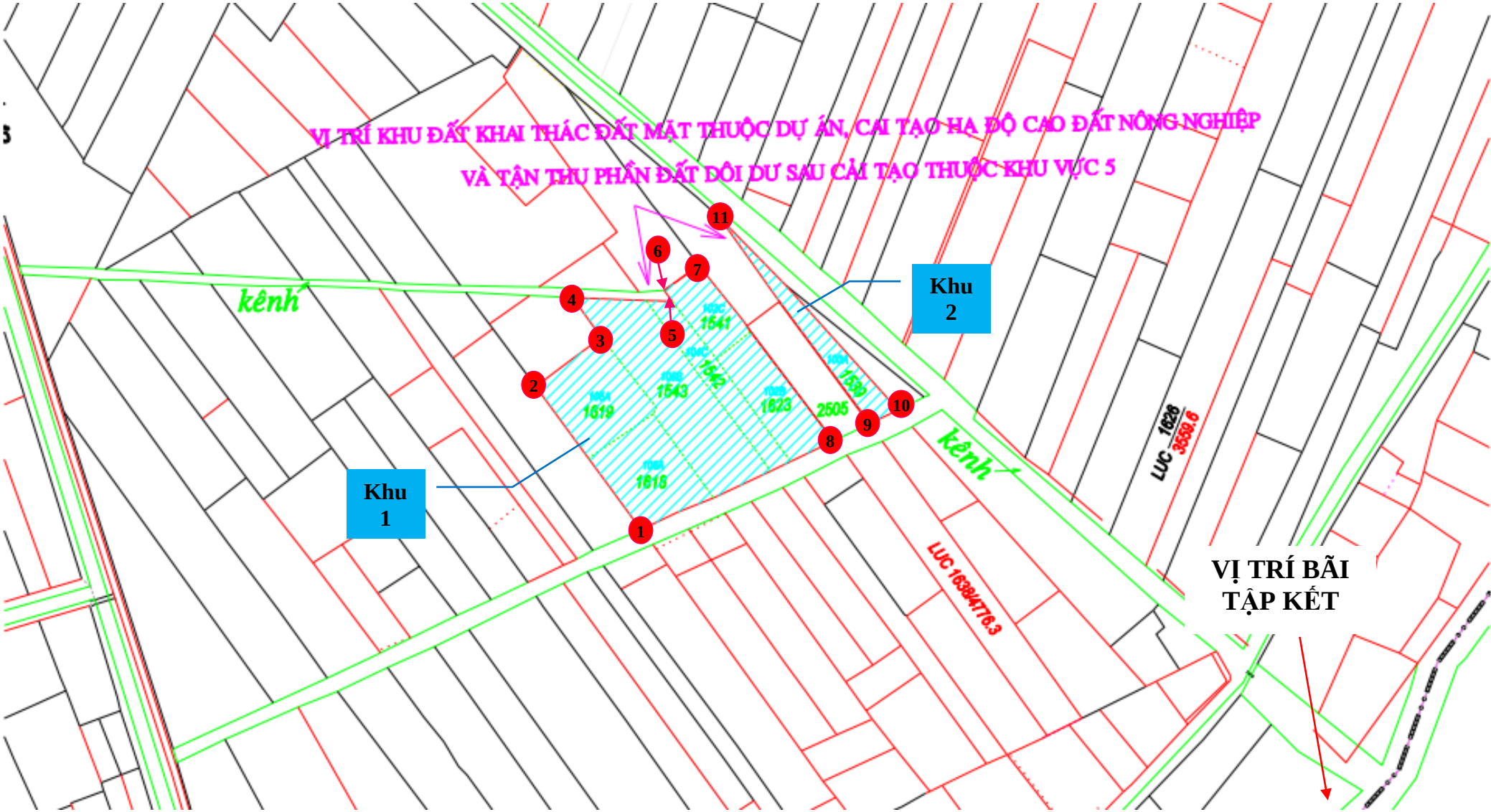

Hình 1: Vị trí tổng thể khu đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp

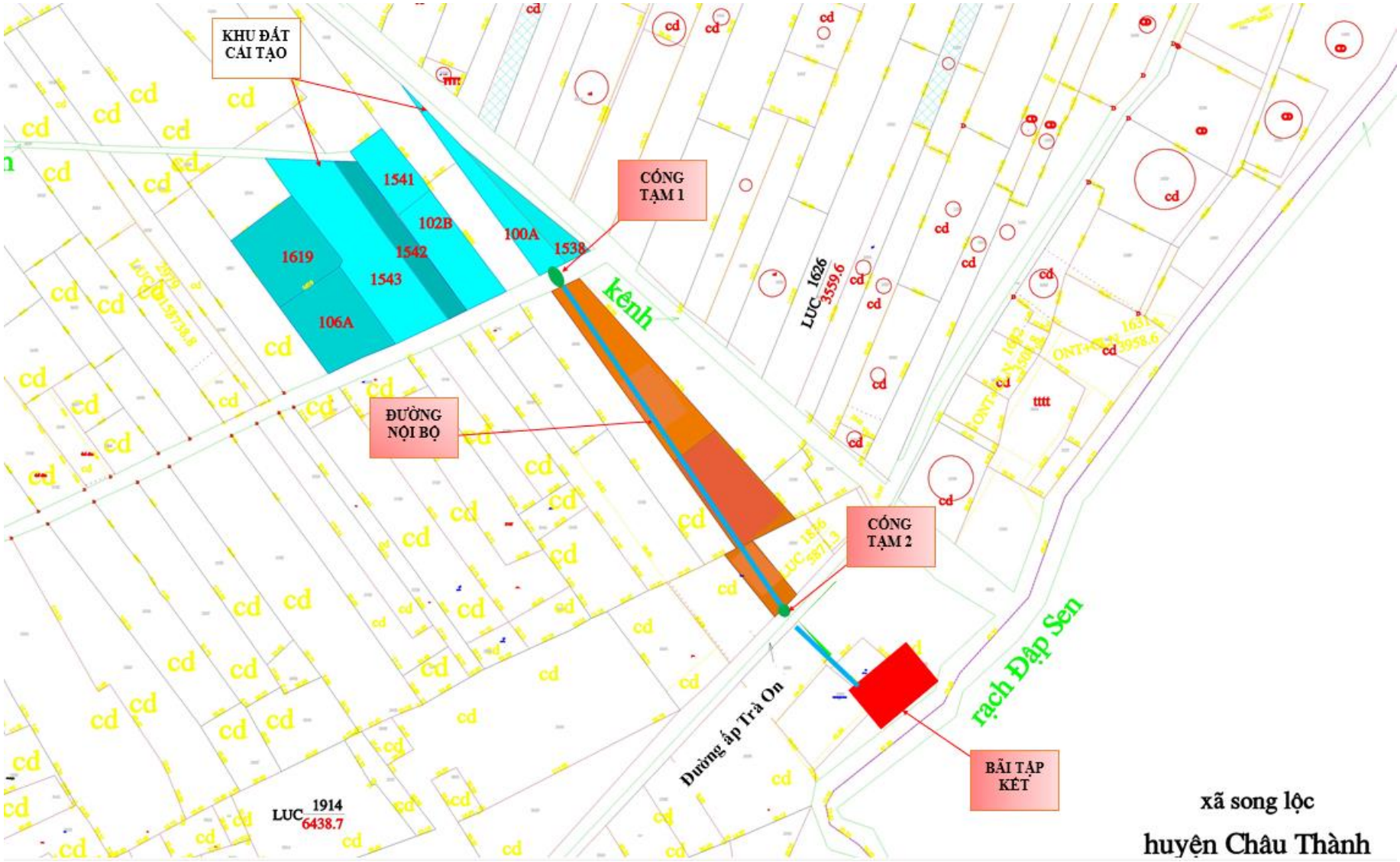

Hình 2: Sơ đồ định vị các hạng mục công trình thuộc Dự án

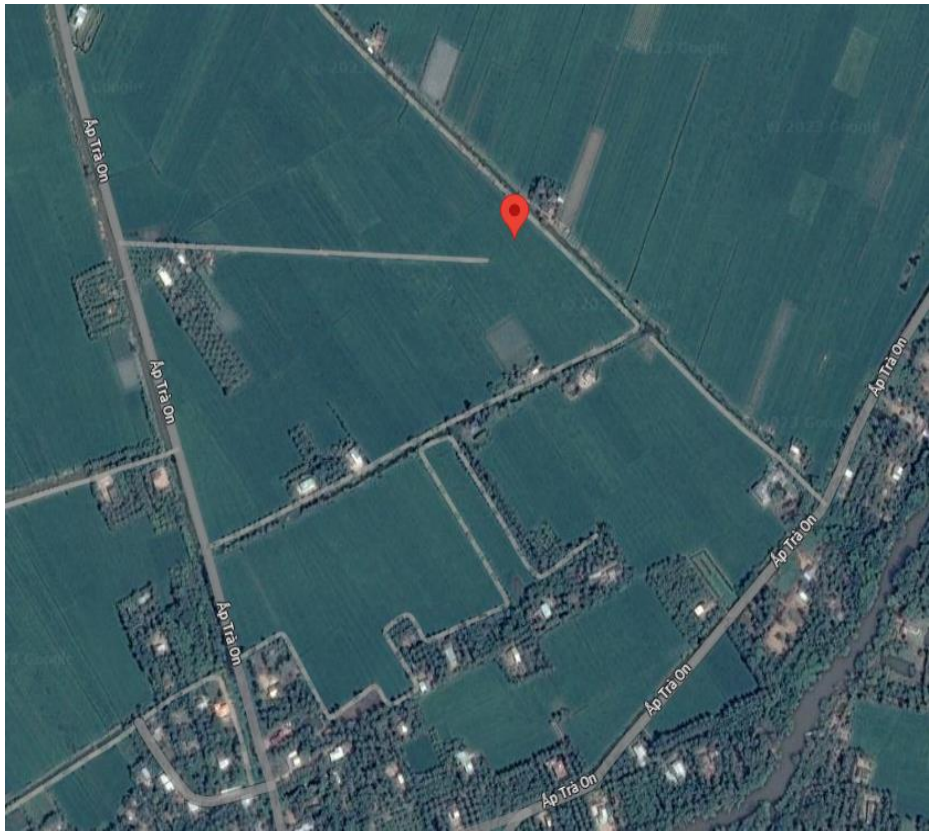

Hình 3: Sơ đồ vị trí Dự án (Khu đất cải tạo)

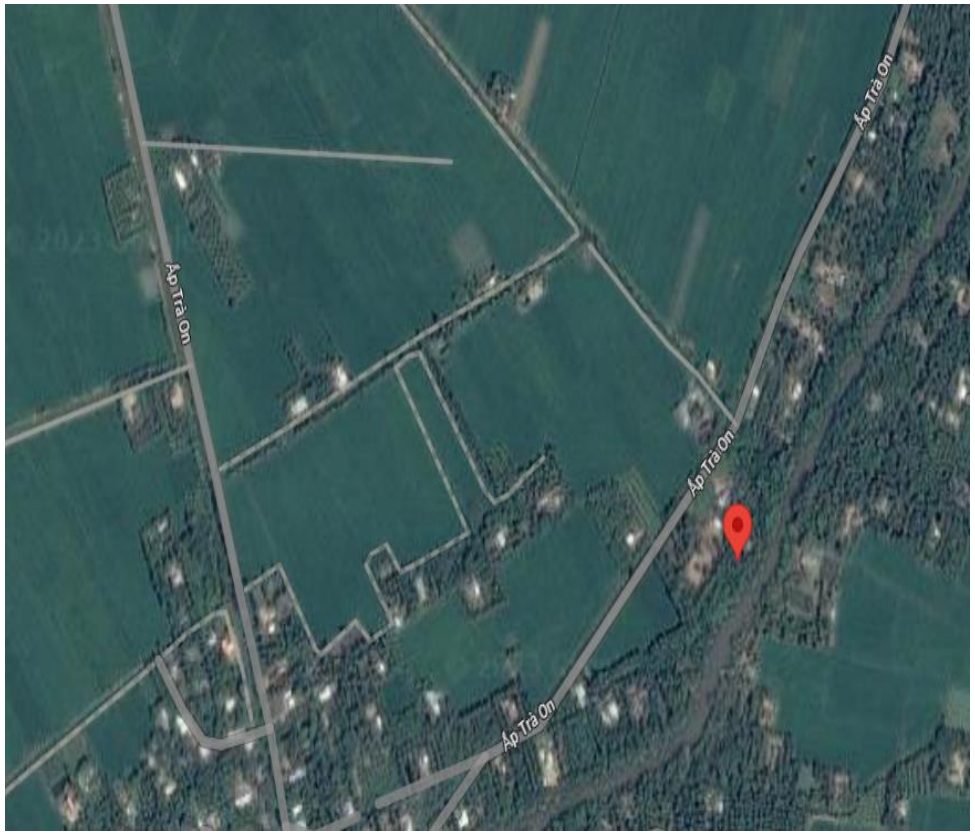

Hình 4: Sơ đồ vị trí Dự án (bãi tập kết)

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

- Hiện trạng quản lý:

+ Khu vực thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp: bao gồm 07 thửa đất do 05 hộ dân làm chủ sở hữu. Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long chấp thuận chủ trương, 05 hộ dân đã thực hiện ký kết Hợp đồng cải tạo đất nông nghiệp với Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp tại các thửa đất nêu trên.

(đính kèm phụ lục 05 bản Hợp đồng cải tạo đất nông nghiệp)

+ Khu vực bãi tập kết: Chủ dự án thực hiện thuê khu đất do ông Trần Văn Bảo làm chủ sở hữu, để tập kết đất, thực hiện công đoạn ép đất thành viên và cung cấp xuống phương tiện vận chuyển của đơn vị thu mua (vị trí neo đậu, xuống hàng của các phương tiện đường thủy)

(đính kèm phụ lục Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất làm đường xe chạy và nền dựa đất)

+ Khu vực bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ: Chủ dự án thực hiện thuê khu đất do ông Nguyễn Văn Đệ và bà Nguyễn Thị A làm chủ sở hữu, để bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ, nhằm vận chuyển đất dôi dư từ vị trí thi công đến vị trí bãi tập kết.

(đính kèm phụ lục Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất)

Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 7: Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của dự án

STT	Tên chủ sở hữu	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m^2)
A	***Khu vực thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp***			
1	Nguyễn Thị Tiết	1619	56	2.780
2	Nguyễn Văn Hoa	1542	56	2.000
		1541	56	1.369
3	Nguyễn Thị Liên	100A	6	2.320
		102B	6	2.250
4	Huỳnh Văn Thêm	1543	56	4.918
5	Trần Thị Oanh	106A	6	2.870

STT	Tên chủ sở hữu	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m^2)
Tổng cộng				**18.506**
B	***Khu vực bãi tập kết***			
1	Trần Văn Bảo	654	6	2.280
C	***Khu vực bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ (chỉ tính diện tích tuyến đường với bề rộng tối đa 10m)***			
1	Nguyễn Văn Đệ	2845	56	700
2	Nguyễn Thị A	3022	56	500
3	Nguyễn Út Anh	2846	56	300

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

- Hiện trạng khu vực thực hiện dự án: Tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hiện trạng các khu vực thực hiện dự án cụ thể như sau:

+ Khu vực thi công hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp: hiện trạng đang canh tác lúa nước, dự kiến thu hoạch vào khoảng tháng 11/2023. Trong phạm vi khu đất không có công trình xây dựng cần tháo bỏ hoặc di dời.

Tuy nhiên, hiện nay, khu đất này có độ cao chênh lệch khá lớn (cao hơn 20 - 25 cm so với các thửa đất canh tác xung quanh), gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng lúa nước).

Theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1823/SNN-BVTV ngày 17/8/2023 và ý kiến của UBND huyện Càng Long tại Công văn số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023 thì khu vực này cần thực hiện hạ độ cao khoảng 20cm để thuận lợi canh tác, sản xuất lúa nước.

Hình 5: Hình ảnh hiện trạng khu vực dự án

+ Khu vực bãi tập kết: Hiện trạng đã bố trí máy ép viên, khu vực tập kết đất cơ bản đảm bảo nhu cầu sử dụng, … Trong phạm vi khu đất không có công trình xây dựng cần tháo bỏ hoặc di dời.

Hình 6: Hình ảnh hiện trạng khu vực bãi tập kết

+ Khu vực bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ: Hiện trạng là đất trồng cây ăn trái (cây dừa), không có công trình xây dựng cần tháo bỏ hoặc di dời. Tuyến đường được bố trí xen kẽ với các dãy trồng dừa, không thực hiện phá bỏ cây trồng hiện hữu.

Khu đất có vị trí tiếp giáp kênh nội đồng về hướng Đông và hướng Tây, do đó Chủ dự án sẽ bố trí 02 cống tạm tại các vị trí này. Đảm bảo quá trình hoạt động của phương tiện không gây ảnh hưởng đến quá trình tiêu thoát nước của tuyến kênh nội đồng và hoạt động sản xuất nông nghiệp trong khu vực.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

a) Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư

Xung quanh khu vực thực hiện dự án có mật độ dân cư thưa thớt, phần lớn tập trung dọc trên tuyến đường ấp Trà On. Theo khảo sát do đơn vị tư thực hiện cho thấy:

- Đối với Khu đất thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp: Khu đất nằm sâu trong nội đồng, nên không tiếp giáp với nhà dân. Trong bán kính 300 - 500m có khoảng 05 hộ dân sinh sống, hộ dân gần nhất cách dự án khoảng > 200m

- Đối với bãi tập kết và tuyến đường vận chuyển nội bộ: Trong bán kính

200m có khoảng 10 hộ dân sinh sống, hộ dân gần nhất cách bãi tập kết khoảng > 50m và hộ dân gần nhất cách khu đất bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ khoảng 100m.

b) Khoảng cách từ dự án tới khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Xung quanh khu vực thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp: Tiếp giáp với khu vực đất trồng lúa nước, theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, đây là yếu tố nhạy cảm về môi trường. Do đó, trong quá trình đánh giá, dự báo tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu, cần chú trọng đến khu vực này.

- Ngoài ra, khu vực thực hiện dự án không tiếp giáp với khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường bao gồm "khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường".

1.1.6. Mục tiêu; loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

- Mục tiêu:

+ Thực hiện cải tạo đất nông nghiệp tại khu vực dự án nhằm: đảm bảo sự đồng đều về cao độ trong khu vực, tăng độ màu mỡ của đất,… qua đó tạo thuận lợi trong canh tác lúa nước, tăng năng suất và lợi nhuận cho nông hộ.

+ Tận thu, vận chuyển đất dôi dư sau hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp vừa góp phần sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên sẵn có, vừa góp phần tạo nguồn thu cho nhà đầu tư.

+ Tạo nguồn thu ngân sách Nhà nước thông qua các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định.

- Loại hình: Dự án tận thu, khai thác khoáng sản (đất dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp)

- Quy mô và công suất hoạt động của dự án:

+ Quy mô của dự án: bao gồm 07 thửa đất do 05 hộ dân làm chủ sở hữu với tổng diện tích 18.506 m^2

+ Tổng diện tích các thửa đất cải tạo là: 18.506 m^2.

+ Tổng diện tích thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp: 17.268 m^2 (không thực hiện khu vực bờ bao xung quanh khu đất)

+ Chiều sâu cần hạ độ cao: 20cm

+ Khối lượng đất dôi dư thu được: 2.900,5 m^3

+ Công suất hoạt động cải tạo, hạ độ cao: 30 m^3/ngày.

Quy mô, công suất của Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 8: Quy mô, công suất của Dự án

STT	Tên chủ sở hữu	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích *(m^2)*	Khối lượng đất dôi dư *(m^3)*
1	Nguyễn Thị Tiết	1619	56	2.780	107,78
2	Nguyễn Văn Hoa	1542	56	2.000	807,9
		1541	56	1.369	
3	Nguyễn Thị Liên	100A	6	2.320	651,9
		102B	6	2.250	399,99
4	Huỳnh Văn Thêm	1543	56	4.918	755,5
5	Trần Thị Oanh	106A	6	2.870	177,5
Tổng cộng				**18.506**	**2.900,5**

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

- Công nghệ thực hiện: Quá trình thi công dự án được thực hiện bằng các phương tiện cơ giới chuyên dụng, bao gồm:

+ Hoạt động thi công hạ độ cao, cải tạo và san gạt hoàn trả mặt bằng được thực hiện bằng xe cuốc, ngoài ra dự án không sử dụng các phương tiện cơ giới khác.

+ Hoạt động vận chuyển đất từ vị trí thi công đến vị trí tập kết đất bằng xe tải, có tải trọng 2 tấn;

Hoạt động hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp phải đảm bảo đúng theo nội dung Phương án cải tại đất nông nghiệp đã được Ủy ban nhân dân huyện Càng Long phê duyệt tại Quyết định số 3211/UBND-KT ngày 30/10/2023

Hoạt động vận chuyển đất dôi dư phải đảm bảo đúng theo Phương án vận chuyển được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.1. Các hạng mục công trình chính

- "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" bao gồm các công trình chính như:

+ Khu đất thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp với tổng diện tích khoảng 18.506 m^2. Tuy nhiên, không thực hiện thi công tại vị trí bờ bao xung quanh khu đất, nên tổng diện tích đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp là 17.268 m^2.

+ Khu vực bãi tập kết: Bố trí 01 bãi tập kết, với tổng diện tích khoảng 2.280 m^2

+ Tuyến đường vận chuyển nội bộ: Tổng chiều dài khoảng 150m (bề rộng tuyến đường tối đa khoảng 10m)

1.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ dự án

- Dự án sử dụng lao động địa phương, do đó không bố trí lán trại, khu vực sinh hoạt trong khu vực thi công dự án (ăn uống, nghỉ trưa, ở lại qua đêm, ...) cho công nhân.

- Dự án thực hiện thuê/sử dụng nhờ khu vực sinh hoạt tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong (cách vị trí bãi tập kết khoảng 50m), nhằm phục vụ nhu cầu vệ sinh cá nhân của công nhân khi có nhu cầu.

- Nhà điều hành: Được bố trí tại khu vực văn phòng của Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như (địa chỉ: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh)

- Tập kết phương tiện và thiết bị thi công ngay trên khu vực dự án

- Bến thủy nội địa: phục vụ xếp dỡ đất xuống phương tiện vận chuyển của khách hàng. Phạm vi bến:

+ Chiều dài dọc theo bờ rạch Đập Sen: 50m, tính từ chân cột báo hiệu dọc theo bờ về hướng hạ lưu.

+ Chiều rộng từ mép ngoài bến: 10m, tính từ mép bờ tự nhiên trở ra phía luồng.

- Hệ thống điện:

+ Phục vụ nhu cầu sinh hoạt: Chủ dự án xây dựng kế hoạch thi công không thực hiện vào khu thời gian từ 18h - 07h, do đó, tại công trường không bố trí hệ thống điện chiếu sáng.

+ Phục vụ vận hành máy ép viên: Sử dụng nguồn điện lấy từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp 1 pha 70 kVA.

1.2.3. Các hoạt động của dự án

Quá trình triển khai thực hiện Dự án bao gồm các hoạt động chính như sau:

- Hoạt động hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp
- Hoạt động vận chuyển đất dôi dư sau cải tạo (từ vị trí thi công đến khu vực bãi tập kết)
- Hoạt động ép/định hình đất thành viên
- Ngoài ra còn có hoạt động sinh hoạt của công nhân, hoạt động sửa chữa phương tiện, máy móc khi phát sinh các sự cố hư hỏng.

Nhìn chung, quy mô thực hiện dự án tương đối nhỏ, thời gian thi công ngắn, nhu cầu sử dụng máy móc và nhân công tương đối ít, nên các tác động phát sinh trong quá trình thực hiện dự án được nhận định là nhỏ hoặc không đáng kể đến các đối tượng xung quanh.

1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hạng mục thu gom, lưu trữ CTNH: Bố trí 03 thùng chứa CTNH, đảm bảo đúng theo yêu cầu và quy định của Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Bố trí 01 thùng có dung tích là 120 lít chứa nhớt thải

+ Bố trí 01 thùng có dung tích là 50 lít chứa giẻ lau

+ Bố trí 01 thùng có dung tích là 50 lít chứa bình ắc quy thải

- Hạng mục thu gom, lưu trữ CTRSH: Bố trí 02 thùng chứa CTRSH (01 thùng bố trí tại khu vực thi công hạ độ cao, 01 thùng bố trí tại khu vực bãi tập kết), đảm bảo đúng theo yêu cầu và quy định của Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hạng mục thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Chủ dự án thực hiện thuê/sử dụng nhờ khu vực sinh hoạt tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong (cách vị trí

bãi tập kết khoảng 50m), đảm bảo thuận tiện cho công nhân sử dụng khi có nhu cầu, công trình xử lý nước thải đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận và xử lý NTSH.

1.2.5. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động của dự án sử dụng phương tiện cơ giới là chủ yếu. Thông qua quá trình đốt nhiên liệu của động cơ sẽ phát thải ra môi trường một lượng khí thải, bên cạnh đó có tiếng ồn và độ rung. Nhìn chung các nguồn thải sẽ gây tác động nhất định đến các thành phần môi trường, tuy nhiên dự báo ở mức không đáng kể.

- Việc triển khai thực hiện dự án mang tính cấp thiết, phục vụ chính cho hoạt động sản xuất nông nghiệp trong khu vực. Song song đó là hoạt động tận thu đất dôi dư (thuộc nhóm khoáng sản), không những góp phần vào sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản, mà còn góp phần tăng nguồn thu ngân sách, tạo nguồn thu cho nhà đầu tư.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân: Phát sinh CTR và nước thải, có khả năng gây tác động đến cảnh quan, môi trường đất, nước mặt, … nếu không được xử lý đúng quy định.

- Sự cố tai nạn giao thông: Tần suất hoạt động của các phương tiện tương đối lớn, nhưng trong phạm vi quản lý của chủ dự án (đường vận chuyển nội bộ), không hoạt động trên các tuyến đường giao thông của địa phương (đường ấp Trà On), do đó hầu như không gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thông trong khu vực hoặc chỉ gây ảnh hưởng tại vị trí giao nhau với tuyến ấp Trà On vào khu vực bãi tập kết.

- Sự cố tai nạn lao động: Quá trình vận hành các phương tiện, máy móc thi công luôn tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động, qua đó tác động trực tiếp đến công nhân, gián tiếp ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án và thiệt hại kinh tế cho nhà đầu tư.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

- Nhu cầu nguyên liệu: Hoạt động hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp phát sinh khoảng 2.900,5 m^3 đất, đây được xem là nguyên liệu đầu vào cho hoạt động tận thu và vận chuyển đất dôi dư.

Đất được ép thành viên và cung cấp cho các cơ sở/khách hàng có nhu cầu.

- Nhu cầu cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt: theo QCVN

01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày.

Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng nước chủ yếu là vệ sinh cá nhân, nên nhu cầu sử dụng chỉ khoảng 40 lít/người/ngày, tương đương 400 lít/ngày (tính toán cho nhu cầu sử dụng của 10 công nhân).

Nguồn cung cấp nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt: Sử dụng nhờ tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong

- Nhu cầu nhiên liệu cho phương tiện: Dự án có sử dụng nhiên liệu là dầu DO cho hoạt động của phương tiện thi công.

Tham khảo định mức theo Quyết định số 218/QĐ-SXD ngày 09/11/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh về việc công bố Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và thời gian thi công, thiết bị máy móc dự kiến, nhu cầu nhiên liệu được ước tính như sau:

Bảng 9: Nhu cầu nhiên liệu dầu DO của các phương tiện

STT	Phương tiện, thiết bị thi công	Số lượng	Số ca	Định mức (lít/ca)	Nhu cầu nhiên liệu dầu DO (lít)
1	Xe cuốc	02	02	43	172
2	Xe tải (tải trọng 2 tấn)	04	02	41	320
Tổng cộng					***492***

Nguồn cung cấp chủ yếu là các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Công nghệ vận hành "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" được thể hiện trong sơ đồ sau:

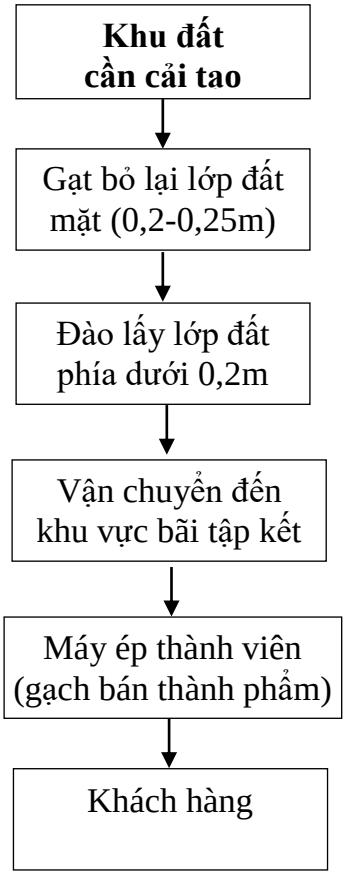

Hình 7: Quy trình hoạt động của phương án

Thuyết minh quy trình:

- Khu đất cần cải tạo được thực hiện đảm bảo đúng quy định, gạt bỏ lớp đất mặt theo phương thức hoàn thổ, bóc tách lớp đất mặt (tầng canh tác) khoảng 20 - 25 cm để sang một bên, sau do lấy lớp đất tầng dưới 20 cm, rồi trãi lớp đất mặt trở lại và sang bằng phẳng mặt ruộng.

Các phương tiện hoạt động theo nguyên tắc: Thực hiện song song quá trình cải tạo, hạ độ cao với san gạt hoàn trả mặt bằng, sau đó di chuyển đến vị trí tiếp theo.

- Quá trình cải tạo, hạ độ cao phải đồng đều trong khu vực. Không làm ảnh hưởng đến các thửa ruộng lân cận và các công trình giao thông,…

Sau khi cải tạo, cần duy trì và tăng độ màu mỡ của đất, giữ nước tốt giúp canh tác lúa thuận lợi góp phần tăng năng suất, tăng chất lượng, sản xuất đại hiệu quả cao hơn.

Đất dôi dư thu được sau hoạt động cải tạo đất nông nghiệp, được vận chuyển về khu vực bãi tập kết, tại đây đất được ép thành viên và cung cấp cho các cơ sở/khách hàng có nhu cầu.

Thời gian hoạt động của dự án thực hiện theo ca, cụ thể như sau: sáng từ 7h – 11h; chiều 13h – 17h.

► Nhận định các hoạt động có khả năng gây tác động xấu đến môi trường:

- Quá trình thi công dự án thì hoạt động hạ độ cao, hoạt động của máy ép viên và hoạt động của phương tiện vận chuyển có khả năng gây tác động xấu đến môi trường thông qua việc phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn và tiếng ồn, độ rung.

- Bên cạnh đó, xung quanh khu vực thi công cải tạo, hạ độ cao phần lớn là đất sản xuất nông nghiệp, do đó ngoài các tác động môi trường, hoạt động của các phương tiện cơ giới còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh sự cố sạt lỡ bờ bao, gây đổ tràn đất ra khu vực xung quanh, từ đó gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp tại các khu vực này.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

- *Bố trí mặt bằng thi công:* Dựa trên tổng mặt bằng dự án, đề ra trình tự thi công, lựa chọn phương án vận chuyển phù hợp. Trong quá trình thi công, cần chú ý đến các yêu cầu và các quy định về an toàn thi công, vệ sinh môi trường, chống bụi, chống ồn, an ninh, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến hoạt động của các khu vực xung quanh.

- *Phương án giao thông nội bộ phục vụ quá trình thi công:* Nhằm phục vụ quá trình thực hiện dự án, cụ thể là công tác vận chuyển đất từ vị trí thi công đến vị trí bãi tập kết đất, cần bố trí các công trình tạm như sau:

* Công trình cống tạm: Cống dẫn nước tạm, dự kiến bố trí tại 02 vị trí (điểm đầu và điểm cuối của khu đất bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ), kết cấu như sau:

+ Cống 1 được bố trí tại tuyến kênh nội đồng nhánh kênh nối giữa Kênh V4 và Kênh V5), cách khu vực cải tạo khoảng 20m. Cống 2 được bố trí tại kênh Tây (kênh thủy lợi cấp III), tiếp giáp với tuyến đường Trà On.

+ Vật liệu xây dựng cống tạm: Cống bêtông ly tâm, đường kính 600mm

+ Cao trình đặt cống đảm bảo yêu cầu lấy nước tự chảy, thuận lợi cho việc đưa nước vào nhánh kênh và có mặt bằng đảm bảo cho các phương tiện di chuyển qua.

+ Tải trọng, đáp ứng được nhu cầu di chuyển của các phương tiện vận chuyển là 2 tấn.

* Công trình tuyến đường vận chuyển nội bộ: Chủ dự án thực hiện thuê khu đất có điểm đầu tiếp giáp với Khu đất thực hiện hạ độ cao, cải tạo và điểm cuối tiếp giáp với vị trí dẫn vào khu bãi tập kết, đảm bảo tổng chiều dài tuyến đường vận chuyển là nhỏ nhất. Kết cấu như sau:

+ Sử dụng nền đất tự nhiên của khu đất.

+ Bề rộng của tuyến đường đảm bảo hoạt động của phương tiện vận chuyển đồng thời theo 02 chiều (ra - vào dự án), tối đa là 10m.

+ Bố trí biển báo "XE RA VÀO THƯỜNG XUYÊN" tại vị trí giao nhau với tuyến đường ấp Trà On.

- *Thời gian thi công dự án:* Do hoạt động thi công dự án mang tính cấp thiết, đảm bảo thời gian gieo giống cho vụ mùa kế tiếp và một phần bị ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, nên thời gian thi công thực hiện cả vào các ngày nghỉ cuối tuần và ngày lễ (nếu có), thời gian hoạt động trong ngày 7h – 11h và từ 13h – 17h.

- *Phương án vận chuyển đất dôi dư sau hạ độ cao:* Đất phát sinh sau khi hạ độ cao được vận chuyển đến khu vực bãi tập kết, sau đó được ép thành viên và cung cấp cho khách hàng trong và ngoài khu vực.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Thực hiện lập Phương án cải tạo đất nông nghiệp, Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án vận chuyển: Từ tháng 9/2023 đến tháng 02/2024

- Thực hiện thi công dự án: 06 tháng (dự kiến từ tháng 3/2024 đến hết tháng 8/2024), kể từ ngày có văn bản chấp thuận (đủ điều kiện khai thác) của cơ quan có thẩm quyền

1.6.2. Tổng mức đầu tư dự án

- Nguồn vốn đầu tư dự án được thực hiện bằng nguồn vốn của Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Tổng vốn đầu tư của Dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 10: Vốn đầu tư dự án

STT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
I	***Chi phí trực tiếp***			
1	Chi phí hợp đồng với hộ dân	7.000.000	5 hộ	35.000.000
2	Thuế, phí			
2.1	Tiền cấp quyền	1.795,50	2.900,5	5.207.848
2.2	Thuế tài nguyên	4.900	2.900,5	14.212.450
2.3	Phí bảo vệ môi trường	2.200	2.900,5	6.381.100
3	Nhân công (tạm tính)	250.000	10 người *70 ngày công	175.000.000
4	Chi phí khác (nhiên liệu, ứng phó sự cố, …)	100.000.000	-	100.000.000
II	***Thuế VAT (10% * I)***			**33.580.140**
III	***Tổng chi phí (I + II)***			***369.381.538***

Nguồn: Đơn vị tư vấn và Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như tổng hợp, 2023

- Thuế tài nguyên: Căn cứ theo Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

- Phí bảo vệ môi trường: Căn cứ theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 31/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại tỉnh Trà Vinh;

- Tiền cấp quyền khai thác khoán sản: Căn cứ theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như chịu trách nhiệm bố trí đầy đủ nhân lực thực hiện dự án, đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả kinh tế, cụ thể như sau:

- Quản lý: Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư trực tiếp chịu trách nhiệm trong quá trình quản lý và điều hành tất cả các hoạt động của dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Công nhân lao động: 10 người (06 lái xe và 04 công nhân vận hành máy ép viên)

Chương 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Càng Long là một trong những huyện trọng điểm của tỉnh Trà Vinh, nằm cách thành phố Trà Vinh khoảng 21 km về phía Đông, cách tỉnh Vĩnh Long khoảng 43 km về phía Bắc và cách thành phố Hồ Chí Minh 120 km. Tổng diện tích tự nhiên theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê đất đai đến 31/12/2021 của huyện là 29.389,24 ha. Vị trí tiếp giáp:

- Phía Đông huyện Càng Long: giáp thành phố Trà Vinh và tỉnh Bến Tre.

- Phía Tây huyện Càng Long: giáp huyện Cầu Kè và tỉnh Vĩnh Long.

- Phía Nam huyện Càng Long: giáp huyện Tiểu Cần, Châu Thành.

- Phía Bắc huyện Càng Long: tỉnh Vĩnh Long.

Huyện Càng Long có 14 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm các xã: An Trường, Bình Phú, Đại Phước, Huyền Hội, Nhị Long, Phương Thạnh, Tân Bình, An Trường A, Đại Phúc, Đức Mỹ, Mỹ Cẩm, Nhị Long Phú, Tân An và thị trấn Càng Long. Trung tâm hành chính của huyện Càng Long đặt tại thị trấn Càng Long.

Với vị trí là cửa ngỏ của tỉnh Trà Vinh và có hai trục giao thông quan trọng của tỉnh: Quốc lộ 53 và Quốc lộ 60 đi qua, huyện Càng Long có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội trong thời gian tới.

* *Vị trí địa lý xã Huyền Hội*

Xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh , với diện tích tự nhiên là 3.464,87 ha gồm 9 ấp (ấp Lưu Tư, ấp Kinh A, ấp Kinh B, ấp Cầu Xây, ấp Bình Hội, ấp Trà On, ấp Giồng Bèn, ấp Sóc, ấp Giồng Mới và khu trung tâm xã nằm trong ấp Lưu Tư), địa giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Đông giáp: xã Phương Thạnh và xã Song Lộc (huyện Châu Thành).

- Phía Tây giáp: xã Tân An và xã Tân Bình.

- Phía Nam giáp: xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần.

- Phía Bắc giáp: xã Bình Phú và xã An Trường.

Dân cư nông thôn trên địa bàn xã phân bố theo hai dạng chính sau:

- Dạng 1: Các tuyến dân cư sống dọc hai bên các trục giao thông chính của Xã và tập trung đông nhất tại khu vực trung tâm xã Huyền Hội, dọc theo Tỉnh lộ 911, Hương lộ 6, Hương lộ 7, các tuyến đường đal và các kênh thủy lợi.

- Dạng 2: Dân cư sống phân tán trong vườn cây ăn quả, cây công nghiệp, chiếm tỷ lệ thấp và nằm rải rác ở các ấp.

(Nguồn: Thuyết minh đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Huyền Hội, huyện Càng Long đến năm 2030, (Điều chỉnh Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh))

b) Địa hình

- Đặc điểm địa hình huyện Càng Long: Địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, ngoài những giồng cát mang tính đặc thù chung của vùng đồng bằng ven biển có địa hình cao trên 1,2 m phần lớn diện tích đất trong huyện có cao trình bình quân phổ biến là 0,4 - 1,0 m so với mặt nước biển, các cáo trình thấp phân bố rải rác một số khu vực tại các xã An trường Mỹ Cẩm, Tân An có địa hình thấp trũng (cao trình < 0,4 m).

Nhìn chung địa hình của huyện thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và các cây lâu năm. Tuy nhiên, ở khu vực phía bắc chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của chế độ bán nhật triều nên vào mùa lũ và lúc triều cường đất thường bị ngập sâu.

- Đặc điểm địa hình xã Huyền Hội: Xã Huyền Hội có cao độ trung bình 1,0 m - 1,2 m, nền đất mềm yếu, bị chia cắt bởi kênh rạch, các khu đất ven sông rạch thường cao và xa hơn là vườn và ruộng có địa hình thấp dần. Nhìn chung địa hình của xã Huyền Hội tương đối bằng phẳng, có xu hướng dốc từ Tây Bắc xuống Đông Nam và không có chênh lệch lớn về độ cao, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và giao thông.

c) Khí hậu

Huyện mang những đặc điểm chung của khí hậu đồng bằng Nam Bộ, có chế độ khí hậu gió mùa cận xích đạo với nền nhiệt cao đều quanh năm, lượng mưa lớn phân hóa theo mùa. Một năm có hai mùa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5, kết thúc tháng 11; mùa khô bắt đầu từ tháng 12, kết thúc tháng 4 năm sau.

**** Nhiệt độ không khí***

Nhiệt độ không khí ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình di chuyển và chuyển hóa các chất ô nhiễm trong khí quyển. Nhiệt độ càng cao thì tốc độ của các phản ứng hóa học trong khí quyển càng lớn và thời gian lưu các chất ô

nhiễm trong khí quyển sẽ càng giảm. Nhiệt độ không khí còn ảnh hưởng đến quá trình bốc hơi của các dung môi hữu cơ, các chất gây mùi hôi mà có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

Bảng 11: Thống kê nhiệt độ trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long

Năm / Tháng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	Đơn vị tính: ^{0}C				
Tháng 01	26,4	26,1	26,6	26,2	25,2
Tháng 02	26,3	25,5	26,5	26,6	25,4
Tháng 3	27,1	27,2	26,8	27,8	27,7
Tháng 4	28,6	28,4	29,3	29,0	28,4
Tháng 5	28,0	28,3	28,6	29,7	28,5
Tháng 6	27,6	27,2	27,9	27,9	27,9
Tháng 7	26,9	27,0	27,6	27,7	27,2
Tháng 8	27,2	27,2	27,1	27,9	27,7
Tháng 9	27,6	27,0	27,3	27,7	27,0
Tháng 10	27,1	27,5	27,9	26,6	27,1
Tháng 11	27,3	27,1	26,9	27,4	27,3
Tháng 12	25,8	27,6	25,7	26,5	26,4
TB tháng	**27,2**	**27,2**	**27,4**	**27,6**	**27,2**

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2021, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2022)

**** Độ ẩm không khí***

Độ ẩm không khí tăng dần trong mùa mưa và giảm dần trong mùa khô. Giá trị lớn nhất của độ ẩm ghi nhận được từ năm 2017 - 2021 đã đo được là 90% (vào tháng 10/2020 và tháng 9/2021). Độ ẩm thấp nhất đã đo được là 74% (vào tháng 02/2020). Giá trị độ ẩm không khí trung bình quan trắc được tại trạm khí tượng Càng Long (Trà Vinh) như sau:

Bảng 12: Thống kê độ ẩm không khí trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long

Năm / Tháng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	Đơn vị tính: %				

Năm / Tháng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	Đơn vị tính: %				
Tháng 01	82	86	75	77	82
Tháng 02	80	82	78	74	82
Tháng 3	79	81	77	77	79
Tháng 4	79	81	77	77	83
Tháng 5	88	86	87	81	87
Tháng 6	84	89	87	88	88
Tháng 7	87	89	85	86	89
Tháng 8	88	88	87	86	88
Tháng 9	86	87	86	84	90
Tháng 10	87	85	82	90	89
Tháng 11	87	85	82	85	87
Tháng 12	84	81	78	84	83
TB tháng	**84**	**85**	**82**	**82**	**82**

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2021, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2022)

**** Chế độ và lượng mưa***

Chế độ và lượng mưa cũng là một nhân tố làm ảnh hưởng đến môi trường, khi mưa rơi xuống đất sẽ mang theo các chất ô nhiễm trong không khí vào môi trường đất, nước. Nếu trong không khí có chứa các chất ô nhiễm như SO_2, NO_2 cao hơn mức cho phép sẽ gây ra hiện tượng mưa axit làm thiệt hại nghiêm trọng đến thực vật, môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến đời sống sinh vật và con người.

Chế độ mưa cũng là một nhân tố làm ảnh hưởng đến môi trường, khi mưa rơi xuống đất sẽ mang theo các chất ô nhiễm trong không khí vào môi trường đất, nước. Nếu trong không khí có chứa các chất ô nhiễm như SO_2, NO_2 cao hơn mức cho phép sẽ gây ra hiện tượng mưa axit làm thiệt hại nghiêm trọng đến thực vật, môi trường nước, đất, ảnh hưởng đến đời sống sinh vật và con người. Mùa mưa thường kéo dài trong 6 tháng. Nếu mùa mưa đến sớm vào tháng 5 thì kết thúc vào tháng 10 và nếu đến trễ vào tháng 6 thì mùa mưa sẽ kết thúc vào tháng 11. Lượng mưa quan trắc tại trạm Càng Long như bảng dưới đây:

Bảng 13: Thống kê lượng mưa trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long

Năm / Tháng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	Đơn vị tính: mm				
Tháng 01	42	35	9	1	2
Tháng 02	26	-	-	-	-
Tháng 3	6	-	2	-	-
Tháng 4	9	2	44	30	103
Tháng 5	173	68	256	126	203
Tháng 6	197	231	114	231	246
Tháng 7	225	153	182	302	238
Tháng 8	379	192	323	109	188
Tháng 9	271	328	292	141	180
Tháng 10	232	223	147	268	163
Tháng 11	90	26	98	117	303
Tháng 12	107	95	1	32	4
TB tháng	**146,42**	**135,3**	**133,45**	**135,7**	**163**

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2021, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2022)

❖ **Số giờ nắng**

Khu vực tỉnh Trà Vinh có số giờ nắng khá cao. Số giờ nắng cao nhất là 293 giờ (tháng 3/2019) và thấp nhất là 149 giờ (vào tháng 10/2017, tháng 01/2018 và tháng 9/2021). Thống kê số giờ nắng trung bình các tháng trong năm, từ năm 2017 – 2021 tại khu vực quan trắc Càng Long được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 14: Thống kê số giờ nắng trung bình từ năm 2017 – 2021 tại trạm Càng Long

Năm / Tháng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	Đơn vị tính: giờ				
Tháng 01	197	149	230	280	194
Tháng 02	212	238	266	267	216
Tháng 3	269	270	293	283	278
Tháng 4	246	272	270	266	224

Năm / Tháng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	Đơn vị tính: giờ				
Tháng 5	157	206	212	240	199
Tháng 6	151	165	163	164	199
Tháng 7	152	170	171	183	150
Tháng 8	184	166	168	176	185
Tháng 9	178	174	158	174	149
Tháng 10	149	229	233	126	157
Tháng 11	176	186	189	201	159
Tháng 12	169	180	225	177	198
TB tháng	**187**	**200**	**215**	**211**	**192**

(Nguồn: Niên giám thống kê Trà Vinh 2021, Cục thống kê tỉnh Trà Vinh, 2022)

**** Lượng bốc hơi, bức xạ mặt trời, gió và hướng gió***

- Bức xạ mặt trời: Bức xạ nhiệt có giá trị không ổn định và chênh lệch tương đối lớn giữa các ngày, các tháng trong năm 2021, trung bình dao động ở mức 152,86 - 267,10 W/m^2.

- Gió và hướng gió: Chế độ gió trong năm thường phân bố như sau:

+ Từ tháng 01 – tháng 02 gió theo hướng Đông Nam từ cấp 3 – cấp 4;

+ Tháng 3 – tháng 4 gió chuyển đổi hướng Đông Nam;

+ Tháng 5 – tháng 6 có gió mùa Tây Nam là chính, là thời điểm hội tụ gió mùa, bắt đầu những đợt mưa dông;

+ Từ tháng 7 – tháng 12 gió mùa chuyển dần theo hướng Đông Nam gây mưa nhiều, rồi chuyển sang hướng Đông Bắc.

Rất hiếm khi chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão từ biển Đông đi vào.

d) Thủy văn

Huyện chịu ảnh hưởng chế độ chủ yếu thủy văn sông Cổ Chiên và hệ thống các sông nhỏ chằng chịt trên địa bàn.

d.1) Mạng lưới sông, rạch

- Sông Cổ Chiên: Là một trong ba nhánh sông lớn của sông Tiền, rẽ nhánh từ khu vực qua tỉnh Vĩnh Long và chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam vào địa bàn tỉnh Trà Vinh ở huyện Càng Long, qua địa bàn thành phố Trà Vinh,

huyện Châu Thành, Cầu Ngang. Đoạn sông Cổ Chiên đi vào địa bàn huyện dài khoảng 11,5 km. Sông rộng trung bình từ 1,8 - 2,1 km và rất sâu với mặt cắt rộng chịu ảnh hưởng của thủy triều nên khả năng tích nước và thoát nước lớn lưu lượng bình quân 12.000 - 19.000 m^3/s, hàm lượng phù sa 100 - 500 g/m^3 .

- Sông Cái Hóp - An Trường: Bắt nguồn từ sông Cổ Chiên, có chiều dài 25 km nối từ ngã ba Mây Tức vào trung tâm huyện cho tới kinh Trà Ngoa, có các nhánh lớn là Mây Tức - Cái Cá, Suối Cạn và Dừa Đỏ nối thông qua hệ thống sông Láng Thé.

- Sông Láng Thé - Ba Si: Bắt nguồn từ sông Cổ Chiên chạy theo ranh giới huyện Càng Long với huyện Châu Thành và thành phố Trà Vinh chia làm 2 nhánh: Từ cửa vào đến ngã ba Ô Chát – Trà Ếch dài 16,3 km và nhánh Láng Thé thông qua Dừa Đỏ.

- Hệ thống kênh Trà Ngoa: Đoạn qua huyện dài 11,8 km, là nơi kết thúc của nhiều sông, rạch tạo các giáp nước gây hiện tượng bồi lắng trên kênh xảy ra khá nhanh.

- Đặc điểm mạng lưới sông, rạch trên địa bàn xã Huyền Hội: Trên địa bàn xã có 61 tuyến kênh cấp 1, 2, 3 và kênh nội đồng với tổng chiều dài khoảng 96,064 km. Hệ thống thủy lợi của xã khá hoàn chỉnh, đáp ứng được trên 90% nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất.

+ Kênh cấp 1: có 03 tuyến kênh, dài khoảng 19,250 km.

+ Kênh cấp 2: có 25 tuyến kênh, dài khoảng 38,314 km.

+ Kênh cấp 3: có 33 tuyến kênh, dài khoảng 38,500 km.

d.2) Chế độ thủy triều

Là vùng đồng bằng ven biển nên huyện Càng Long chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của chế độ bán nhật triều biển Đông thông qua sông Cổ Chiên và hệ thống sông rạch trên địa bàn huyện như: Sông Cái Hóp - An Trường, sông Láng Thé - Ba Si, hệ thống kinh Trà Ngoa… Hàng ngày nước lên xuống 2 lần, mỗi tháng có hai lần triều cường sau ngày 01 và 15 âm lịch, hai lần triều kém sau ngày 07 và ngày 23 âm lịch từ 2 – 3 ngày.

Biên độ triều tắt dần khi vào nội đồng, đặc biệt vào mùa triều cường (tháng 9 - 12 dương lịch), đối với vùng sát kênh Trà Ngoa biên độ triều hàng ngày thay đổi nhỏ hơn và hầu như không đáng kể vào thời kỳ triều cường âm lịch trong năm. Do địa hình tương đối thấp nên trên 95 % đất đai của huyện bị ngập vào thời kỳ triều cường tháng 10 và cũng do chân triều dâng cao vào mùa

này nên các vùng có cao trình thấp có một thời gian dài không tiêu rút được nước. Những năm lưu lượng mùa kiệt ở thượng nguồn về thấp, mặn sẽ xâm nhập và gây ảnh hưởng đến sản xuất.

Nhìn chung chế độ triều và thủy văn có ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của huyện.

e) Tài nguyên đất

Đất đai huyện Càng Long được hình thành do quá trình bồi lắng của vật liệu trầm tích phù sa sông - biển trong giai đoạn biển lùi của kiến tạo địa chất cách đây khoảng 6.000 năm. Hàm lượng, chất lượng và sự phân bố vật liệu phù sa cùng với hoạt động kiến tạo đã dẫn đến sự hình thành các loại đất khác nhau; theo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh chủ trì thực hiện (đã được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 31/12/2019) nhìn chung đất đai của huyện thích hợp cho trồng cây hàng năm (đặc biệt là lúa nước), tuy nhiên những năm gần đây nhiều vùng đất bị nhiễm mặn vào mùa khô gây không ít khó khăn cho nông nghiệp của huyện.

2.1.2. Mô tả nguồn tiếp nhận nước thải của dự án

Hoạt động hạ độ cao và vận chuyển đất được thực hiện không phát sinh nước thải, do đó không xả thải ra môi trường xung quanh Dự án.

2.1.3. Điều kiện về kinh tế - xã hội

a) Điều kiện kinh tế

a.1) Điều kiện kinh tế huyện Càng Long

Tổng giá trị sản xuất các ngành đạt 6.449 tỷ đồng, đạt 50,03% so kế hoạch, tăng 7,78% so cùng kỳ, (trong đó: giá trị ngành nông nghiệp 2.337,01 tỷ đồng, đạt 55,38% kế hoạch, tăng 0,91% so cùng kỳ; giá trị thủy sản 273,96 tỷ đồng, đạt 48,92% kế hoạch, tăng 4,97% so cùng kỳ; giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 705,44 tỷ đồng, đạt 42,75% so kế hoạch, tăng 7,37% so cùng kỳ; giá trị ngành xây dựng 772,51 tỷ đồng, đạt 44,14% so kế hoạch, tăng 15,3% so cùng kỳ; giá trị thương mại - dịch vụ 2.360 tỷ đồng, đạt 50,10% so chỉ tiêu kế hoạch, tăng 13,5% so cùng kỳ. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội 1.715 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch.

(Nguồn: Báo cáo Tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội huyện Càng Long 6 tháng đầu năm

và một số công tác trọng tâm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023)

a.2) Điều kiện kinh tế xã Huyền Hội

* Tổng giá trị sản xuất toàn ngành 710,242/672,24 tỷ đạt 105,65% so kế kế hoạch.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp 595,242/552,24 tỷ đạt 107,78% so kế hoạch.

+ Giá trị sản xuất trồng trọt 422,242/380,55 tỷ đạt 110,95% so kế hoạch

+ Giá trị Chăn nuôi 155/154,44 tỷ đạt 100,36% so kế hoạch.

+ Giá trị sản xuất thủy sản 18/17,55 tỷ đạt 102,56 % so kế hoạch.

- Giá Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp 115/120 tỷ đạt 95,83 % so kế hoạch.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp 62/65 tỷ đạt 95,38% so kế hoạch.

+ Giá trị tiểu thủ công nghiệp 53/55 tỷ so kế hoạch đạt 96,36% so kế hoạch.

- Tổng thu ngân sách 4.097.182.108/7.166.000.000đ đạt 57,17%.

- Tổng diện tích gieo trồng: 7.792,86/8.047đạt 96,84 % so kế hoạch.

(nguồn: Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, Quốc phòng – an ninh năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội)

b) Điều kiện xã hội

b.1) Điều kiện xã hội huyện Càng Long

** <u>Dân số lao động</u>*

- Dân số của huyện là 171.955 người, mật độ dân số 563 người/km^2. Trong đó: dân tộc Khmer chiếm 5,64% so với tổng số dân.

- Lao động: Số lao động 96.870 người, so tỷ lệ dân số 57,40%. Trong đó: trong độ tuổi lao động là 91.847 người. Lao động có việc làm 94.628 người, số lao động không có việc làm 2.242 người.

** <u>Hệ thống giao thông</u>*

- Đường bộ: Huyện có 02 tuyến Quốc lộ 53, Quốc lộ 60, với tổng chiều dài là 28km, tuyến tỉnh lộ 911 dài 15,6km, 05 tuyến hương lộ dài 71,3km và nhiều đường giao thông nông thôn với chiều dài 416km.

- Đường thủy: Sông Cổ Chiên dài 11.5km và 02 hệ thống sông, sông Rạch Bàng và Láng Thé đảm bảo cho tàu có trọng tải từ 100 – 250 tấn lưu thông.

(nguồn: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Càng Long đến năm 2040 (được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 3588/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020))

b.2) Điều kiện xã hội xã Huyền Hội

* *Dân số lao động*

Toàn xã Huyền Hội có tổng dân số là 17.002 người với 4.091 hộ. Dân cư của xã Huyền Hội sống tập trung ven sông, rạch và ven các tuyến lộ giao thông, một số sống phân tán trong khu vực đồng ruộng. Dân cư sống tập trung đông ở khu vực trung tâm xã thuộc ấp Lưu Tư và các tuyến đường giao thông chính như: Tỉnh lộ 911, Hương lộ 6, Hương lộ 7, đường liên ấp. Nhìn chung dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều. Chỉ tiêu bình quân đất ở nông thôn là 52,60 m^2/người.

* *Xây dựng cơ bản - giao thông nông thôn - Thủy lợi:*

- Trong 9 tháng đầu năm vận động các đoàn từ thiện, mạnh thường quân hỗ trợ xây dựng 04 cây cầu giao thông nông thôn với kinh phí 421.000.000đ

- Khai thông dòng chảy 5,6 km gồm kênh Bình Hội 1, Bình Hội 2, kênh N7 ấp Cầu Xây và kênh Khương Hòa.

- Nạo vét kênh 9 kênh thủy lợi nội đồng trên địa bàn xã Huyền Hội, với tổng chiều dài 12,6km nguồn vốn của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện đầu tư.

* *Về xây dựng nông thôn mới*

- Năm 2023 xã triển khai xây dựng ấp NTM ở ấp Sóc, ấp Lưu Tư, Kinh A được 16 cuộc có 498 người tham dự, triển khai xây dựng ấp NTM kiểu mẫu ấp Kinh A 05 cuộc có 103 người tham dự.

- Trong 9 tháng đầu năm đã xây dựng nông thôn mới và được huyện công nhận ấp đạt nông thôn mới ấp Sóc, ấp Lưu Tư.

- Đang tập trung xây dựng ấp Kinh A đạt các tiêu chí nông thôn mới. Hiện tổng số hộ đã đạt 180/254 hộ, đạt 70,9% so kế hoạch.

* *Đặc điểm giao thông đường bộ trên địa bàn xã Huyền Hội*

- Đường trục xã, liên xã: tổng chiều dài là 28km, bao gồm: Tỉnh lộ 911 dài 10km; Hương lộ 7 dài 7km; Hương lộ 6 dài 7km, đường nhựa Tân Bình – Huyền Hội dài 4km; mặt đường kết cấu nhựa rộng 3,5 m, đạt 100%.

- Đường trục ấp, liên ấp: tổng chiều dài 38km, đã xây dựng được 5,8km chiếm tỷ lệ 15,26%, bao gồm: đường đal kênh Tư Sấm ấp Sóc, đường đal ấp Giồng Bèn, Cầu Xây, tuyến đường trục ấp Trà On...

- Đường ngõ xóm: tổng chiều dài 25km, đã xây dựng được 11km đạt cấp kỹ thuật của Bộ GTVT (cấp C), chiếm tỷ lệ 44%, còn một số tuyến còn lầy lội vào mùa mưa như ngõ xóm ấp Sóc với chiều dài 650m.

- Đường trục chính nội đồng: tổng chiều dài 15,5km, đã thi công được 5,2km ở ấp Bình Hội và Huyền Hội – Tân An chiếm 33,54%; chủ yếu là đường đất, xe chỉ lưu thông được vào mùa khô.

- Hệ thống cầu nông thôn trên địa bàn xã hiện nay đã được bê tông hoá đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và sinh hoạt: 10 cây cầu và 35 cống trên các tuyến giao thông.

(nguồn: Thuyết minh đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Huyền Hội, huyện Càng Long đến năm 2030 (Điều chỉnh Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh), Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, Quốc phòng – an ninh năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội)

2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường

a) Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Trong quá trình xây dựng chuyên đề Hiện trạng chất lượng môi trường - Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội", đơn vị tư vấn thu thập dữ liệu kết quả quan trắc môi trường khu vực thực hiện dự án, cụ thể như sau:

- Nguồn dữ liệu: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long năm 2022

- Thành phần môi trường: 04 vị trí quan trắc nước mặt tại khu vực huyện Càng Long, cụ thể như sau:

Bảng 15: Thông tin chung về vị trí quan trắc

STT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ VN-2000	
			X (m)	Y (m)
1	Cầu Mỹ Huê, huyện Càng Long	NM_3	1103908	576889
2	Cầu Đúc, sông Nhị Long, xã Nhị Long, huyện Càng Long	NM_4	1106609	583920
3	Cầu Ba Si, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long	NM_6	1099139	585305
4	Cầu Treo - sông Càng Long, xã An Trường	NM_{25}	1097828	571616

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long năm 2022

Bảng 16: Kết quả quan trắc nước mặt huyện Càng Long năm 2022

Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08:2023/ BTNMT
pH	-	NM_3	7,44	6,41	6,98	6,99	6,96	6,0 – 8,5(*)
		NM_4	7,07	6,45	6,77	6,84	6,78	
		NM_6	7,23	6,32	7,02	7,11	6,92	
		NM_{25}	7,09	6,39	6,97	6,77	6,81	
DO	mg/L	NM_3	**3,64**	**2,65**	**3,46**	**3,59**	**3,34**	≥ 5(*)
		NM_4	**4,25**	**2,95**	**4,24**	**3,55**	**3,75**	
		NM_6	**4,22**	**3,29**	**4,26**	**3,78**	**3,89**	
		NM_{25}	**3,88**	**2,71**	6,97	**3,28**	**4,21**	
TSS	mg/L	NM_3	14,7	27,7	35,1	43,1	30,2	≤ 100(*)
		NM_4	14,7	15,7	25,3	32,5	22,1	
		NM_6	10,3	9,2	25,3	37,2	20,5	
		NM_{25}	9,7	22,5	38,3	42,8	28,3	
COD	mg/L	NM_3	3	**24**	**23**	**25**	**19**	≤ 15(*)
		NM_4	3	**17**	**22**	**29**	**18**	
		NM_6	5	**17**	**20**	**32**	**19**	
		NM_{25}	6	**32**	**20**	15	**18**	
BOD_5	mg/L	NM_3	1,6	2,3	1,5	1,9	1,8	≤ 6(*)
		NM_4	1,6	2,6	2,1	2,5	2,2	
		NM_6	1,8	2,3	1,8	2,8	2,2	
		NM_{25}	1,3	3,5	2,5	2,4	2,4	
NH_4^+-N	mg/L	NM_3	0,07	0,22	0,15	0,16	0,15	0,3
		NM_4	0,05	0,09	0,37	0,25	0,19	

Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08:2023/ BTNMT
		NM_6	0,03	**0,35**	**4,98**	**1,33**	**1,67**	
		NM_{25}	0,06	**4,90**	**0,55**	**0,41**	**1,48**	
Cl^-	mg/L	NM_3	30,3	55,8	48,5	29,3	41	250
		NM_4	33,4	60,6	52,3	36,1	46	
		NM_6	47,5	141,5	104,6	75,7	92	
		NM_{25}	42,7	71,6	57,5	33,0	51	
NO_2^--N	mg/L	NM_3	0,011	0,047	0,081	0,042	0,045	0,05
		NM_4	0,011	0,027	0,049	0,047	0,034	
		NM_6	0,009	0,049	0,049	0,049	0,039	
		NM_{25}	0,015	**0,068**	0,037	0,034	0,039	
		NM_{25}	**0,087**	**0,109**	**0,269**	**0,199**	**0,166**	
Dầu mỡ	mg/L	NM_3	0,4	0,3	0,3	0,4	0,4	5,0
		NM_4	0,4	0,3	0,5	0,5	0,4	
		NM_6	0,5	0,3	0,5	0,4	0,4	
		NM_{25}	0,3	0,3	0,3	0,7	0,4	
Coliform	MPN/ 100ml	NM_3	$\mathbf{2,4.10^4}$	$\mathbf{9,3.10^3}$	$9,3.10^2$	$2,4.10^3$	**9.158**	5.000
		NM_4	$2,4.10^3$	$\mathbf{9,3.10^3}$	$2,4.10^3$	$\mathbf{2,4.10^4}$	**9.525**	
		NM_6	$2,4.10^3$	$4,3.10^3$	$\mathbf{4,3.10^4}$	$\mathbf{2,4.10^4}$	**18.425**	
		NM_{25}	$\mathbf{2,4.10^5}$	$\mathbf{9,3.10^3}$	$\mathbf{9,3.10^3}$	$\mathbf{9,3.10^3}$	**66.975**	

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long năm 2022

**** Ghi chú:***

- KPH: không phát hiện;

- Giá trị giới hạn áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- (*) áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (dùng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp).

**** Nhận xét:*** Kết quả quan trắc cho thấy phần lớn các thông số nước mặt tại khu vực huyện Càng Long có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT, có 05 thông số quan trắc thường xuyên vượt quy chuẩn tại các thời điểm đợt lấy mẫu như: DO (không đạt giá trị yêu cầu tối thiểu), COD, amoni, nitrit và coliform.

b) Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường

Nhằm đánh giá hiện trạng môi trường khu vực tiếp nhận các loại chất thải của dự án, thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu cụ thể như sau:

Bảng 17: Thông tin chung về công tác đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ VN-2000		Điều kiện lấy mẫu
			X (m)	Y (m)	
A	***Đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu không khí***				
1	Tại khu vực thực hiện cải tạo, hạ độ cao của dự án	**K_{xq1}**	1095865	0580088	- Trời nắng, gió nhẹ
2	Tại khu vực bãi tập kết đất của dự án	**K_{xq2}**	1095590	0580512	
B	***Đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước mặt***				
1	Tại kênh tiếp giáp với dự án (kênh V5 (kênh thủy lợi cấp II))	NM1	1095815	0580188	- Nước ròng - Không có phương tiện qua lại
2	Tại rạch Đập sen, tiếp giáp với bãi tập kết của dự án, cách khu đất khoảng 100m theo hướng dòng chảy	NM2	1095 545	580 470	

- Đơn vị thực hiện đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu: Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

+ Địa chỉ liên lạc: số 115, đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 18: Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu không khí

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT
			K_{xq1}	K_{xq2}	
1	Tiếng ồn	dBA	61,4	57,9	**70***
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	0,056	0,070	**300**
3	SO_2	µg/Nm^3	0,061	0,064	**350**
4	NO_2	µg/Nm^3	0,057	0,060	**200**
5	CO	µg/Nm^3	6,16	6,13	**30.000**

Đính kèm phụ lục kết quả thử nghiệm

Ghi chú: Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT, đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ;

→ ***Đánh giá kết quả:*** Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu không khí tại thời điểm lập báo cáo thì: Không khí tại các vị trí khảo sát có chất lượng tốt, 05/05 thông số thử nghiệm đạt giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Bảng 19: Kết quả đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08: 2023/BTNMT
			NM_1	NM_2	
1	pH	-	7,10	6,65	6,0 – 8,5
2	DO	mg/L	5,52	6,59	≥ 5,0
3	TSS	mg/L	20,0	50,0	≤ 100
4	BOD_5	mg/L	5,1	5,5	≤ 6
5	COD	mg/L	9,0	11,0	≤ 15
6	NH_4^+-N	mg/L	0,10	0,15	0,3
7	Coliforms	MPN /100mL	**5.500**	5.000	≤ 5.000

Đính kèm phụ lục kết quả thử nghiệm

Ghi chú: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, bảng 1 *(Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người)* và bảng 2 *(Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và*

bảo vệ môi trường sống dưới nước)

➔ ***Đánh giá kết quả:*** Môi trường nước mặt tại các vị trí quan trắc có chất lượng khá tốt, nồng độ của đa số các thông số đạt giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 1 và cột B bảng 2), riêng coliform tại vị trí NM1 vượt nhẹ.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

Số liệu thống kê thu thập thực tế về tài nguyên sinh vật tại khu vực thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" do đơn vị tư vấn thực hiện từ ngày 02/10/2023 đến ngày 06/10/2023, hiện trạng tài nguyên sinh vật tại khu vực thực hiện Dự án chỉ bao gồm hệ động vật và thực vật trên cạn, cụ thể như sau:

- Hệ thực vật trên cạn:

+ Tại khu vực thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp: Hiện đang canh tác lúa nước, dự kiến thu hoạch trong tháng 11/2023

+ Xung quanh khu vực dự án chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, nên hệ thực vật trên cạn chủ yếu bao gồm các loại cây nông nghiệp như lúa nước, dừa.

- Hệ động vật trên cạn: Hệ động vật trên cạn xung quanh khu vực dự án có một số loài chim, rắn, chuột,.... Những loài động vật này là những loài phổ biến tại địa phương và không nằm trong danh mục động vật hoang dã cấm săn bắt, mua bán hay vận chuyển.

- Đa dạng sinh học dưới nước: Môi trường nước mặt xung quanh khu vực thực hiện dự án là tuyến kênh thủy lợi nên hệ động thực vật thủy sinh chủ yếu bao gồm các loài như: Lục bình, rau muống, một số loài cá nước ngọt như cá mè dãnh, cá lóc, cá trê vàng, … và một số loài tôm như tôm càng xanh, tôm thẻ, …

Gần khu vực thực hiện Dự án và các tuyến đường phương tiện thuộc dự án di chuyển qua, ... không nằm trong vùng quy hoạch các khu bảo tồn hệ sinh thái nhạy cảm như: đất ngập nước, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di sản thiên nhiên thế giới .... nên quá trình hoạt động của Dự án không tác động đến các đối tượng trên.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

2.3.1. Nhận dạng các đối tượng bị tác động trong giai đoạn thi công

- Đối tượng tự nhiên: chủ yếu là đất trồng lúa xung quanh khu vực thực hiện dự án; ảnh hưởng trực tiếp đến tuyến kênh nội đồng, đoạn nối giữa Kênh V4 và Kênh V5, kênh Tây và rạch Đập Sen; ảnh hưởng gián tiếp đến Kênh V4 và Kênh V5.

- Đối tượng kinh tế - xã hội: các hộ dân sống dọc tuyến đường vận chuyển đất dôi dư (Lộ nhựa ấp Trà On, vị trí giao nhau với tuyến đường nội bộ của Dự án); các hộ dân lân cận khu vực bãi tập kết.

- Hoạt động chuyển đất từ máy ép viên xuống phương tiện đường thủy (phương tiện vận chuyển của khách hàng), hoạt động neo đậu của các phương tiện đường thủy, từ đó có khả năng phát sinh sạt lỡ bờ rạch Đập Sen khu vực neo đậu của phương tiện.

2.3.2. Nhận dạng các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

- Dự án chỉ thực hiện cải tạo, hạ độ cao 17.268 m^2 đất trồng lúa để phục vụ nhu cầu cải tạo đất nông nghiệp, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc canh tác của người dân, nên không chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa. Do đó, theo quy định tại điểm đ, khoản 4, điều 25, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Yếu tố môi trường nhạy cảm: Xung quanh khu vực dự án tiếp giáp với "đất trồng lúa nước". Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 đây là yếu tố nhạy cảm về môi trường. Do đó, trong quá trình đánh giá, dự báo tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu, cần chú trọng đến khu vực này.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

- Theo Quyết định số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội, vị trí thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương.

- Bên cạnh đó, quá trình triển khai thực hiện dự án còn phù hợp với các quy định có liên quan như:

+ Công văn số 1014/STNMT-CCBVMT ngày 29/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về phổ biến hướng dẫn thực hiện thủ tục môi trường với đối tượng sử dụng vật liệu nạo vét, đất bề mặt để làm vật liệu

san lấp;

+ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp có vận chuyển đất dôi dư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

+ Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường Về việc lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bờ ao, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan;

+ Hướng dẫn số 129/SNN-BVTV ngày 25/01/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh về Hướng dẫn lập phương án, quy trình kỹ thuật cải tạo đất nông nghiệp theo Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

+ Công văn số 1823/SNN-BVTV ngày 17/8/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNN về việc phản hồi việc cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội, huyện Càng Long;

+ Quyết định số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội;

+ Quyết định số 3211/UBND-KT ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp

➔ ***Từ những nội dung nêu trên, việc thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" là hoàn toàn phù hợp.***

Chương 3: ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị

- "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" như lán trại, mạng lưới cấp nước,... do đó không phát sinh các tác động từ các nguồn này.

- Khu vực thực hiện Dự án không có công trình xây dựng, nhà ở, nên trong giai đoạn này không thực hiện công tác thu hồi đất, di dân, tái định cư, do đó sẽ không phát sinh các khiếu kiện, khiếu nại của người dân.

- Khu đất thực hiện Dự án không có các loại cây thân gỗ lớn, tỷ lệ cỏ dại tương đối thấp, nên chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang với khối lượng rất thấp.

- Tuyến đường vận chuyển nội hiện chưa thông suốt, cần thực hiện bố trí 02 cống tạm, bắt ngang 02 tuyến kênh nội đồng.

Như vậy, trong giai đoạn chuẩn bị "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" các tác động phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

(1) Thực hiện phát quang bụi rậm thuộc khu đất bố trí tuyến đường vận chuyển nội bộ

(2) Thực hiện bố trí 02 cống tạm

(3) Hoạt động sinh hoạt của công nhân (sử dụng tối đa 05 công nhân trong giai đoạn này)

Tổng thời gian thực hiện trong khoảng 05 ngày.

Tải lượng, quy mô các nguồn thải phát sinh trong trong giai đoạn chuẩn bị dự án cụ thể như sau:

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

a) Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

a.1) Tác động do nước thải

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại

khu vực sinh hoạt.

- *Quy mô nguồn thải:* Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này được tính theo công thức sau:

$$NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 80\% = (40 \times 5) \times 80\% = 160 \text{ lít/ngày} = 0,16 \text{ m}^3\text{/ngày}$$

Trong đó:

+ NT_{sh}: Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+ $N_{đm}$: Định mức nước sinh hoạt, theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày. Tuy nhiên, thực tế Dự án chỉ cung cấp nước sinh hoạt cho nhu cầu vệ sinh cá nhân, nên nhu cầu sử dụng tối đa là 40 lít/người/ngày

+ n: Số công nhân (05 người).

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80 % lưu lượng nước cấp.

- *Tính chất nguồn thải:* Nước thải sinh hoạt phát sinh ô nhiễm chủ yếu là các chỉ tiêu: BOD_5, COD, SS (cặn lơ lửng), chất dinh dưỡng (N, P), chất hoạt động bề mặt (dầu mỡ khoáng) và Coliform …

+ Chỉ tiêu: BOD_5, COD, SS: do các chất hữu cơ chứa trong nước thải bao gồm các hợp chất như protein(40 - 50 %); hydrat cacbon (40 - 50 %) phát sinh từ các chất thải trong phân, trong thực phẩm thừa.

+ Chỉ tiêu (N, P): Có trong các thành phần Protein (thực phẩm), amino (nước tiểu), Phốt pho (phân) …

Nhìn chung, các chất hữu cơ trong nước thải có tốc độ phân hủy sinh học cao, gây ra mùi hôi thối khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng môi trường. Nếu nguồn thải này không được kiểm soát và xử lý tốt trước khi xả thải ra môi trường sẽ gây tác động xấu đến chất lượng nguồn nước mặt tiếp nhận nước thải.

Về không gian tác động: Chủ yếu là gây sức ép lên công trình xử lý hiện hữu (tại khu vực sinh hoạt hộ ông Nguyễn Tấn Phong)

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, dự kiến trong khoảng 05 ngày.

a.2) Tác động do bụi, khí thải

- Các loại phương tiện được sử dụng trong quá trình phát quang bụi rậm và lắp đặt các công trình giao thông nội bộ chủ yếu bao gồm 01 xe cuốc và 01

xe tải với tải trọng 2 tấn.

- Quá trình hoạt động của phương tiện sẽ phát sinh khí thải với thành phần chủ yếu bao gồm bụi, SO_2, NO_x, CO, THC. Thải lượng ô nhiễm từ các phương tiện trong giai đoạn này được dự báo như sau:

Bảng 20: Tải lượng ô nhiễm không khí

Chất ô nhiễm	Bụi	SO_2	NO_x	CO	VOC
Hàm lượng (kg/tấn dầu)	0,22	4	4,73	49,66	7,05
Tải lượng (kg/ngày)	0,009	0,166	0,197	2,066	0,293

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

- *Ghi chú:*

+ *Khối lượng riêng của dầu Diesel là: 0,832 kg/lít*

+ *Hệ số ô nhiễm do các phương tiện giao thông được áp dụng theo Rapid Environmental Assessment, WHO, 1993 với 0,1S%*

+ *Hệ số áp dụng đối với các loại xe động cơ < 1.400 cc*

→ Theo kết quả dự báo trên, thải lượng ô nhiễm phát sinh rất thấp.

- *Tính chất nguồn thải:* Nguồn thải di động, ô nhiễm phân tán và thải lượng ô nhiễm được dự báo là rất thấp.

Về không gian tác động: Tác động chủ yếu tại vị trí thi công, hoạt động của phương tiện, khả năng phát tán ra diện rộng là rất thấp

Về thời gian tác động: Thời gian tác động là rất ngắn, chỉ trong thời gian hoạt động của các phương tiện.

a.3) Tác động do chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt CTRSH)

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, dự kiến tối đa là 05 người.

- *Quy mô nguồn thải:* khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = W \text{ (người)} * 0,4 \text{ (kg/người.ngày)} = 5 * 0,4 = 2,0 \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

+ M_{CTRSH}: khối lượng chất thải rắn phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ W: Số công nhân làm việc tại dự án, dự kiến tối đa là 05 người.

+ Định mức phát sinh CTRSH: Căn cứ theo số liệu quy định tại Bảng 2.23 của QCVN 01:2021/BXD, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người-ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc trung bình 08 giờ/ngày, nên CTR sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,4 kg/người-ngày.

- *Tính chất nguồn thải:* CTRSH có thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu. Dưới tác động của nhiệt độ, độ ẩm và các vi sinh vật, CTR hữu cơ bị phân hủy và sản sinh ra các chất khí (CH_4 - 63.8%, CO_2 - 33.6% và một số khí khác).

Về không gian tác động: Chất thải phát sinh với khối lượng rất thấp, thời gian phát sinh rất ngắn nên phạm vi tác động chủ yếu tại khu vực sinh hoạt của công nhân. Ngoài ra, không có khả năng gây sức ép lên các hạng mục công trình thu gom hiện hữu.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn chuẩn bị Dự án, dự kiến trong khoảng 05 ngày.

a.4) Tác động do chất thải rắn thông thường

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ phát quang cỏ dại, không thực hiện phát quang cây ăn trái tại khu vực này

- *Quy mô nguồn thải:* Chất thải phát sinh từ nguồn này ước tính khoảng 300 kg

Về quy mô tác động: Theo kết quả tính toán cho thấy, khối lượng chất thải phát sinh tương đối thấp, thuộc nhóm chất có thể tận thu, tái sử dụng, … nên tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

Về không gian tác động: Tại khu vực thực hiện phát quang. Ngoài ra, nếu công tác thu gom không thực hiện triệt để hoặc không đúng quy định (vứt bừa bãi ra xung quanh), có thể gây tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp lân cận và 02 tuyến kênh nội đồng tiếp giáp với khu đất.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong quá trình phát quang bụi rậm, dự kiến trong khoảng 05 ngày.

b) Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

b.1) Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung

- *Nguồn phát sinh:* Trong giai đoạn này, tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện chuyên dụng như xe cuốc, xe tải

- *Mức độ của tiếng ồn:* Tham khảo Tiêu chuẩn tiếng ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công của "Ủy ban BVMT U.S – Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1" và các công trình xây dựng tương tự, độ ồn phát sinh từ nguồn này dao động trong khoảng 83 - 94 dBA và giảm dần theo khoảng cách xa dần nguồn phát sinh và tại vị trí cách điểm phát sinh từ 50 - 300m có độ ồn rất thấp.

Về quy mô tác động: Nhìn chung, tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

Về không gian tác động: Tại khu vực hoạt động của các phương tiện

Về thời gian tác động: Thời gian tác động là rất ngắn, chỉ trong thời gian hoạt động của các phương tiện.

b.2) Tác động đến môi trường nước mặt tuyến kênh nội đồng

Trong quá trình thi công cống tạm, môi trường nước mặt kênh nội đồng sẽ bị tác động do khuấy trộn lượng trầm tích đáy, từ đó làm tăng nồng độ chất rắn lơ lửng (TSS), độ đục.

Nồng độ TSS cao trong nước mặt nếu diễn ra trong thời gian dài, sẽ hạn chế ánh sáng chiếu vào các tầng nước, ảnh hưởng tới quá trình quang hợp của tảo, rong, rêu và gây khó chịu cho một số loài động vật thủy sinh. Bên cạnh đó, chế độ thủy văn của khu vực cũng ảnh hưởng đáng kể đến sự phân tán bùn đất, từ đó làm gia tăng phạm vi ảnh hưởng.

Tuy nhiên, do thời gian thi công ngắn, vùng nước chịu ảnh hưởng là vùng nước có mục đích sử dụng trong sản xuất nông nghiệp và không có các điểm sinh thái nhạy cảm, do vậy có thể nói mức độ tác động môi trường do hoạt động thi công, cống tạm có tính chất cục bộ, mang tính chất tạm thời.

Về quy mô tác động: Nhìn chung, tác động từ nguồn này được đánh giá là không đáng kể.

Về không gian tác động: Tại khu vực 02 tuyến kênh nội đồng bố trí cống tạm.

Về thời gian tác động: Thời gian tác động là rất ngắn, chỉ trong khoảng 05 ngày thi công.

→ Nhìn chung, khối lượng công việc trong giai đoạn chuẩn bị Dự án rất nhỏ và thời gian thực hiện rất ngắn, nên: Các loại chất thải phát sinh với tải lượng/thải lượng rất thấp; không gian tác động rất hẹp; thời gian tác động

rất ngắn và các tác động phát sinh trong giai đoạn này được nhận định là không đáng kể.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

Do Chủ dự án không bố trí lán trại tại các khu vực dự án, do đó, nhằm giảm thiểu tối đa các loại chất thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, Chủ dự án ưu tiên sử dụng lao động địa phương, từ đó giảm thiểu tối đa phát sinh nước thải và chất thải rắn từ các hoạt động như ăn trưa, vệ sinh cá nhân sau mỗi ca làm việc.

Tuy nhiên, nhằm đảm bảo công tác BVMT, chủ dự án thực hiện bố trí một số công trình BVMT tại khu vực thực hiện Dự án, công trình được sử dụng xuyên suốt từ giai đoạn chuẩn bị đến kết thúc giai đoạn vận hành Dự án, cụ thể như sau:

a) Đối với nước thải

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Bố trí khu vực sinh hoạt (vệ sinh cá nhân, …) tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong.

Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại hiện hữu tại khu vực này.

Chủ dự án không bố trí thêm các công trình xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này.

- Quy chuẩn so sánh: Chất lượng nước thải sau xử lý cơ bản đạt yêu cầu quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

b) Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

b.1) Chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí thiết bị thu gom: Bố trí 02 thùng chứa CTRSH (01 thùng bố trí tại khu vực thi công hạ độ cao, 01 thùng bố trí tại khu vực bãi tập kết)

- Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

b.2) Chất thải rắn thông thường

- Chất thải phát sinh từ quá trình phát quang được cung cấp cho người

dân sử dụng làm thức ăn gia súc.

- Cam kết không thải bỏ ra môi trường xung quanh.

c) Đối với bụi, khí thải và tiếng ồn

- Công tác thi công được thực hiện trong khoảng thời gian từ 7h đến 11h và từ 13h đến 17h.

- Thực hiện kiểm tra, bảo trì và sửa chữa các phương tiện trước khi đưa vào sử dụng, nhằm hạn chế phát thải và các tác động khác.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

a) Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải

a.1) Tác động do nước thải sinh hoạt (NTSH)

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại khu vực sinh hoạt.

- *Quy mô nguồn thải:* Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành Dự án được tính theo công thức sau:

$$NT_{sh} = (N_{đm} \times n) \times 80\% = (40 \times 12) \times 80\% = 320 \text{ lít/ngày} = 0,32 \text{ m}^3\text{/ngày}$$

Trong đó:

+ NT_{sh}: Nước thải sinh hoạt (lít/ngày).

+ $N_{đm}$: $N_{đm}$: Định mức nước sinh hoạt, theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày. Tuy nhiên, thực tế Dự án chỉ cung cấp nước sinh hoạt cho nhu cầu vệ sinh cá nhân, nên nhu cầu sử dụng tối đa là 40 lít/người/ngày

+ n: Số công nhân (10 người).

+ Lưu lượng nước thải chiếm khoảng 80 % lưu lượng nước cấp.

- *Tính chất nguồn thải:* Đặc điểm cơ bản của NTSH là có hàm lượng các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học (như cacbohydrat, protein, mỡ), các chất dinh dưỡng (phosphat, nitơ), vi sinh vật,.... Các chất hữu cơ trong nước thải có tốc độ phân hủy sinh học cao, gây ra mùi hôi thối khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng môi trường.

Hệ số ô nhiễm của các chất gây ô nhiễm có trong NTSH (nước thải chưa

xử lý) được tham khảo theo tài liệu "Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí - tập I, Generva, 1993", cụ thể như sau:

Bảng 21: Hệ số tải lượng ô nhiễm của nước thải sinh hoạt

Stt	Chất gây ô nhiễm	Đơn vị tính	Hệ số ô nhiễm
1	BOD_5	g/người/ngày	45 - 54
2	COD	g/người/ngày	72 - 102
3	SS	g/người/ngày	70 - 145
4	Dầu mỡ	g/người/ngày	10 - 30
5	Amoni	g/người/ngày	3,6 - 7,2
6	Tổng coliforms	MPN/100ml	10^6 - 10^9

(Nguồn: WHO, 1993)

Căn cứ theo số lượng công nhân và lưu lượng nguồn thải, có thể dự báo được nồng độ các chất ô nhiễm có trong nguồn thải như sau:

Bảng 22: Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Stt	Chất ô nhiễm	Tải lượng *(g/ngày)*		Nồng độ *(mg/l)*		QCVN 14:2008/ BTNMT
		Min	Max	Min	Max	
1	BOD_5	450	540	1.406	1.688	**60**
2	COD	720	1020	2.250	3.188	**-**
3	TSS	800	1450	2.500	4.531	**120**
4	Dầu mỡ	100	300	313	938	**24**
5	Amoni	36	72	113	225	**12**
6	Coliforms	$1,0*10^7$ *(MPN/ 100ml)*	$1,0*10^{10}$ *(MPN/ 100ml)*	$0,31*10^7$ *(MPN/ 100ml)*	$0,31*10^{10}$ *(MPN/ 100ml)*	**5.000**

** Ghi chú:*

- Tải lượng (g/ngày) = hệ số ô nhiễm (g/người/ngày) x số công nhân (người)

- Nồng độ (mg/lít) = (Tải lượng (g/ngày) x 10^3)/Lưu lượng (lít/ngày) x 10^3

- Giá trị tối đa cho được tính theo công thức: C_{max}= C x K của QCVN 14:2008/BTNMT cột B, trong đó:

+ C: Giá trị của thông số ô nhiễm (cột B);

+ K: Là hệ số tính đối với cơ sở sản xuất < 500 người (K=1,2). Không áp dụng hệ số K cho chỉ tiêu Coliforms.

Theo số liệu tính toán cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm có trong NTSH rất cao và đều vượt giới hạn so với QCVN 14:2008/BTNMT cột B.

Tại khu vực dự án không bố trí các hạng mục công trình cho công nhân lưu trú. Vì số lượng công nhân rất ít, nên chủ dự án sẽ thuê/sử dụng nhờ nhà vệ sinh tại nhà dân gần nhất (dự kiến thuê hộ ông Nguyễn Tấn Phong, hiện trạng có hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt). Do đó, nước thải sinh hoạt phát sinh từ nguồn này hoàn toàn không gây tác động đến khu vực thực hiện dự án.

a.2) Tác động do nước mưa chảy tràn

- *Nguồn phát sinh:* Nước mưa chảy tràn tại các khu vực phạm vi dự án, trong đó chủ yếu tại vị trí khu đất hạ độ cao và khu vực bãi tập kết.

- *Quy mô nguồn thải:* Theo *Handbook for Environment Engineering, 2005* thì lượng nước mưa lớn nhất theo ngày chảy tràn qua khu vực dự án được tính theo công thức:

$$Q_{mưa} = C*I*A/1.000$$

Trong đó:

+ Q: Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại (m^3/tháng);

+ C: Hệ số chảy tràn (C = 0,6515);

+ A: Diện tích thoát nước (m^2)

+ I: Lượng mưa trung bình tháng lớn nhất, theo Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 2021; Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Trà Vinh, thì lượng mưa cao nhất trong năm vào khoảng 303mm.

→ Như vậy, lưu lượng nước mưa chảy tràn phát sinh tại khu vực thực hiện Dựa án được tính toán và thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 23: Dự báo lưu lượng nước mưa chảy tràn

STT	Khu vực dự án	Diện tích (m^2)	Lưu lượng nước mưa (m^3)
1	Khu đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp	18.506	5.607,3

STT	Khu vực dự án	Diện tích (m^2)	Lưu lượng nước mưa (m^3)
2	Khu vực bãi tập kết	2.280	690,84
Tổng cộng		***21.646***	***6.298,2***

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

Về không gian tác động:

+ Tuyến kênh nội đồng tiếp giáp khu đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp: đoạn nối giữa Kênh V4 và Kênh V5; tuyến Kênh V5

+ Tuyến rạch Đập Sen tiếp giáp khu vực bãi tập kết

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động khi có mưa.

Tình hình phân bố lượng mưa trên địa bàn theo Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh (từ năm 2019 đến năm 2022), được thể hiện trong sơ đồ sau:

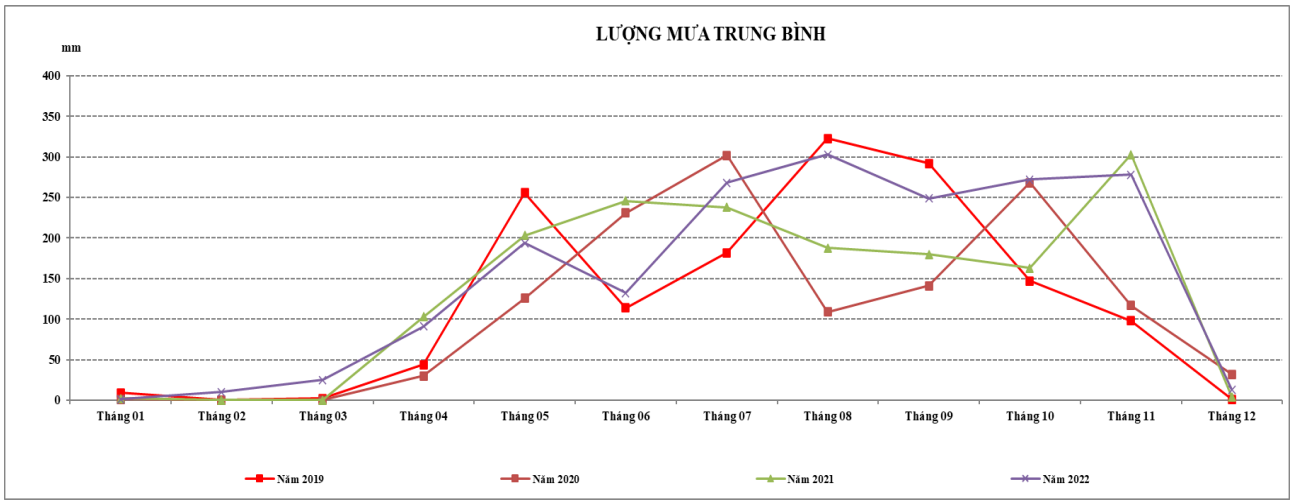

Hình 8: Tình hình phân bố lượng mưa qua các tháng trong năm

Theo sơ đồ trên cho thấy, lượng mưa phân bố tập trung từ tháng 5 đến tháng 11 hàng năm. Do đó, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, chủ dự án cần có kế hoạch thi công phù hợp, nhằm giảm thiểu các tác động do yếu tố khí hậu này.

a.3) Tác động do bụi, khí thải

- *Nguồn phát sinh:*

+ Phát sinh bụi từ hoạt động hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp (quá trình bốc xúc đất hạ độ cao) và một phần bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển.

+ Phát sinh bụi và khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển.

- *Quy mô nguồn thải:*

(1) Phát sinh từ hoạt động cải tạo và hạ độ cao:

Bụi phát sinh từ hoạt động này chủ yếu là bụi lơ lửng, lượng bụi phát sinh do hoạt động của các phương tiện thi công bốc tách vật liệu, do gió cuốn bụi bề mặt lên cao và phát tán ra diện rộng hơn.

Tải lượng phát sinh bụi được tính toán theo công thức sau:

Tải lượng bụi phát sinh (kg/ngày) = hệ số phát sinh (kg/tấn) x khối lượng vật liệu được bốc xúc (tấn/ngày) (1)

Trong đó: Theo tài liệu Air Chief, 1995 của Cục môi trường Mỹ, hệ số phát tán bụi tính trên tấn vật liệu xây dựng (đất) được tính theo công thức sau:

$$E = k\ x\ 0{,}0016\ x\ \frac{(U/2{,}2)^{1{,}3}}{(M/2)^{1{,}4}}\ (Kg/tấn)$$

Trong đó:

- E: hệ số phát tán bụi tính trên tấn vật liệu xây dựng (đất)

- k: hệ số không thứ nguyên cho kích thước bụi (k = 0,74 cho các hạt bụi có kích thước < 30µm)

- U: tốc độ gió (lấy U = 2,5 m/s).

- M: độ ẩm của vật liệu (tính theo độ ẩm của đất M = 7,8 %)

Thay thế các giá trị vào công thức ta được:

$$E = 0{,}74\ x\ 0{,}0016\ x\ \frac{\left(\frac{2{,}5}{2{,}2}\right)^{1{,}3}}{\left(\frac{0{,}078}{2}\right)^{1{,}4}} = 0{,}131 \text{ kg/tấn}$$

Tổng khối lượng đất được bốc xúc, vận chuyển ước tính khoảng 2.900,5 m^3, tương đương 4.205,7 tấn (trọng lượng riêng của đất 1.450 kg/m^3).

Với thời gian thi công hạ độ cao trong khoảng 180 ngày thì khối lượng đất được bốc xúc, vận chuyển ước tính khoảng 23,37 tấn/ngày.

Thay thế các giá trị vào công thức (1) ta được: *Tải lượng bụi phát sinh = 0,131x 23,37 = 3,06 kg/ngày.*

Tải lượng bụi phát sinh từ nguồn này tương đối cao, nếu không được quản lý và xử lý sẽ gây các tác động nhất định đến chất lượng môi trường không khí và sức khỏe cộng đồng.

(2) Phát sinh từ quá trình hoạt của các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển: Các phương tiện vận chuyển hoạt động sẽ phát sinh ra một lượng khí thải chứa các chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi, SO_2, NO_x, CO, THC do quá trình đốt nhiên liệu động cơ.

Hệ số phát thải các chất ô nhiễm từ các nguồn thải di động này được tham khảo theo "WHO, Rapid inventory techique in environmental control,năm 1993", cụ thể như sau:

Bảng 24: Hệ số phát thải của nguồn thải di động đặc trưng đối với phương tiện vận chuyển

Stt	Phương tiện	Bụi	SO_2	NO_x	CO	THC
		Đơn vị: kg/1.000 km				
1	Xe tải dùng dầu diezen	0,9	4,15*S	14,4	2,9	0,8

Nguồn: WHO, Rapid inventory techique in environmental control,năm 1993

** Ghi chú: S: Nồng độ lưu huỳnh trong dầu, S= 0,5%.*

Căn cứ trên hệ số phát thải nêu tại bảng trên, ta tính toán được hệ số phát thải các chất ô nhiễm từ phương tiện di chuyển trên 1km quãng đường như sau:

Bảng 25: Hệ số phát thải của nguồn thải di động đặc trưng đối với phương tiện vận chuyển trên 1 km quãng đường

Stt	Phương tiện	Bụi	SO_2	NO_x	CO	THC
		Đơn vị: g/km				
1	Xe tải dùng dầu diezen	0,9	4,15*S	14,4	2,9	0,8

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

Căn cứ trên khối lượng đất dự kiến được vận chuyển khoảng 23,37 tấn/ngày và phương tiện vận chuyển sử dụng dự kiến có tải trọng trung bình 2 tấn thì sẽ có 12 chuyến xe, tương đương 24 lượt xe ra vào dự án.

Từ các số liệu có được thì có thể ước tính được thải lượng ô nhiễm của phương tiện vận chuyển phát sinh trên 1 km quảng đường trong 01 ngày, cụ thể

như sau:

Bảng 26: Tải lượng chất ô nhiễm phát sinh từ phương tiện vận chuyển

Stt	Phương tiện	Bụi	SO_2	NO_x	CO	THC
		g/km/ngày				
1	Xe tải dùng dầu diezen	21,6	99,6*S	345,6	69,6	19,2

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

Số liệu tính toán cho thấy, tải lượng khí thải phát sinh tương đối thấp, nguồn phát sinh là nguồn di động, phân tán theo chiều dài của đoạn đường di chuyển. Do đó, các tác động từ nguồn này được đánh giá là thấp.

- *Tính chất nguồn thải:* Đặc trưng cơ bản của các nguồn gây ô nhiễm không khí được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 27: Đặc trưng cơ bản nguồn gây ô nhiễm không khí

TT	Nguồn thải	Loại nguồn thải	Đặc điểm
1	Phương tiện vận chuyển	Phân tán	Nguồn thải liên tục trong quá trình thi công
2	Hoạt động bốc xúc và tập kết	Phân tán	
3	Yếu tố vi khí hậu: Gió cuốn bụi từ mặt đường, …	Phân tán	Nguồn thải không liên tục

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

Về không gian tác động: Bụi và khí thải là nguồn thải có khả năng phát tán ra diện rộng, không gian tác động của nguồn thải này còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố vi khí hậu (gió, độ ẩm không khí).

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn vận hành Dự án, dự kiến từ tháng 3/2024 đến tháng 8/2024.

a.4) Tác động do chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt CTRSH)

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, dự kiến tối đa là 12 người.

- *Quy mô nguồn thải:* khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành được tính toán theo công thức sau:

$$M_{CTRSH} = W \text{ (người)} * 0,3 \text{ (kg/người.ngày)} = 10 * 0,3 = 3,0 \text{ (kg/ngày)}$$

Trong đó:

+ M_{CTRSH}: khối lượng chất thải rắn phát sinh trong một ngày (kg/ngày).

+ W: Số công nhân làm việc tại dự án, dự kiến tối đa là 10 người

+ Định mức phát sinh CTRSH: Căn cứ theo số liệu quy định tại Bảng 2.23 của QCVN 01:2021/BXD, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào khoảng 0,8 kg/người-ngày. Tuy nhiên, công nhân làm việc trung bình 08 giờ/ngày (01 ca/ngày), nên CTR sinh hoạt phát sinh trung bình khoảng 0,3 kg/người-ngày.

- *Tính chất nguồn thải:* CTRSH có thành phần hữu cơ chiếm chủ yếu, nguồn thải này phát sinh với khối lượng không lớn nhưng không được quản lý và xử lý đúng quy định, sẽ gây các tác động nhất định đến các thành phần môi trường tiếp nhận chất thải.

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt được tham khảo trong bảng sau:

Bảng 28: Thành phần chủ yếu trong rác thải sinh hoạt

STT	Thành phần	Tỷ lệ (%)
1	Các chất hữu cơ dễ phân hủy	40 - 60
2	Các loại bao bì polyme	25 - 35
3	Các chất dễ cháy như giấy, carton	10 - 14
4	Kim loại	1 - 2
5	Các chất khác	3 - 4

Nguồn: Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn - NXB Xây dựng, năm 2010

Về không gian tác động: Chất thải rắn sinh hoạt có trọng lượng riêng tương đối nặng, khó phát tán vào không khí hay phát tán theo gió ra khu vực xung quanh. Do đó không gian tác động chủ yếu là tại khu vực phát sinh.

Tuy nhiên, dự án không bố trí khu vực lưu trú, sinh hoạt (ăn uống giữa ca), công nhân tự sinh hoạt tại gia đình, các cơ sở dịch vụ ăn uống, trạm xăng trong khu vực, nên hầu như không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực dự án.

a.5) Tác động do chất thải rắn thông thường

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, đất dính bám vào bánh xe và rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

- Một phần cây cỏ, rơm rạ, … đính bám cùng với đất và rơi vãi trên

tuyến đường vận chuyển.

- Ngoài ra, nếu thùng xe không được che kín trong quá trình vận chuyển cũng có thể làm rơi vãi đất dọc theo tuyến đường phương tiện đi qua.

- Khối lượng CTR phát sinh từ nguồn này phụ thuộc vào công tác vệ sinh phương tiện trước, trong và sau khi vận chuyển đất.

a.6) Tác động do chất thải nguy hại (CTNH)

- *Nguồn phát sinh:* Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ quá trình sửa chữa phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển.

Ngoài ra, do thời gian vận hành dự án ngắn nên CTNH không phát sinh từ hoạt động sinh hoạt.

- *Quy mô nguồn thải:* Do thời gian sử dụng ngắn, số lượng phương tiện tương đối thấp, không thực hiện bảo trì, bảo dưỡng tại khu vực thi công dự án, ... nên khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn này là rất thấp, dự báo khoảng 13 kg (tính cho toàn dự án)

Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành được dự báo trong bảng sau:

Bảng 29: Thành phần và khối lượng CTNH

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng trung bình	Mã CTNH	Tính chất nguy hại	Vị trí phát sinh
1	Dầu nhớt thải	Lỏng	05	15 01 07	Đ ĐS C	Tại cơ sở sửa chữa phương tiện
2	Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm chất thải nguy hại	Rắn	03	18 02 01	Đ ĐS	
3	Ắc quy thải	Rắn	03	16 01 12	Đ ĐS AM	
Tổng khối lượng			***13***			

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

- *Tính chất nguồn thải:* Tính chất của từng loại chất thải nguy hại cụ thể như sau:

+ Có độc tính (ký hiệu tính chất nguy hại Đ): Gây kích ứng, gây độc cấp tính, ... cho con người ở mức độ thấp. Ngoài ra, khi chất thải tiếp xúc với không khí hay nước sẽ giải phóng ra khí độc hại, gây nguy hiểm đối với con người và ô nhiễm môi trường.

+ Có độc tính sinh thái (ký hiệu tính chất nguy hại ĐS): Chất thải thuộc nhóm này có các thành phần nguy hại nhanh chóng hay từ từ đối với môi trường và hệ sinh thái thông qua tích lũy.

+ Có tính dễ cháy (ký hiệu tính chất nguy hại C): Các chất thải ở thể lỏng, hỗn hợp chất lỏng hoặc chất lỏng chứa chất rắn hòa tan hoặc lơ lửng, có nhiệt độ chớp cháy thấp theo QCKTMT về ngưỡng CTNH.

+ Có tính ăn mòn (ký hiệu tính chất nguy hại AM): Thông qua các phản nước hóa học, chất thải này sẽ gây tác động nghiêm trọng đến các đối tượng, môi trường tiếp xúc chất thải

b) Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung

b.1) Xác định nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

- *Mức độ:* Tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn này được tham khảo theo Tiêu chuẩn tiếng ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công của "Ủy ban BVMT U.S - Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1", cụ thể như sau:

Bảng 30: Độ ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công

STT	Nguồn phát sinh	Độ ồn ở khoảng cách 02 m (dBA)
1	Xe tải	83 - 94
2	Xe cuốc	72 - 84
3	Máy ép viên	78 - 86
QCVN 26:2010/BTNMT		**70**
QCVN 24:2016/BYT		**85**

Nguồn: Ủy ban BVMT U.S - Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1

Khi lan truyền trong không khí, sóng âm bị mất dần năng lượng nên mức âm thanh cũng giảm bớt. Có thể dùng công thức sau để tính gần đúng mức giảm tiếng ồn: $\Delta L = 20lg\ (r_2/r_1)^{1+a}$ **(dBA)**

Trong đó:

- r_1: Khoảng cách đo tiếng ồn ban đầu (thường = 02 m).

- r_2: Khoảng cách từ điểm tính toán tới nguồn tiếng ồn (m).
- a: Hệ số kể đến khả năng hấp thu tiếng ồn của mặt đất.

+ a = -0,1 đối với mặt đường nhựa và bê tông.

+ a = 0 đối với mặt đất trống.

+ a = 0,1 đối với mặt đất trồng cỏ.

Theo công thức trên, ta tính được mức ồn tại các vị trí cách nguồn phát sinh tiếng ồn 20 m, 50 m, 100, 150 m, 200 m.

Bảng 31: Độ ồn của các phương tiện, thiết bị thi công

STT	Nguồn phát sinh	Độ ồn(dBA)				
		Khoảng cách 20 m	**Khoảng cách 50 m**	**Khoảng cách 100 m**	**Khoảng cách 150 m**	**Khoảng cách 200 m**
1	Xe tải	76,0	68,8	63,4	60,2	58,0
2	Xe cuốc, đào đất	66,0	58,8	53,4	50,2	48,0
3	Máy ép viên	68,0	60,8	55,4	52,2	50,0
QCVN 26:2010/BTNMT		**70**				
QCVN 24:2016/BYT		**85**				

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2023

Ghi chú:

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc (áp dụng đối với thời gian tiếp xúc với tiếng ồn 8 giờ);

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

Về không gian tác động: Theo số liệu tại bảng trên cho thấy, độ ồn phát sinh từ đa số các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển tại điểm thi công có giá trị vượt giới hạn cho phép, tuy nhiên giảm dần theo khoảng cách xa dần nguồn phát sinh và tại vị trí cách điểm phát sinh từ 50 - 200m, độ ồn thấp và nằm trong giới hạn cho phép.

Như vậy, không gian tác động chủ yếu trong phạm vi 50m, tính từ điểm phát sinh.

Tuy nhiên vị trí thi công cải tạo cách nhà dân tối thiểu là 200 m và vị trí

bãi tập kết cách nhà dân tối thiểu là 50 m, do đó hoạt động của các phương tiện phát sinh tiếng ồn hầu như không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và sức khỏe cộng đồng.

Về thời gian tác động: Phát sinh và gây tác động xuyên suốt trong giai đoạn thi công Dự án, dự kiến từ tháng 3/2024 đến tháng 8/2024.

b.2) Xác định nguồn phát sinh và mức độ của độ rung

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển.

- *Mức độ:* Mức độ rung động có thể xác định nhanh trên cơ sở số liệu được USEPA (*US Environmental Protection Agency - Cơ quan bảo vệ môi trường của Mỹ*) xác lập nêu tại bảng sau:

Bảng 32: Mức độ gây rung của một số máy móc xây dựng

STT	Thiết bị	**Mức độ rung động** *(Theo hướng thẳng đứng Z, dB)*	
		Cách nguồn gây rung động 10m	***Cách nguồn gây Rung động 30m***
1	Xe cuốc, xe đào đất	75	71
2	Xe tải	74	64
QCVN 27:2010/BTNMT		***75***	

Nguồn: Tổng Cục môi trường tổng hợp số liệu của USEPA, năm 2010

Số liệu tại bảng trên cho thấy, các phương tiện thi công và vận chuyển hoạt động tại dự án có độ rung tương đối thấp và nằm trong giới hạn cho phép.

c) Nhận dạng, đánh giá sự cố môi trường có thể xảy ra của dự án

c.1) An ninh trật tự, an toàn lao động và an toàn giao thông

- An ninh trật tự: Do dự án sử dụng số lượng lao động tương đối ít và là lao động địa phương nên xác xuất xảy ra những xung đột, mâu thuẫn giữa nội bộ công nhân hoặc công nhân với người dân địa phương là rất thấp.

- Tai nạn giao thông và tai nạn lao động: Trong quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển, phương tiện thi công có khả năng phát sinh các rủi ro như:

+ Va chạm giữa các phương tiện, va chạm giữa phương tiện và công nhân, từ đó gây nên các ảnh hưởng và thiệt hại nhất định về tài sản, sức khỏe công nhân.

+ Tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và tuyến đường Trà On, có khả năng xảy ra va chạm giữa phương tiện vận chuyển của dự án và các phương tiện lưu thông trên tuyến đường này.

+ Bùn đất rơi vãi nếu không được thu gom sẽ gây bụi (vào mùa khô) và gây trơn trượt (vào mùa mưa), ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và có khả năng gây tai nạn giao thông.

+ Công nhân vận hành máy ép viên thao tác không đúng kỹ thuật, quá trình sử dụng điện vận hành máy không đảm bảo an toàn về sử dụng điện, … đều tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tai nạn lao động

- Sụt lún đường giao thông: Trong giai đoạn này, nếu sử dụng các phương tiện vận chuyển có tải trọng vượt quá tải trọng cho phép sẽ phát sinh sự cố sụt lún đường giao thông (tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và tuyến đường Trà On). Qua đó gây mất an toàn giao thông cho các phương tiện di chuyển qua các tuyến đường này.

c.2) Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp - "khu vực có yếu tố môi trường nhạy cảm"

- Quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới (xe cuốc, xe tải) có thể làm rơi vãi đất với khối lượng lớn xuống khu vực đất canh tác; Phát sinh sạt lỡ bờ bao, gây đỗ tràn đất ra khu vực xung quanh, ... từ đó gây ảnh hưởng đến quá trình phát triển của cây trồng, gây tổn thất kinh tế cho người dân.

- Quá trình di chuyển của các phương tiện cơ giới có thể gây cản trở hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ canh tác nông nghiệp và hoạt động đi lại của người dân.

c.3) Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt (CTNH):

- Các phương tiện thi công đều sử dụng lượng nhiên liệu là dầu, nhớt. Do đó, có khả năng xảy ra hiện tượng rò rỉ dầu, nhớt từ phương tiện thi công xuống khu vực dự án.

- Rò rỉ dầu, nhớt từ phương tiện thi công có các tác động đến môi trường nước mặt, phần dầu loang trên mặt nước làm giảm khả năng khuếch tán oxy vào trong nước, thay đổi tính chất hoá lý của nước như thay đổi màu, mùi, vị, tăng độ nhớt,… ảnh hưởng đến hoạt động trồng lúa khu vực xung quanh của dự án.

c.4) Rủi ro sạt lở bờ kênh trong hoạt động vận chuyển và bờ bao trong quá trình thi công

- Trên tuyến đường vận chuyển nội bộ của dự án có 02 cống tạm lắp tại tuyến kênh nội đồng (nhánh kênh nối giữa Kênh V4 và Kênh V5) và kênh Tây (kênh thủy lợi cấp III). Do đó, quá trình hoạt động của phương tiện vận chuyển có khả năng gây sạt lở bờ kênh.

- Tuy nhiên, phương tiện vận chuyển của Dự án là những phương tiện vận chuyển cỡ nhỏ (tải trọng dưới 2,0 tấn). Do đó, nếu tuân thủ sử dụng phương tiện đúng tải trọng quy định, thì hầu như không phát sinh sự cố sạt lỡ bờ kênh.

- Hoạt động của các phương tiện thi công không đảm bảo khoảng cách an toàn với bờ bao, hoặc phương tiện di chuyển trên bờ bao, … sẽ gây hư hỏng, sạt lở bờ bao, từ đó gây ảnh đến môi trường và hoạt động sản xuất nông nghiệp.

c.5) Rủi ro sạt lở tại khu vực bến thủy tạm thời

- Tại khu vực bãi tập kết, chủ dự án có bố trí 01 bến thủy tạm thời phục vụ quá trình xuất hàng hóa (đất được nén thành viên) xuống phương tiện vận chuyển của khách hàng.

- Do đó, trong quá trình ra vào bến của các phương tiện sẽ tiềm ẩn nguy cơ sạt lở khu vực bến thủy tạm thời. Phạm vi sạt lở: trong khoảng 50m dọc theo bờ phải rạch Đập Sen.

c.6) Sự cố, rủi ro cháy nổ

Trong giai đoạn thi công Dự án, Chủ dự án không tập kết nhiên liệu, không bố trí lán trại tại khu vực các bãi chứa đất, phương tiện thi công chính là xe cuốc, xe tải, do đó xác suất phát sinh sự cố cháy nổ được nhận định là không xảy ra.

Tổng hợp, đánh giá các tác động trong giai đoạn vận hành dự án:

Trên cơ sở kết quả tính toán, dự báo các tác động phát sinh trong giai đoạn vận hành dự án, việc tổng hợp đánh giá mức độ tác động theo phương pháp ma trận có tính tổng hợp cao. Phương pháp ma trận được sử dụng là hệ thống định lượng tác động (Impact quantitative system - IQS).

Các tác động được phân tích, đánh giá và cho điểm tương ứng theo bảng sau:

Bảng 33: Hệ thống phân loại IQS

Tác động	Thông số	Hệ thống xếp loại		
		Mức độ	Định nghĩa	Điểm
Tác động	Cường độ tác động (M)	Tác động lớn hoặc nghiêm trọng	Tác động có thể làm thay đổi nghiêm trọng các nhân tố của môi trường hoặc tạo ra biến đổi mạnh mẽ về môi	03

Tác động	Thông số	Hệ thống xếp loại		
		Mức độ	**Định nghĩa**	**Điểm**
			trường. Tác động loại này có thể ảnh hưởng lớn đến môi trường tự nhiên hoặc kinh tế - xã hội của một khu vực	
		Tác động trung bình	Tác động có thể ảnh hưởng rõ rệt một số nhân tố của môi trường. Tác động loại này có thể ảnh hưởng không lớn đến môi trường tự nhiên hoặc kinh tế - xã hội của một khu vực	02
		Tác động nhẹ	Tác động có thể ảnh hưởng nhẹ đến môi trường tự nhiên hoặc một bộ phận nhỏ dân số	01
		Tác động không đáng kể hay không tác động	Hoạt động của dự án không tạo ra các tác động tiêu cực rõ rệt	00
Sự tương tác	Phạm vi tác động (S)	Không đáng kể	Phạm vi hẹp quanh nguồn tác động	00
		Cục bộ	Phạm vi tác động xung quanh nguồn gây tác động (trong phạm vi xã, phường)	01
		Khu vực	Phạm vi tác động xung quanh nguồn gây tác động (trong phạm vi liên xã, phường)	02
		Liên vùng	Phạm vi tác động trên 2 huyện xung quanh nguồn tác động	03
		Quốc tế	Phạm vi tác động ảnh hưởng đến lãnh thổ nước láng giềng	04
	Thời gian tác động (R)	<1 năm	Thời gian phục hồi trạng thái ban đầu dưới 1 năm	01
		1-2 năm	Thời gian phục hồi trạng thái ban đầu từ 1 đến 2 năm	02
		2-5 năm	Thời gian phục hồi trạng thái ban đầu từ 2 đến 5 năm	03
		>5 năm	Thời gian phục hồi trạng thái ban đầu trên 5 năm	04
Sự cố môi trường	Tần suất (F)	Rất hiếm hoặc không xảy ra	Sự cố môi trường rất hiếm khi hoặc không bao giờ xảy ra	00
		Hiếm khi xảy ra	Sự cố môi trường có khả năng xảy ra nhưng được dự báo là hiếm	01
		Nguy cơ xảy ra tương đối cao	Nguy cơ xảy ra sự cố môi trường là tương đối cao	02
		Nguy cơ xảy ra rất cao	Nguy cơ xảy sự cố môi trường là cao	03
Quản	Luật pháp	Không có quy	Pháp luật không có quy định đối với	00

Tác động	Thông số	Hệ thống xếp loại		
		Mức độ	Định nghĩa	Điểm
lý	(L)	định	tác động	
		Quy định có tính tổng quát	Pháp luật quy định tổng quát đối với tác động	01
		Quy định cụ thể	Pháp luật quy định cụ thể đối với tác động	02
	Chi phí (E)	Chi phí thấp	Chi phí chi quản lý và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực	01
		Chi phí trung bình	Chi phí trung bình cho quản lý và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực	02
		Chi phí cao	Chi phí cao cho quản lý và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực	03
	Mối quan tâm của cộng đồng (P)	Ít quan tâm	Sự khó chịu hoặc quan tâm của cộng đồng đối với các vấn đề môi trường của dự án là ít hoặc không có	01
		Mức độ quan tâm trung bình	Sự khó chịu hoặc quan tâm của cộng đồng đối với các vấn đề môi trường của dự án là ở khu vực tương đối hẹp (xã, phường)	02
		Mức độ quan tâm cao	Sự khó chịu hoặc quan tâm của cộng đồng đối với các vấn đề môi trường của dự án là trên phạm vi rộng (liên xã, phường)	03

Nguồn: Viện môi trường và phát triển bền vững (VESDI), 2008

Mức độ tác động tổng thể được xác định trên cơ sở tổng điểm được tính theo công thức sau:

TS = (M + S + R) x F x (L + E + P) = Mức độ tác động tổng thể

Bảng 34: Mức độ tác động được xác định theo thang điểm

Stt	Điểm	Mức độ tác động
1	0 - 09	Không tác động hoặc tác động không đáng kể
2	09 - 72	Tác động nhỏ
3	72 - 144	Tác động trung bình
4	144 - 264	Tác động lớn hoặc tác động nghiêm trọng

Nguồn: Viện môi trường và phát triển bền vững (VESDI), 2008

Đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 35: Đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành của dự án

Đối tượng bị tác động	**Thông số cho điểm**	**Nguồn tác động**							**Tổng điểm**
		CTR sinh hoạt	**Chất thải nguy hại**	**Nước mưa chảy tràn**	**Nước thải sinh hoạt**	**Khí thải Bụi**	**Tiếng ồn**	**Sự cố rủi ro**	
		Điểm số							
Môi trường không khí	Cường độ (M)	1	1	1	1	1	0	0	
	Phạm vi (S)	0	0	0	1	1	1	0	
	Thời gian (R)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tần suất (F)	1	1	0	1	1	0	1	
	Luật (L)	2	2	1	2	1	2	1	
	Chi phí (F)	1	2	1	1	1	1	1	
	Cộng đồng (P)	2	2	1	2	1	1	2	
	Tổng	***10***	***12***	***0***	***15***	***9***	***0***	***4***	***50***
Môi trường nước	Cường độ (M)	0	1	1	1	1	0	2	
	Phạm vi (S)	0	0	0	2	1	1	3	
	Thời gian (R)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tần suất (F)	1	1	1	1	1	1	1	
	Luật (L)	1	1	1	1	1	1	1	
	Chi phí (F)	1	1	1	1	1	1	1	
	Cộng đồng (P)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tổng	***3***	***6***	***6***	***12***	***9***	***6***	***18***	***60***
Môi trường đất	Cường độ (M)	1	1	1	1	0	0	0	
	Phạm vi (S)	0	0	0	1	0	0	0	
	Thời gian (R)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tần suất	1	1	0	1	0	0	1	

Đối tượng bị tác động	Thông số cho điểm	Nguồn tác động							Tổng điểm
		CTR sinh hoạt	Chất thải nguy hại	Nước mưa chảy tràn	Nước thải sinh hoạt	Khí thải Bụi	Tiếng ồn	Sự cố rủi ro	
	(F)								
	Luật (L)	1	1	1	1	0	0	1	
	Chi phí (F)	1	1	1	1	0	0	1	
	Cộng đồng (P)	1	1	1	1	0	0	1	
	Tổng	***6***	***6***	***0***	***9***	***0***	***0***	***3***	***24***
Con người	Cường độ (M)	1	1	0	1	1	1	1	
	Phạm vi (S)	1	1	1	1	1	0	1	
	Thời gian (R)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tần suất (F)	1	1	1	1	1	1	1	
	Luật (L)	1	1	0	1	0	1	1	
	Chi phí (F)	1	1	1	1	1	1	1	
	Cộng đồng (P)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tổng	***9***	***9***	***4***	***9***	***6***	***6***	***9***	***52***
Kinh tế - xã hội	Cường độ (M)	1	1	0	1	1	1	1	
	Phạm vi (S)	1	0	0	1	0	1	1	
	Thời gian (R)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tần suất (F)	1	1	0	1	0	1	1	
	Luật (L)	1	1	0	1	0	1	1	
	Chi phí (F)	1	1	0	1	1	1	1	
	Cộng đồng (P)	1	1	1	1	1	1	1	
	Tổng	***9***	***6***	***0***	***9***	***0***	***9***	***9***	***42***

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, năm 2023

Như vậy, kết quả đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành của dự án theo phương pháp IQS được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 36: Kết quả đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành

Stt	Đối tượng bị tác động	Điểm	Mức độ tác động
1	Môi trường không khí	50	Tác động nhỏ
2	Môi trường nước	60	Tác động nhỏ
3	Môi trường đất	24	Tác động nhỏ
4	Con người	52	Tác động nhỏ
5	Kinh tế - xã hội	62	Tác động nhỏ

☛ Theo kết quả đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành của dự án theo phương pháp IQS cho thấy: các tác động trong giai đoạn vận hành tác động đến các thành phần môi trường ở mức độ nhỏ.

Bảng 37: Kết quả đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành (tt)

Stt	Nguồn gây tác động	Điểm	Mức độ tác động
1	CTR sinh hoạt	3 - 10	Tác động nhỏ
2	Chất thải nguy hại	6 - 12	Tác động nhỏ
3	Nước mưa chảy tràn	0 - 6	Không tác động hoặc tác động không đáng kể
4	Nước thải sinh hoạt	9 - 15	Tác động nhỏ
5	Khí thải, bụi	0 - 9	Không tác động hoặc tác động không đáng kể
6	Tiếng ồn	0 - 9	Không tác động hoặc tác động không đáng kể
7	Sự cố rủi ro	3 - 18	Tác động nhỏ

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện tổng hợp, năm 2023

☛ Theo kết quả đánh giá tác động tổng thể trong giai đoạn vận hành của dự án theo phương pháp IQS cho thấy: Các nguồn gây tác động đều ở mức không tác động hoặc tác động không đáng kể và tác động nhỏ.

3.2.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

a) Đối với nước thải và nước mưa chảy tràn

a.1) Đối với công trình xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt không phát sinh tại các khu vực thuộc phạm vi dự án. Do đó, Chủ dự án không bố trí công trình xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực Dự án.

- Các biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm thiểu, phòng ngừa ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt như sau:

+ Kiểm soát nguồn phát sinh nước thải: Không bố trí khu vực sinh hoạt tại Dự án, đảm bảo hoàn toàn không phát sinh nước thải sinh hoạt tại đây.

+ Tuyên truyền, nhắc nhở công nhân giữ gìn vệ sinh chung, không phóng uế bừa bãi tại khu vực thi công và xung quanh.

+ Công nhân sử dụng nhà vệ sinh của các dịch vụ ăn uống, giải khát và cửa hàng xăng dầu khu vực xung quanh dự án.

+ Biện pháp dự phòng: Thuê/sử dụng nhờ khu vực nhà vệ sinh tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong, nhằm phục vụ nhu cầu vệ sinh của công nhân khi cần thiết.

a.2) Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án, một phần sẽ được thấm tự nhiên và phần còn lại thoát theo cao trình ra khu vực xung quanh theo các rãnh thoát nước hiện hữu của các thửa đất ra tuyến kênh nội đồng.

- Không thực hiện thi công khi thời tiết có mưa.

- Phương tiện thi công được che chắn cẩn thận khi có mưa.

- Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy và thùng chứa CTNH được bố trí trong khu vực có mái che kín, đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào.

b) Đối với công trình xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang y tế chuyên dụng, …

- Phun nước để làm tăng độ ẩm và hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại các vị trí phương tiện đang thi công. Tần suất phun nước giảm bụi là 02 lần/ngày, tuy nhiên tùy thuộc vào điều kiện thời tiết,

có thể tăng hoặc giảm số lần phun nước tạo ẩm lên 04 lần/ngày.

- Các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển phải đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (không quá 0,5%S)

- Phương tiện vận chuyển đảm bảo có tải trọng tối đa là 2,0 tấn

- Quá trình vận chuyển phải sử dụng bạt che kín các thùng xe, nhằm giảm thiểu lượng đất rơi vãi và phát tán bụi trên đường vận chuyển.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý: Từ 7h đến 11h và từ 13h đến 17h.

→ Các biện pháp đề xuất thực hiện đơn giản, phù hợp với hiện trạng khu vực thực hiện dự án. Cơ bản kiểm soát được nguồn phát thải, đảm bảo môi trường không khí xung quanh có chất lượng đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

c) Đối với công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

c.1) Chất thải rắn sinh hoạt

- Không bố trí khu vực sinh hoạt tại Dự án, hạn chế tối đa phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại đây.

- Công nhân ăn uống tại gia đình, các cửa hàng ăn uống xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện nội quy **"HẠN CHẾ SINH HOẠT ĂN, UỐNG TẠI KHU VỰC THI CÔNG DỰ ÁN"**

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân trong công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung khi sử dụng các dịch vụ ăn uống, giải khát khu vực xung quanh dự án, tuân thủ quy định chung về bảo vệ môi trường.

- Biện pháp dự phòng:

+ Bố trí 02 thùng chứa CTRSH (01 thùng bố trí tại khu vực thi công hạ độ cao, 01 thùng bố trí tại khu vực bãi tập kết)

+ Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

+ Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.

→ Các biện pháp đề xuất thực hiện đơn giản, phù hợp với hiện trạng tại vị trí phát sinh chất thải và có tính khả thi cao, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu,

quy định tại Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c.2) Chất thải rắn thông thường

- Thực hiện vệ sinh bánh xe của các phương tiện vận chuyển: Nhân viên điều khiển phương tiện phụ trách theo dõi, vệ sinh bánh xe (bóc tách đất dính bám) sau mỗi chuyển vận chuyển đất ra khỏi phạm vi khu vực thi công cải tạo, hạ độ cao.

- Trong quá trình vận chuyển, thùng xe được che chắn bằng vải bạc, đảm bảo không phát sinh đất rơi vãi.

- Bố trí nhân viên vệ sinh, thu gom đất rơi vãi tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và đường Trà On. Định kỳ 02 lần/ca, hoặc khi phát sinh đất rơi vãi, …

- Tại vị trí giao nhau giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và đường Trà On: thực hiện rải lớp đá dăm gia cố nền đường, phía trên bố trí lớp cỏ, rơm.

c.3) Chất thải nguy hại

Các biện pháp thu gom, lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành cụ thể như sau:

- Công tác phân loại chất thải nguy hại: Được thực hiện bắt đầu từ thời điểm đưa vào lưu giữ. Căn cứ theo thành phần CTNH được dự báo tại 3.2.1, CTNH được phân thành 03 nhóm.

- Công tác lưu chứa CTNH:

+ Bố trí thiết bị lưu chứa CTNH, thiết bị đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Số lượng 03 thùng chứa CTNH.

+ Bố trí khu vực lưu chứa CTNH, đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như:

- Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH.
- Mặt sàn đảm bảo không thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào;
- Diện tích khu vực khoảng 2 m^2;
- Vị trí tại khu vực văn phòng của Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như

(địa chỉ: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh)

+ Xử lý chất thải CTNH: Thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Thời gian thực hiện: Sau khi kết thúc dự án.

Các biện pháp đề xuất thực hiện nhằm giảm thiểu tác động của CTNH cơ bảo đúng theo quy định của Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

d) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn, độ rung đến môi trường và sức khỏe người lao động, các biện pháp giảm thiểu đề xuất thực hiện cụ thể như sau:

- Thực hiện kế hoạch thi công hợp lý: Thời gian hoạt động thi công từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày.

- Đảm bảo làm việc theo đúng thời gian quy định đã cam kết.

- Bố trí các phương tiện vận chuyển và thi công hợp lý, hạn chế tập trung hoạt động cùng lúc tại một vị trí.

- Các phương tiện vận chuyển đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

→ Các biện pháp đề xuất thực hiện cơ bản đảm bảo tiếng ồn và độ rung nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (quy định 70 dBA), QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (quy định 75 dB).

đ) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

đ.1) An ninh trật tự và an toàn giao thông

- Đơn vị thi công ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương. Đối với công nhân ngoài địa phương phải liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã để đăng ký tạm trú tạm vắng trong thời gian làm việc tại dự án.

- Bố trí nhân viên điều tiết giao thông, đặt biệt vào các giờ cao điểm.

- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi và thu gom toàn bộ bùn đất rơi vãi phát sinh trên đường giao thông (nếu có), để hạn chế xảy ra tai nạn giao thông.

- Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi tình trạng sử dụng của 02 cống tạm, đảm bảo các phương tiện di chuyển an toàn qua 02 vị trí này.

- Đảm bảo tốc độ di chuyển của các phương tiện vận chuyển, đặc biệt chú ý tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và đường Trà On.

- Đảm bảo tải trọng của các phương tiện vận chuyển, nhằm giảm thiểu các tác động đến đường giao thông khu vực, cũng như trong phạm vi dự án.

- Bố trí biển báo "XE RA VÀO THƯỜNG XUYÊN" tại vị trí giao nhau với tuyến đường ấp Trà On.

- Nhằm đảm bảo các vấn đề về vệ sinh môi trường, an toàn lao động và ngăn ngừa phát sinh sự cố, rủi ro, đơn vị thi công sử dụng các phương tiện đã được kiểm tra kỹ thuật theo đúng quy định, đủ điều kiện để đưa vào sử dụng.

- Có chế độ hỗ trợ cho người lao động gặp tai nạn lao động nhằm khắc phục kịp thời các thiệt hại do tai nạn gây ra;

- Trong trường hợp hư hỏng đường giao thông do phương tiện vận chuyển của Dự án: Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm sửa chữa và bồi thường thiệt hại (nếu có).

đ.2) Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp

- Quá trình vận chuyển phải sử dụng bạt che kín các thùng xe nhằm giảm thiểu lượng đất rơi vãi trên đường vận chuyển và ra khu vực đất sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện đầy đủ kiểm tra, giám sát bờ bao xung quanh khu vực thi công, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố hư hỏng, sạt lở.

- Hoạt động của các phương tiện ra vào khu vực thi công: Phương tiện không di chuyển gần bờ bao, hoặc trên mặt bờ bao, để ngăn ngừa sạt lở do trọng tải lớn, rung lắc khi di chuyển.

- Hiện trạng, xung quanh khu đất thực hiện cải tạo, hạ độ cao đã có bờ bao xung quanh, nên góp phần giảm thiểu được các tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp

- Trong trường hợp phát sinh sự cố hư hỏng bờ bao (phát sinh đất tràn ra đất sản xuất nông nghiệp lân cận):

+ Ngừng ngay các hoạt động của phương tiện vận chuyển, thi công.

+ Thực hiện kiểm tra tổng quát và xác định phạm vi xảy ra sự cố.

+ Tận dụng các phương tiện sẵn có tại công trường thực hiện gia cố bờ bao kịp thời;

+ Thực hiện thu gom khối lượng đất tràn ra khu vực xung quanh.

+ Thực hiện bồi thường thiệt hại (nếu có)

đ.3) Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt (CTNH)

- Thực hiện kiểm tra các phương tiện thi công trước khi đưa vào hoạt động (đầu mỗi ca làm việc), nhằm phát hiện và xử lý kịp thời sự cố rò rỉ, dầu nhớt ra môi trường.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt, triển khai thực hiện các biện pháp xử lý như sau:

+ Tạm dừng ngay hoạt động của các phương tiện thi công

+ Thực hiện thu gom phần đất dính dầu, nhớt

+ Tập kết vào thùng chứa CTNH và thuê đơn vị xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công.

+ Tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá mức độ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp của người dân. Đồng thời thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

đ.4) Rủi ro sạt lở bờ kênh trong hoạt động vận chuyển và bờ bao trong quá trình thi công

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, điều tiết phương tiện phù hợp với tình hình thực tế của khu vực, đảm bảo không tập trung, ùn ứ phương tiện tại 01 vị trí, đặc biệt tại khu vực bờ kênh.

- Các phương tiện vận chuyển đất đảm bảo có tải trọng tối đa là 02 tấn và tuân thủ tốc độ khi di chuyển qua lại các tuyến cống tạm.

- Bố trí nhân viên kiểm tra, theo dõi các tuyến kênh trên tuyến đường vận chuyển, bờ bao xung quanh khu vực dự án, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời khi phát sinh sự cố sạt lở.

- Hoạt động thi công đảm bảo khoảng cách an toàn với bờ bao, phương tiện không di chuyển trên bờ bao, … đảm bảo không gây hư hỏng, sạt lở bờ bao do quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới.

đ.5) Rủi ro sạt lở tại khu vực bến thủy tạm thời

- Thực hiện gia cố đoạn rạch Đập Sen thuộc phạm vi bến thủy tạm thời, vật liệu chủ yếu bằng cọc dừa.

- Thường xuyên kiểm tra khu vực bến nhằm phát hiện và xử lý kịp thời

các sự cố hư hỏng tại khu vực này.

- Có kế hoạch cung cấp đất cho khách hàng hợp lý, đảm bảo không tập trung nhiều phương tiện tại khu vực bến, đảm bảo không gây ùn tắt, ảnh hưởng đến hoạt động giao thông thủy và phát sinh sự cố sạt lở.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

- Tổ chức thực hiện: Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định của Luật bảo vệ môi trường, bao gồm: Bố trí kinh phí thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 38: Danh mục công trình bảo vệ môi trường của dự án

TT	Các vấn đề môi trường	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Khối lượng	Kinh phí dự kiến (đồng)
1	Bụi, khí thải	- Dụng cụ bảo hộ lao động - Bạc che thùng xe vận chuyển đất	-	5.000.000
2	Chất thải rắn sinh hoạt	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	02 thùng	200.000
		Đóng phí thu gom CTRSH	01 lần/tháng	100.000
3	Chất thải nguy hại	- Thiết bị lưu chứa - Khu vực lưu chứa	-	1.500.000
		- Thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý	13 kg	1.200.000
4	Sự cố, rủi ro	Kinh phí khắc phục sự cố và bồi thường thiệt hại (nếu có)		20.000.000
Tổng cộng				***28.000.000***

Nguồn: Đơn vị tư vấn dự toán kinh phí

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

Kết quả đánh giá tác động môi trường đã được thực hiện có mức độ tin cậy, chi tiết cao bởi vì:

- Áp dụng những phương pháp đánh giá tác động được công bố và ban hành rộng rãi;

- Sử dụng chuỗi số liệu trong tính toán từ những tài liệu kỹ thuật đã được ban hành, quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam;

- Sử dụng định mức, số liệu khoa học của một số cơ quan quốc tế có uy tín như WHO, USEPA;

- Tham khảo các phương pháp tính toán, phương pháp đánh giá của những cơ quan, tác giả có uy tín trong nước;

- Tham khảo một số báo cáo đánh giá tác động môi trường của những dự án có loại hình hoạt động giống hoặc tương tự dự án trong và ngoài tỉnh;

- Sử dụng chuỗi dữ liệu môi trường nền từ những báo cáo quan trắc môi trường đã được phê duyệt;

- Sử dụng chuỗi số liệu thống kê về kinh tế xã hội từ Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh;

- Các số liệu quan trắc chất lượng các thành phần môi trường môi trường: Quá trình thực hiện lấy mẫu tại hiện trường và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm được thực hiện bởi Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

+ Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã số VIMCERTS 303 theo Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Việc đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Ngoài ra, công tác thống kê, xử lý số liệu được thực hiện bởi đội ngũ cán bộ được đào tạo chuyên môn về kỹ thuật môi trường, địa chất công trình, khoa học môi trường, quản lý môi trường.

Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

Bảng 39: Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập báo cáo ĐTM

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	Cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy như Báo cáo môi trường Quốc gia, …
2	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức y tế thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
3	Phương pháp so sánh	Cao	Các kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
4	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Cao	Được tiến hành bằng cách tham vấn lãnh đạo và đại diện cộng đồng dân cư lân cận dự án
5	Phương pháp kế thừa	Trung bình	Thực hiện bằng cách tham khảo các báo cáo ĐTM có quy mô và loại hình tương tự đã được phê duyệt để dự báo và đánh giá các tác động có khả năng xảy ra
6	Phương pháp khảo sát thực địa	Cao	Được thực hiện bởi đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng theo đúng quy định hiện hành
7	Phương pháp quan trắc	Cao	

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện tổng hợp, năm 2023

Chương 4: PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

- Căn cứ theo khoản 2 Điều 67 Luật bảo vệ môi trường, "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" không thuộc đối tượng lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Ngoài ra, "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội" có tính chất dự án là cải tạo đất nông nghiệp (trồng lúa nước), hạ độ cao mặt ruộng phục vụ nhu cầu canh tác của người dân.

Phần đất dôi dư trong quá trình cải tạo, hạ độ cao được Chủ dự án tận thu làm vật liệu xây dựng và không thải bỏ ra môi trường.

Hiện trạng khu vực dự án là đất trồng lúa, sau khi thực hiện cải tạo, vận chuyển và tận thu lượng đất dôi dư, khu đất thực hiện dự án vẫn là khu đất trồng lúa nước. Do đó, hoạt động cải tạo, khai thác tận thu, vận chuyển phần đất dôi dư không làm thay đổi tính chất đất, mục đích sử dụng đất.

Từ điều kiện thực tế trên, dự án không phải thực hiện các công trình cải tạo phục hồi môi trường theo quy định nội dung chương 4. Dự án không có công trình và không có ký quỹ phục hồi, cải tạo môi trường.

- Song song đó, trong quá trình cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp, thực hiện phương án san gạt, trả lại mặt bằng với cao độ đồng đều để người dân sản xuất, cụ thể như sau:

+ Thực hiện thi công cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp đúng theo Phương án cải tạo đất nông nghiệp, đảm bảo về cao độ đã được phê duyệt.

+ San gạt, trả lại mặt bằng được thực hiện song song với quá trình thi công cải tạo, hạ độ cao.

Chương 5: CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

5.1. Chương trình quản lý môi trường của đơn vị thi công

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	***2***	***3***	***4***	***5***
Chuẩn bị	- Phát quang bụi rậm - Bố trí cống tạm - Sinh hoạt của công nhân	Nước thải sinh hoạt	- Bố trí khu vực sinh hoạt (vệ sinh cá nhân, …) tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong - Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại hiện hữu tại khu vực này	Trong suốt 06 tháng thực hiện dự án
		Chất thải rắn sinh hoạt	- Bố trí 02 thùng chứa CTRSH - Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày. - Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.	
		Chất thải rắn thông thường	- Cung cấp cho người dân sử dụng làm thức ăn gia súc. Cam kết không thải bỏ ra môi trường xung quanh.	
		Đối với bụi, khí thải và tiếng ồn	- Công tác thi công được thực hiện trong khoảng thời gian từ 7h đến 11h và từ 13h đến 17h. - Thực hiện kiểm tra, bảo trì và sửa chữa các phương tiện trước khi đưa vào sử dụng.	
Vận hành, thi công	Sinh hoạt của công nhân	Nước thải sinh hoạt	- Không bố trí khu vực sinh hoạt tại Dự án - Thuê/sử dụng nhờ khu vực nhà vệ sinh tại hộ ông Nguyễn Tấn Phong	
		Chất thải rắn sinh hoạt	- Công nhân ăn uống tại gia đình, các cửa hàng ăn uống xung quanh khu vực thực hiện dự án. - Thực hiện nội quy "HẠN CHẾ SINH HOẠT ĂN, UỐNG TẠI KHU VỰC THI CÔNG DỰ ÁN"	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			- Bố trí 02 thùng chứa CTRSH - Bố trí công nhân tập kết CTRSH vào thùng rác công cộng trong khu vực. Tần suất tối thiểu 01 lần/ngày. - Thực hiện đóng phí vệ sinh theo đúng quy định.	
	Sửa chữa phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển	Chất thải nguy hại	- Bố trí 03 thùng lưu chứa CTNH - Bố trí khu vực lưu chứa CTNH, với diện tích khoảng 2 m^2 - Thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.	
	- Hoạt động hạ độ cao - Hoạt động của phương tiện	Chất thải rắn thông thường	- Thực hiện vệ sinh bánh xe của các phương tiện vận chuyển - Trong quá trình vận chuyển, thùng xe được che chắn bằng vải bạc. - Bố trí nhân viên vệ sinh, thu gom đất rơi vãi tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và đường Trà On - Tại vị trí giao nhau giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển nội bộ và đường Trà On: thực hiện rải lớp đá dăm gia cố nền đường, phía trên bố trí lớp cỏ, rơm.	
		Bụi, khí thải và tiếng ồn	- Thực hiện kế hoạch thi công hợp lý. - Đảm bảo làm việc theo đúng thời gian quy định đã cam kết. - Bố trí các phương tiện vận chuyển và thi công hợp lý, hạn chế tập trung hoạt động cùng lúc tại một vị trí. - Các phương tiện vận chuyển đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		An ninh trật tự và an toàn giao thông	- Đơn vị thi công ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương - Bố trí nhân viên điều tiết giao thông, đặt biệt vào các giờ cao điểm - Bố trí nhân viên theo dõi và thu gom toàn bộ bùn đất rơi vãi phát sinh trên đường giao thông (nếu có) - Bố trí nhân viên giám sát, theo dõi tình trạng sử dụng của 02 cống tạm - Đảm bảo tốc độ di chuyển và tải trọng của các phương tiện vận chuyển - Bố trí biển báo "XE RA VÀO THƯỜNG XUYÊN" tại vị trí giao nhau với tuyến đường ấp Trà On - Có chế độ hỗ trợ cho người lao động gặp tai nạn lao động nhằm khắc phục kịp thời các thiệt hại do tai nạn gây ra - Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm sửa chữa và bồi thường thiệt hại (nếu có).	
		Tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp	- Quá trình vận chuyển phải sử dụng bạt che kín các thùng xe - Thực hiện đầy đủ kiểm tra, giám sát bờ bao xung quanh khu vực thi công - Phương tiện không di chuyển gần bờ bao, hoặc trên mặt bờ bao - Trong trường hợp phát sinh sự cố hư hỏng bờ bao: + Ngừng ngay các hoạt động của phương tiện vận chuyển, thi công. + Thực hiện kiểm tra tổng quát và xác định phạm vi xảy ra sự cố.	

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			+ Tận dụng các phương tiện sẵn có tại công trường thực hiện gia cố bờ bao kịp thời; + Thực hiện thu gom khối lượng đất tràn ra khu vực xung quanh. + Thực hiện bồi thường thiệt hại (nếu có)	
		Sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu, nhớt (CTNH)	- Thực hiện kiểm tra các phương tiện thi công trước khi đưa vào hoạt động (đầu mỗi ca làm việc), - Thực hiện các biện pháp thu gom dầu, nhớt, đất dính dầu nhớt - Tiến hành phối hợp với chính quyền địa phương đánh giá mức độ thiệt hại về sản xuất nông nghiệp của người dân. Đồng thời thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).	
		Rủi ro sạt lở bờ kênh trong hoạt động vận chuyển và bờ bao trong quá trình thi công	- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, điều tiết phương tiện phù hợp với tình hình thực tế của khu vực, - Các phương tiện vận chuyển đất đảm bảo có tải trọng tối đa là 02 tấn - Bố trí nhân viên kiểm tra, theo dõi các tuyến kênh trên tuyến đường vận chuyển, bờ bao xung quanh khu vực dự án - Hoạt động thi công đảm bảo khoảng cách an toàn với bờ bao, phương tiện không di chuyển trên bờ bao, …	
		Rủi ro sạt lở tại khu vực bến thủy tạm thời	- Thực hiện gia cố đoạn rạch Đập Sen thuộc phạm vi bến thủy tạm thời, vật liệu chủ yếu bằng cọc dừa. - Thường xuyên kiểm tra khu vực bến. - Có kế hoạch cung cấp đất cho khách hàng hợp lý.	

5.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của đơn vị thi công

5.2.1. Giám sát chất thải rắn

- Thành phần giám sát: giám sát khối lượng CTRSH, CTNH phát sinh.

- Nội dung giám sát: công tác phân loại/phân định, thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Tần suất giám sát: 01 lần/tháng.

- Quy định hiện hành: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

5.2.2. Giám sát chất lượng không khí xung quanh dự án

- Vị trí giám sát:

+ Tại khu đất thực hiện hạ độ cao, cải tạo đất nông nghiệp (ký hiệu: K_{xq1})

+ Tại khu vực bãi tập kết (ký hiệu: K_{xq2})

- Tần suất giám sát: dự kiến vào tháng thứ 4 trong giai đoạn vận hành.

- Các thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi, CO, NO_2, SO_2;

- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.2.3. Giám sát chất lượng nước mặt

- Tần suất giám sát: dự kiến vào tháng thứ 4 trong giai đoạn vận hành.

- Các thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, DO và TSS

- Số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu

- Vị trí giám sát: Tại rạch Đập sen, tiếp giáp với bãi tập kết của dự án, cách khu đất khoảng 100m theo hướng dòng chảy (ký hiệu: NM)

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2.4. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát:

+ Bờ bao xung quanh khu vực các thửa đất cải tạo

+ Tuyến đường giao thông dự án đi qua (tuyến đường ấp Trà On và tuyến đường vận chuyển nội bộ)

+ Vị trí neo đậu của các phương tiện đường thủy

- Nội dung giám sát: tình trạng bờ bao, bờ kênh, mặt đường giao thông.

- Tần suất giám sát: hàng ngày.

- Đơn vị thực hiện chương trình giám sát môi trường: Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện chương trình giám sát.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Căn cứ theo nội dung các chuyên đề trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội", có thể kết luận như sau:

- Về các tác động tích cực của Dự án:

+ Thực hiện cải tạo đất nông nghiệp tại khu vực dự án nhằm: đảm bảo sự đồng đều về cao độ trong khu vực, tăng độ màu mỡ của đất,… qua đó tạo thuận lợi trong canh tác lúa nước, tăng năng suất và lợi nhuận cho nông hộ

+ Tận thu đất dôi dư sau hạ độ cao: vừa góp phần sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên sẵn có, vừa góp phần tạo nguồn thu cho nhà đầu tư.

- Về các tác động tiêu cực của Dự án: Quá trình thực hiện dự án có phát sinh các nguồn thải như: nước thải, chất thải rắn, khí thải và sự cố rủi ro. Báo cáo đã nhận định tương đối đầy đủ thải lượng của các nguồn thải, dự báo được không gian tác động và thời gian tác động của từng nguồn tác động.

- Về các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực: Căn cứ trên quy mô các nguồn thải phát sinh trong quá trình thi công dự án, đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động của các nguồn liên quan đến chất thải và không liên quan chất thải mang tính khả thi và hiệu quả cao

- Xây dựng chương trình quản lý, quan trắc môi trường định kỳ, để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp với diễn biến của chất lượng môi trường tại khu vực thực hiện dự án;

- Trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ bản dự báo đầy đủ các tác động phát sinh trong quá trình thực hiện dự án. Do đó, không có các tác động tiêu cực không thể có biện pháp giảm thiểu vì vượt quá khả năng cho phép của Chủ dự án.

2. Kiến nghị

Thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thì Chủ dự án kiến nghị:

- Chủ dự án kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở và Ban ngành có liên quan xem xét tính tích cực của dự án và phê duyệt báo cáo đánh

giá tác động môi trường của dự án, để từ đó tạo điều kiện để dự án sớm triển khai thực hiện;

- Quá trình thi công dự án bị ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, vào mùa mưa dự án không thể triển khai thực hiện. Do đó, kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ, tạo điều kiện, sớm trình duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án vận chuyển để dự án được triển khai thực hiện đúng kế hoạch.

- Kiến nghị cơ quan chức năng hỗ trợ, tư vấn pháp luật về bảo vệ môi trường để Chủ dự án thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại dự án;

3. Cam kết của Chủ dự án

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án;

- Cam kết thực hiện đầy đủ các ý kiến đã tiếp thu trong quá trình tham vấn;

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- Cam kết dừng ngay hoạt động thi công hạ độ cao trong trường hợp phát sinh sự cố, Chủ dự án chịu trách nhiệm khắc phục sự cố, rủi ro;

- Cam kết thực hiện triển khai dự án đúng theo tiến độ đã được nêu trong báo cáo.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính trong quá trình triển khai thực hiện dự án

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo bằng tiếng việt

+ Môi trường không khí, Phạm Ngọc Đăng, NXB Khoa học kỹ thuật, 2002;

+ Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, tập 1: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm; tập 2: Cơ học về bụi và phương pháp xử lý bụi, GS.TS Trần Ngọc Chấn, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1999;

+ Ô nhiễm không khí, PGS.TS. Đinh Xuân Thắng, NXB Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2003;

+ Ô nhiễm không khí, GS.TS.Trần Ngọc Chấn, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2004;

+ Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải - Tập 1 (Ô nhiễm không khí, tính toán khuếch tán chất ô nhiễm) và Tập 3 (Lý thuyết tính toán và Công nghệ xử lý khí độc hại), GS.TS.Trần Ngọc Chấn, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2001;

+ Ủy ban BVMT U.S - Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1.

+ Tổng Cục môi trường tổng hợp số liệu của USEPA, năm 2010.

+ Nguyễn Hải, Âm học và Kiểm tra tiếng ồn, NXB Giáo dục.

+ Báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia, giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tài liệu tham khảo bằng tiếng nước ngoài

- Assessment of Source of Air, water and land pollution, A guide to rapid source inventory techniques and their use in formulating Environment Control Strategies; Geneva; 1993; Wordl Health Organaization;

- Enviromental assessment sourcebook, volume II, sectoral guidelines, enviroment, World Bank, Washington D.C, 8/1991;

- WHO, Rapid inventory techique in environmental control,năm 1993

- Management of the Environment, WHO, 2000.

- Rapid Enviromental Assessment, WHO, 1993

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2560 /UBND-NN V/v chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội	*Càng Long, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

Kính gửi:

- Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh "về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh";

Căn cứ Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc Hướng dẫn lập phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan;

Căn cứ Hướng dẫn số 129/SNN-BVTV ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh về việc Hướng dẫn lập phương án, quy trình kỹ thuật cải tạo đất nông nghiệp theo Chỉ thị số 13/CT-UBND;

Căn cứ Công văn số 1823/SNN-BVTV ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Trà Vinh về việc phản hồi việc cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội, huyện Càng Long;

Theo Đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tại Tờ trình số 55/TTr-NN ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc cho chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chủ trương cho Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội thực hiện việc cải tạo, hạ độ cao với diện tích 20,6264 ha đất trồng lúa ở 08 khu vực của 43 hộ dân thuộc địa bàn 03 ấp: Trà On, Giồng Bèn, Giồng Mới, xã Huyền Hội *(Đính kèm danh sách).*

2. Việc cải tạo, hạ độ cao phải đảm bảo đúng quy định theo phương thức hoàn thổ, bóc tách lớp đất mặt (tầng canh tác) khoảng 20 - 25 cm để sang một bên, sau đó lấy lớp đất tầng dưới 20 cm, rồi trải lớp đất mặt trở lại và sang bằng phẳng mặt ruộng. Quá trình cải tạo, hạ độ cao phải đồng đều trong khu vực, không làm ảnh hưởng đến các thửa ruộng lân cận và các công trình giao thông, thủy lợi,... Sau khi cải tạo, cần duy trì và tăng độ màu mỡ của đất, giữ nước tốt, giúp canh tác lúa thuận lợi góp phần tăng năng suất, tăng chất lượng, sản xuất đạt hiệu quả cao hơn. Trong quá trình cải tạo, hạ độ cao phải thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định. Trước khi tiến hành bóc tách, hạ độ cao đất nông

nghiệp bắt buộc phải có phương án cải tạo đất, báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sau khi đã bóc tách đất có di chuyển phải tuân thủ thực hiện theo Hướng dẫn số 05/HD-STNM ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc lập phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan.

3. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn địa phương lập phương án cải tạo đất nông nghiệp, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xem xét phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp xã Huyền Hội.

4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn địa phương lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập phương án vận chuyển đất dôi dư sau cải tạo đất nông nghiệp đối với các khu đất cần cải tạo tại xã Huyền Hội.

5. Giao Ủy ban nhân dân xã Huyền Hội phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và Môi trường trong việc lập các phương án liên quan đến việc cải tạo các khu đất tại xã Huyền Hội; Đồng thời kiểm tra, giám sát việc cải tạo đất nông nghiệp, vận chuyển đất dôi dư sau cải tạo theo phương án đã được phê duyệt. Kịp thời xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xử lý.

Trong quá trình thực hiện, có vấn đề khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nắm để có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- TT. HU, TT. HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, NCNN;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦNG LONG T. TRÀ VINH

Huỳnh Công Tín

Danh sách hộ dân cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

(Kèm theo Công văn số 2560 /UBND-NN ngày 31 /8/2023
của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long)

TT	Tên hộ	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng diện tích			**206.264**	
I	**Ấp Trà On**			**135.729**	
Khu vực 1				**21.416**	
1	Huỳnh Văn Dẳng	166	6	3.066	
		163 A	6	1.080	
2	Đoàn Văn Nhân	171 R	6	5.613	
3	Nguyễn Văn Hải	173 A	6	3.390	
4	Nguyễn Hải Triều	172 A	6	1.230	
5	Đoàn Văn Tiến	171 H	6	2.830	
		171 R	6	4.207	
Khu vực 2				**25.292**	
1	Hồ Văn Siều	86	6	4.110	
		83	6	2.170	
		87	6	3.460	
2	Lâm Thị Hậu	88	6	2.190	
3	Ngô Văn Toản	1084	6	2.352	
4	Đỗ Văn Danh	50	6	4.890	
5	Hồ Thị Mến	84	6	6.120	
Khu vực 3				**45.950**	
1	Nguyễn Văn Xê	71	6	9.410	
2	Hồ Thị Lắm	73 A	6	4.400	
3	Huỳnh Hải Minh	1055	6	5.000	
4	Nguyễn Văn Sáu	72	6	9.760	
5	Nguyễn Thị Liên	72 A	6	5.860	
6	Nguyễn Văn Phước	152	6	3.750	
7	Cao Văn Niệm	66	6	7.770	
Khu vực 4				**23.705**	
1	Lê Văn Phúc	342	6	2.110	
		343	6	1.375	
2	Lê Thị Rang	475 A	6	2.320	
		476 B	6	2.030	
3	Từ Văn Hến	488	6	2.190	
4	Nguyễn Quốc Tiền	488 D	6	4.640	
5	Nguyễn Thị Bênh	478	6	2.400	
6	Lê Thị Tám	477	6	6.640	
Khu vực 5				**19.366**	
1	Nguyễn Thị Tiết	1619	56	2.780	
2	Nguyễn Văn Hoa	1542	56	2.000	
		1538	56	860	

		1541	56	1.369	
3	Nguyễn Thị Liên	100 A	6	2.320	
		102 B	6	2.250	
4	Huỳnh Văn Thêm	1543	56	4.918	
5	Trần Thị Oanh	106 A	6	2.870	
II	**Ấp Giồng Bèn**			**52.435**	
	Khu vực 1			**32.351**	
1	Trần Thanh Hải	1569	56	1.569	
2	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2457	56	1.418	
3	Nguyễn Thị Sách	1871	56	5.400	
4	Nguyễn Thị Lắm	1873	56	1.602	
5	Nguyễn Văn Cường	1390	7	5.780	
6	Nguyễn Thị Nga	1484	7	7.382	
		1575	7	4.890	
		2414	7	1.225	
7	Nguyễn Văn Điểm	2439	56	3.085	
	Khu vực 2			**20.084**	
1	Nguyễn Văn Phải	1475	56	4.831	
2	Nguyễn Văn Khởi	1492	56	1.166	
3	Nguyễn Văn Tuấn	1493	7	5.032	
4	Nguyễn Văn Giỏi	1593	56	2.394	
5	Nguyễn Thế Nghĩa	1401	7	1.392	
		1474	56	2.400	
		1474	56	2.870	
III	**Ấp Giồng Mới**			**18.100**	
1	Huỳnh Văn Khương	153	9	6.490	
2	Huỳnh Văn Điểm	222 A	9	1.460	
3	Huỳnh Văn Tám	324	9	1.580	
		156	9	5.470	
		150	9	3.100	

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3211 /UBND-KT V/v phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp của Cơ sở Phạm Thị Hồng Như, ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long	*Càng Long, ngày 30 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi:
- Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND xã Huyền Hội.

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động cải tạo đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 30/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về Hướng dẫn lập phương án vận chuyển đất, cát dôi dư sau khi thực hiện cải tạo đất nông nghiệp, hạ độ cao bờ kênh, bãi chứa bùn và các thủ tục về môi trường có liên quan;

Căn cứ Hướng dẫn số 129/SNN-BVTV ngày 25/01/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Trà Vinh về Hướng dẫn lập phương án, quy trình kỹ thuật cải tạo đất nông nghiệp theo Chỉ thị số 13/CT-UBND;

Căn cứ Công văn số 2560/UBND-NN ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về chấp thuận chủ trương cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội;

Xét Tờ trình số 68/TTr-NN ngày 26/10/2023 của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xin phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp của Cơ sở Phạm Thị Hồng Như, ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

- Chấp thuận phê duyệt phương án cải tạo đất nông nghiệp của Cơ sở Phạm Thị Hồng Như, ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, với các nội dung chính như sau:

1/. Tên phương án: Cải tạo, hạ độ cao 18.506 m^2 đất trồng lúa của 05 hộ dân tại ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long.

2/. Chủ phương án: Cơ sở Phạm Thị Hồng Như, ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long.

3/. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ phương án.

4/. Mục tiêu phương án:

Khu đất sau khi thực hiện cải tạo không những mang lại hiệu quả kinh tế tài chính cho Chủ phương án mà còn đem lại hiệu quả kinh tế cho người trực tiếp sản xuất lúa tại khu vực này đó là tạo sự đồng đều giữa các thửa ruộng với nhau, giúp lúa sản xuất đạt được năng suất và lợi nhuận cao.

Việc tận dụng phần đất dôi dư ra sau khi cải tạo góp phần đáp ứng nhu cầu san lấp mặt bằng cho một số công trình và nhu cầu san lấp của người dân trong khu vực. Ngoài ra, Chủ phương án cũng thực hiện đầy đủ chế độ nộp thuế theo đúng quy định góp phần tạo thêm nguồn thu cho ngân sách địa phương và tạo công ăn việc làm cho lao động nhàn rỗi tại chỗ, góp phần tăng thu nhập kinh tế hộ gia đình, cải thiện và nâng cao đời sống...

5/. Qui mô phương án:

- Cải tạo đất, hạ độ cao mặt ruộng để phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 05 hộ dân của ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích cải tạo là 18.506 m^2 *(khu vực 5, ấp Trà On, xã Huyền Hội theo Công văn số 2560/UBND-NN ngày 31 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Càng Long)*, gồm 7 thửa: Số 1619, 1542, 1541, 1543, tờ bản đồ số 56 và thửa số: 100A, 102B, 106A, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Trà On, xã Huyền Hội.

- Độ cao đất cần hạ: 0,2m (không phẩy hai mét).

- Khối lượng đất cần lấy đi: 2.900 m^3.

- Phương án cải tạo: Thực hiện cải tạo, hạ độ cao đất mặt ruộng theo phương thức hoàn thổ, bốc tách lớp đất mặt (tầng canh tác) khoảng 20-25 cm để sang một bên, sau đó lấy lớp đất phía dưới 20 cm và trãi lớp đất mặt trở lại, san bằng mặt ruộng.

6/. Địa điểm thực hiện: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

7/. Thời gian thực hiện: 06 tháng, từ tháng 11/2023 đến tháng 05/2024.

Giao Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Huyền Hội theo dõi việc thực hiện Phương án hạ độ cao mặt ruộng đồng bộ đảm bảo nước tưới tiêu chủ động để không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Đồng thời thường xuyên phối hợp với UBND xã Huyền Hội tổ chức kiểm tra xử lý vi phạm theo quy định (nếu có)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.HU; TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Cơ sở Phạm Thị Hồng Như;
- Lưu: VT, Điền.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Triều

UBND HUYỆN CÀNG LONG
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Số: 58B8003284

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 11 năm 2020
Đăng ký thay đổi lần thứ 01, ngày 31 tháng 5 năm 2023

1. Tên hộ kinh doanh: PHẠM THỊ HỒNG NHƯ

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0984927601 Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (46639). Xây dựng nhà không để ở (41020). Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại (31002).

Chi tiết: San lấp mặt bằng. Thi công xây dựng nhà tiền chế. Sản xuất, gia công, mua bán tủ nhôm, sắt.

4. Vốn kinh doanh: 40.000.000 đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh

Họ và tên: PHẠM THỊ HỒNG NHƯ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/05/1975 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước công dân.

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 084175001753

Ngày cấp: 22/04/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

7. Danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh: *(Chỉ ghi trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh)*

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc	Địa chỉ thường trú	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Ghi chú

*** Lưu ý:** Hộ kinh doanh phải thực hiện đăng ký khai báo thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD (TT 105/2020/BTC) và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH
H. CÀNG LONG - T. TRÀ VINH

Đặng Minh Tuân

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2100667739

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 05 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khóm 5, Thị Trấn Càng Long, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
Điện thoại: *0913.638137* Fax:
Email: Website:

3. Vốn điều lệ 500.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN VĂN LÙNG Giới tính: *Nam*
Sinh ngày: *1956* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *334340222*
Ngày cấp: *23/07/2018* Nơi cấp: *CA tỉnh Trà Vinh*
Địa chỉ thường trú: *Ấp Sóc, Xã Huyền Hội, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Ấp Sóc, Xã Huyền Hội, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Được quét bằng CamScanner

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LÙNG Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *1956* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *334340222*

Ngày cấp: *23/07/2018* Nơi cấp: *CA tỉnh Trà Vinh*

Địa chỉ thường trú: *Ấp Sóc, Xã Huyền Hội, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Sóc, Xã Huyền Hội, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số 2348 Quyển 01
Ngày 29 tháng 6 năm 2021
TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HÒA X.H.C N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
H. CÀNG LONG - T. TRÀ VINH

Nguyễn Văn Em

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TRÀ VINH

Lê Thanh Tuấn

Được quét bằng CamScanner

Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép:

1. Chỉ được thực hiện các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trong phạm vi cho phép của giấy phép này.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ, quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Nghiêm cấm cho tổ chức khác thuê, mượn hoặc sử dụng giấy phép này để hoạt động đo đạc và bản đồ.

4. Nghiêm cấm tẩy xóa, sửa chữa giấy phép.

5. Xuất trình giấy phép khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP

HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

SỐ: 01056

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ SỐ: 01056

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG**

Địa chỉ trụ sở chính: khóm 5, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0913638137.

Email: bethanh6868@gmail.com.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

Mã số doanh nghiệp: 2100667739.

Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh.

Cấp phép nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ:

1. Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình chuyên ngành tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000.
2. Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính.
3. Đo đạc, thành lập bản đồ công trình.

Thời hạn của Giấy phép: Có giá trị đến ngày 04 tháng 11 năm 2026.

Phạm vi hoạt động của Giấy phép: Trong cả nước.

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2021

CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ VIỆT NAM
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Hoàng Ngọc Lâm

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

S6H 987766

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Càng Long

CHỨNG NHẬN

Bà Nguyễn Thị Ổ, Sinh năm 1935
Thường trú: ấp Trà Ôn - Xã Huyền Hội - Huyện Càng Long

Được quyền sử dụng 5.610 m^2 đất.

Tại: Xã Huyền Hội
Huyện Càng Long
Tỉnh Trà Vinh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
6	105B	5.610	Trồng lúa	ổn định	
56	1543	491719			
					Xây dựng bản đồ địa chính chính quy sẽ được kiểm đạc lại diện tích đất
					1018 1 2015

Ngày 9 tháng 5 năm 1996
Q Chủ tịch UBND HUYỆN

Dương Văn Hồng

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số ..... QSDĐ/ 146 QĐ/UBH

7686

7092

5

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
12/6/07	Ông Huỳnh Văn Thêm, sinh năm 1970, CMND số 334020656, cấp ngày 29/4/1994, tại Công An Trà Vinh, thường trú tại ấp Trà Ôn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh nhận tặng cho theo hợp đồng số 44, ngày 04/7/2007.	VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Trương Văn Nhỉ

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Kèm theo trang bổ sung GCN số 01

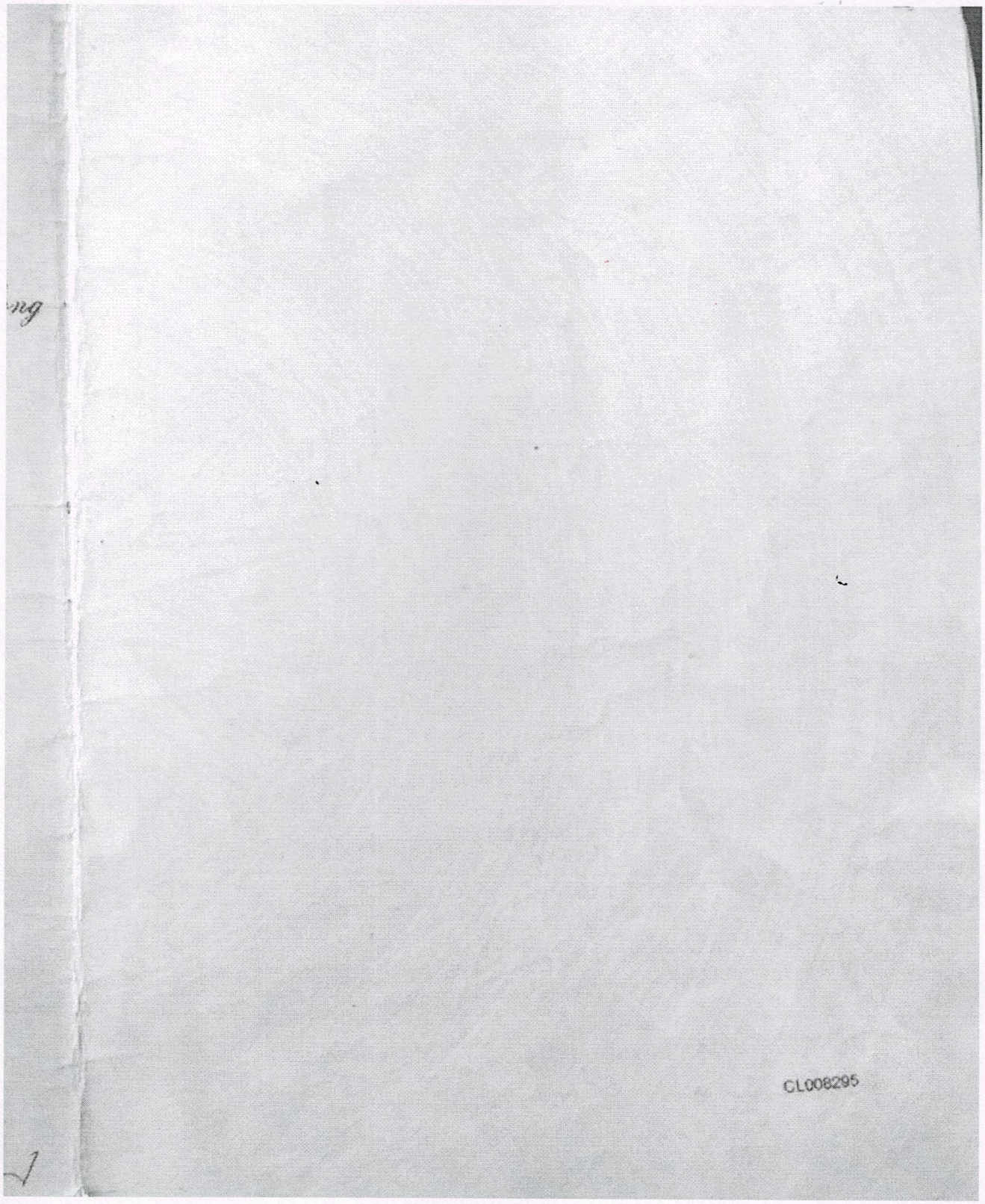
CL008295

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
21/8/2004	Nội dung sửa năm 1994, nay điều chỉnh năm 1995, theo giấy cấp số AI 23.467304 cấp ngày 11/8/2004 của Sở địa chính nhà đất TP Hồ Chí Minh	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Minh Tú
23/7/2020	Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 07/05/2069	

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SGP 1360[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Càng Long

CHỨNG NHẬN

Nguyễn Thị Tiết, Sinh năm 1954

Ở quán: ấp Trà On - Xã Huyền Hội - Huyện Càng Long

Được quyền sử dụng (2.780) m^2 đất.

Tại: Xã Huyền Hội
Huyện Càng Long
Tỉnh Trà Vinh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
6	105A	2.780	Lúa	07/05/2019	
					Xây dựng bản đồ địa chính chính quy sẽ được kiểm đạc lại diện tích đất

Ngày 07 tháng 5 năm 1999

KT. Chủ tịch UBND HUYỆN
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảnh

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số 127 QSDĐ/QĐUBH

CL008368

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
		KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
03/5/2018	Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 08/5/2066	Nguyễn Minh Trí

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN CẦN GIỜ

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

kèm theo giấy CNQSD đất Trang 15 Sổ 80 Cn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Càng Long

CHỨNG NHẬN

Hộ bà: Nguyễn Thị Liên, Sinh năm 1971
Trú quán: ấp Trà Ôn - Xã Huyền Hội - Huyện Càng Long

Được quyền sử dụng (2250) m^2 đất.

Tại: *Xã Huyền Hội*
Huyện Càng Long
Tỉnh Trà Vinh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
6	102B	2250	Lúa	06/05/2016	
56	1673	2194			
					Xây dựng bản đồ địa chính chính quí sẽ được kiểm đạc lại diện tích đất

16/9/2015

Ngày 21 tháng 5 năm 2002

KT. Chủ tịch UBND HUYỆN
PHÓ CHỦ TỊCH

Chiếu Văn Dang

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số ..... QSDĐ/ 22/QĐ-2002

3425 2253

CL008242

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

29302100001 16

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Hộ đất: NGUYỄN THỊ LIÊN

Năm sinh 1971, CMND số: 334071591

Địa chỉ thường trú: ấp Trà Ôn, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

BB 879118

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 100A tờ bản đồ số: 06

b) Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

c) Diện tích: 2320 m^2, (bằng chữ: Hai nghìn ba trăm hai mươi mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng 2320 m^2, chung Không

đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 07/05/2019

g) Nguồn gốc sử dụng:
Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:
Số hiệu và diện tích thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính

Càng Long, ngày 29 tháng 04 năm 2010

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Khâm

Số vào sổ cấp GCN: CH00185

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

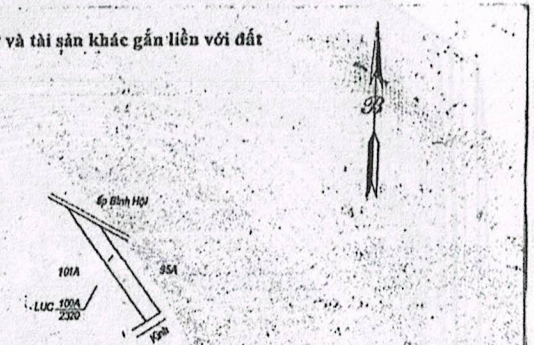

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Tiếp tục sử dụng đất đến ngày 07/05/2069	13/5/2020 KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Minh Trí
Người sử dụng đất thay đổi từ CMND số 334071591 thành CCCD số 084171013215; theo hồ sơ số 002752.DT.005	16/5/2023 Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Càng Long KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Đặng Thanh Thảo

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

29302110000802

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: TRẦN THỊ OANH

Năm sinh: **1982,** CMND số: **334498727**

Địa chỉ : ấp Rạch Mát, xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

BE 296121

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 106/ tờ bản đồ số: 6

b) Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

c) Diện tích: 2870,0 m^2 (bằng chữ: Hai nghìn tám trăm bảy mươi phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng: 2870,0 m^2; chung: không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước

e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 07/05/2019

g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Số hiệu và diện tích thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính

Càng Long, ngày 11 tháng 07 năm 2011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thung Thắng

Số vào sổ cấp GCN: CH00743

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

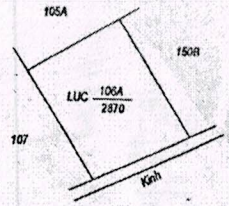

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
06/5/2020	Chuyển nhượng cho Ông NGUYỄN VĂN HOA, Sinh năm: 1964, CMND số: 334028126, địa chỉ tại ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; theo hồ sơ số 012200.CN.003	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Đặng Thanh Thảo

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số H 775044

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Càng Long

CHỨNG NHẬN

Hộ Nguyễn Văn Chính Sinh năm 1958
Trú quán: ấp Trà On - Xã Huyền Hội - Huyện Càng Long

Được quyền sử dụng 1.200 m^2 đất.

Tại: Xã Huyền Hội
Huyện Càng Long
Tỉnh Trà Vinh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
6	102C	1.200	Trồng lúa	ổn định	
					Xây dựng bản đồ địa chính chính quy sẽ được kiểm đạc lại diện tích đất

Ngày 8 tháng 5 năm 1996
Chủ tịch UBND HUYỆN

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số ..... QSDĐ/ 146 QĐUBH

Dương Văn Rèn

CL008151

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
12/01/2021	Người sử dụng đất thay đổi địa chỉ thường trú từ ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện càng Long, thành ấp Lò Ngò, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số: 014549.DT.001	GIÁM ĐỐC Huỳnh Bửu Hòa
12/01/2021	Chuyển nhượng cho Ông NGUYỄN VĂN HOA Sinh năm: 1964, CMND số: 334028126, địa chỉ tại : ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh; theo hồ sơ số 014549.CN.002	GIÁM ĐỐC Huỳnh Bửu Hòa

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số H 654654

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Càng Long

CHỨNG NHẬN

Hộ Phan Thị Thanh Tuyền, Sinh năm 1969
Trú quán: ấp Trà On - Xã Huyền Hội - Huyện Càng Long

Được quyền sử dụng 2.000 m^2 đất.

Tại: Xã Huyền Hội
Huyện Càng Long
Tỉnh Trà Vinh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
6	104B	2.000	Trồng lúa	ổn định	
56	1542				
					Xây dựng bản đồ địa chính chính quy sẽ được kiểm đạc lại diện tích đất

Ngày 8 tháng 5 năm 1996
Chủ tịch UBND HUYỆN

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số ..... QSDĐ/ 1460/QĐUBH

Dương Văn Hòa

CL008364

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
06/04/2015	Nội dung hộ ông Trần Văn Bão nay đính chính lại thành hộ ông Trần Văn Bảo theo CMND số: 334656337 cấp ngày 02/08/2007 và theo biên bản thẩm tra của Văn phòng đăng ký QSD đất ngày 06/04/2015.	KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH Châu Văn Hòa

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.

2- Khi có thay đổi về hình thể, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT H. CÀNG LONG - T. TRÀ VINH

CÀNG LONG PHÓ VĂN HÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số: H 775031

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Huyện Càng Long

CHỨNG NHẬN

Hộ Trần Văn Bảo Sinh năm 1959
Trú quán: ấp Trà Ôn - Xã Huyền Hội - Huyện Càng Long
Được quyền sử dụng 2.280 m^2 đất.

Tại: Xã Huyền Hội
Huyện Càng Long
Tỉnh Trà Vinh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
6	654	2.280	Trồng lúa	ổn định	Xây dựng bản đồ địa chính chính quy sẽ được kiểm đạc lại diện tích đất

Ngày 8 tháng 5 năm 1996
Chủ tịch UBND HUYỆN

Dương Văn Rèn

Vào sổ cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số .....QSDĐ/ 146 QĐUBH

CL008149

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẢI TẠO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Hôm nay vào lúc.....giờ, ngày..4..tháng..5..năm 2023 tại ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN A: BÊN MUA ĐẤT CẢI TẠO:

Hộ kinh doanh: Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

BÊN B: BÊN BÁN ĐẤT CẢI TẠO :

Ông (bà): ..Nguyễn...Thị...Liên.....

Địa chỉ: ..ấp..Trà..On...xã..Huyền..Hội:..huyện..Càng..Long..-..TV.....

Nội dung hợp đồng: Bán đất cải tạo với số tiền là.....7..000..000..đ.....

..(Bảy..Triệu..đồng..chẵn)..... trên 1000m^2, độ sâu là.....2.....tất. Khi vào lấy đất bên B phải bỏ một vụ, nếu vụ sau làm không kịp trả đất thì phải thường vụ là 2.000.000đ/1.000m^2 (hai triệu đồng trên một ngàn mét vuông).

Quy cách lấy đất: Gạt bỏ lớp đất mặt 2 tất bỏ qua một bên rồi lấy đất sét đi.....2....tất xong phả lại cho bằng trả đất lại cho chủ ruộng.

Qua thỏa thuận hai bên thống nhất theo hợp đồng nên trên, nếu bên nào làm sai hợp đồng thì phải bồi thường tổn thất về mọi chi phí như: giấy tờ, xe cộ, đường xá cho bên thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hôm nay ngày....4...tháng...5....năm 2023, ông (bà)....Nguyễn...Thị...Liên.. có nhận trước tiền cọc là....5..000..000....đ.....(..năm...triệu...đồng..)..... khi nào xe vô làm sẽ chòng phần tiền còn lại.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký, và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A	**Đại diện bên B**
Phạm Thị Hồng Như	Liên Nguyễn..Thị..Liên

Người chứng kiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẢI TẠO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Hôm nay vào lúc.....giờ, ngày..4...tháng..5..năm 2023 tại ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN A: BÊN MUA ĐẤT CẢI TẠO:

Hộ kinh doanh: Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

BÊN B: BÊN BÁN ĐẤT CẢI TẠO :

Ông (bà): Trần Thị Oanh.....

Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, H. Càng Long, T.V.....

Nội dung hợp đồng: Bán đất cải tạo với số tiền là....(Bảy Triệu.....

.....đồng)..... trên 1000m^2, độ sâu là.....02...tất. Khi vào lấy đất bên B phải bỏ một vụ, nếu vụ sau làm không kịp trả đất thì phải thường vụ là 2.000.000đ/1.000m^2 (hai triệu đồng trên một ngàn mét vuông).

Quy cách lấy đất: Gạt bỏ lớp đất mặt 2 tất bỏ qua một bên rồi lấy đất sét đi.....02....tất xong phả lại cho bằng trả đất lại cho chủ ruộng.

Qua thỏa thuận hai bên thống nhất theo hợp đồng nên trên, nếu bên nào làm sai hợp đồng thì phải bồi thường tổn thất về mọi chi phí như: giấy tờ, xe cộ, đường xá cho bên thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hôm nay ngày...4....tháng..5.....năm 2023, ông (bà)...Trần Thị Oanh. có nhận trước tiền cọc là.....1.500.000đ...(Một Triệu Năm Trăm Ngàn Đồng). khi nào xe vô làm sẽ chòng phần tiền còn lại.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký, và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A	**Đại diện bên B**
Phạm Thị Hồng Như	Oanh Trần Thị Oanh

Người chứng kiến

Trần Văn Hay

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẢI TẠO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Hôm nay vào lúc.....giờ, ngày..4...tháng..5..năm 2023 tại ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN A: BÊN MUA ĐẤT CẢI TẠO:

Hộ kinh doanh: Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

BÊN B: BÊN BÁN ĐẤT CẢI TẠO :

Ông (bà): ...Huỳnh...Văn...Thêm.....

Địa chỉ: ...Ấp...Trà...On...Xã...Huyền...Hội...Càng...Long...Trà...Vinh.....

Nội dung hợp đồng: Bán đất cải tạo với số tiền là..(Hai...trăm...triệu)..... ...(Bảy...triệu...đồng)..... trên 1000m^2, độ sâu là.....02...tất. Khi vào lấy đất bên B phải bỏ một vụ, nếu vụ sau làm không kịp trả đất thì phải thường vụ là 2.000.000đ/1.000m^2 (hai triệu đồng trên một ngàn mét vuông).

Quy cách lấy đất: Gạt bỏ lớp đất mặt 2 tất bỏ qua một bên rồi lấy đất sét đi.....07..tất xong phả lại cho bằng trả đất lại cho chủ ruộng.

Qua thỏa thuận hai bên thống nhất theo hợp đồng nên trên, nếu bên nào làm sai hợp đồng thì phải bồi thường tổn thất về mọi chi phí như: giấy tờ, xe cộ, đường xá cho bên thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hôm nay ngày....4...tháng..5....năm 2023, ông (bà)..Huỳnh..Văn..Thêm. có nhận trước tiền cọc là..(Hai...trăm...triệu...đồng...chẵn...) khi nào xe vô làm sẽ chòng phần tiền còn lại.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký, và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A	**Đại diện bên B**
Phạm Thị Hồng Như	Huỳnh..Văn..Thêm

Người chứng kiến

Trần Văn Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẢI TẠO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Hôm nay vào lúc.....giờ, ngày.4...tháng.5...năm 2023 tại ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN A: BÊN MUA ĐẤT CẢI TẠO:

Hộ kinh doanh: Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

BÊN B: BÊN BÁN ĐẤT CẢI TẠO :

Ông (bà): Nguyễn Văn Hoa.....

Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, C.L, T.V.....

Nội dung hợp đồng: Bán đất cải tạo với số tiền là..7.000.000đ.....

..(bảy triệu đồng..... trên 1000m^2, độ sâu là...02.....tất. Khi vào lấy đất bên B phải bỏ một vụ, nếu vụ sau làm không kịp trả đất thì phải thường vụ là 2.000.000đ/1.000m^2 (hai triệu đồng trên một ngàn mét vuông).

Quy cách lấy đất: Gạt bỏ lớp đất mặt 2 tất bỏ qua một bên rồi lấy đất sét đi....02.....tất xong phả lại cho bằng trả đất lại cho chủ ruộng.

Qua thỏa thuận hai bên thống nhất theo hợp đồng nên trên, nếu bên nào làm sai hợp đồng thì phải bồi thường tổn thất về mọi chi phí như: giấy tờ, xe cộ, đường xá cho bên thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hôm nay ngày...4.....tháng.5.....năm 2023, ông (bà).Nguyễn Văn Hoa có nhận trước tiền cọc là..1.500.000đ.....(một triệu năm trăm nghìn.) khi nào xe vô làm sẽ chòng phần tiền còn lại.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký, và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A	**Đại diện bên B**
Phạm Thị Hồng Như	Nguyễn Văn Hoa

Người chứng kiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CẢI TẠO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Hôm nay vào lúc.....giờ, ngày..4...tháng.5...năm 2023 tại ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN A: BÊN MUA ĐẤT CẢI TẠO:

Hộ kinh doanh: Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

BÊN B: BÊN BÁN ĐẤT CẢI TẠO :

Ông (bà): Nguyễn Thị Tiết

Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, Càng Long, T.V

Nội dung hợp đồng: Bán đất cải tạo với số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng) trên 1000m^2, độ sâu là 02 tất. Khi vào lấy đất bên B phải bỏ một vụ, nếu vụ sau làm không kịp trả đất thì phải thường vụ là 2.000.000đ/1.000m^2 (hai triệu đồng trên một ngàn mét vuông).

Quy cách lấy đất: Gạt bỏ lớp đất mặt 2 tất bỏ qua một bên rồi lấy đất sét đi 02 tất xong phả lại cho bằng trả đất lại cho chủ ruộng.

Qua thỏa thuận hai bên thống nhất theo hợp đồng nên trên, nếu bên nào làm sai hợp đồng thì phải bồi thường tổn thất về mọi chi phí như: giấy tờ, xe cộ, đường xá cho bên thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hôm nay ngày 4 tháng 5 năm 2023, ông (bà) Nguyễn Thị Tiết có nhận trước tiền cọc là 2.000.000đ (hai triệu đồng) khi nào xe vô làm sẽ chòng phần tiền còn lại.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký, và được lập thành 02 bản có giá trị như nhau.

Đại diện bên A	**Đại diện bên B**
Phạm Thị Hồng Như	Tiết Nguyễn Thị Tiết

Người chứng kiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Huyền Hội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số:02/HĐ-PTHN

Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ (gọi tắt là Bên A):

Đại diện: (Bà) Nguyễn Thị A

Sinh năm: 1979

CCCD số : ..084179012242..... Ngày cấp: 10./08./..2021....

Nơi cấp: ..Cục...cảnh...sát...quản...lý...hành...chính...về...trật...tự...xã...hội...

Địa chỉ thường trú: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN THUÊ (gọi tắt là Bên B): Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ trụ sở: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện: (Bà) Phạm Thị Hồng Như Chức vụ: Chủ cơ sở

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên A chi tiết như sau:

- Thông tin quyền sử dụng đất

+ Thửa đất số 3022 tờ bản đồ số 56

+ Diện tích thuê: 1.000,6 m^2

+ Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

ĐIỀU 2. THỜI HẠN CHO THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là từ tháng 11/2023 đến hết tháng 5/2024, kể từ ngày hợp đồng này được chứng nhận.

ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Để hoạt động kinh Hộ kinh doanh phạm Thị Hồng Như làm tuyến dường vận chuyển thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội", đến khu đất tập kết của

dự án đảm bảo giảm thiểu các tác động từ các phương tiện vận chuyển đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của các hộ dân lân cận.

ĐIỀU 4. GIÁ THUÊ NHÀ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

4.2. Phương thức thanh toán như sau: Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt và được thanh toán 01 lần khi bên B thực hiện hoàn thành Dự án.

4.3. Việc giao và nhận số tiền do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật

ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao quyền sử dụng đất cho bên B theo đúng ngày Hợp đồng có giá trị và đảm bảo cho bên B được sử dụng đất trọn vẹn và riêng rẽ trong thời gian thuê.

- Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;

- Nộp thuế sử dụng đất;

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.

Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

ĐIỀU 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;

- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;

- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thoả thuận;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;

Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận;

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;

- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7. VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

7.1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

7.2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 8. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì khởi kiện đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

9.1. Bên A cam đoan

9.1.1 Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.

9.1.2 Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

9.1.3 Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

9.1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

9.2. Bên B cam đoan

9.2.1 Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

9.2.2 Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

9.2.3 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.2.4 Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, và xác định đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Hợp đồng này gồm 02 bản chính, mỗi bên lưu 01 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau.

BÊN A	BÊN B
NGUYỄN THỊ A	PHẠM THỊ HỒNG NHƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Huyền Hội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số:01/HĐ-PTHN

Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ (gọi tắt là Bên A):

Đại diện: (Ông/bà) Nguyễn Út Anh

Sinh năm: ..1982.....

CCCD số : 084082008095 Ngày cấp: 10/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN THUÊ (gọi tắt là Bên B): Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ trụ sở: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện: (Bà) Phạm Thị Hồng Như Chức vụ: Chủ cơ sở

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên A chi tiết như sau:

- Thông tin quyền sử dụng đất

+ Thửa đất số 2846 tờ bản đồ số 56

+ Diện tích thuê: 3.613,3 m^2

+ Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

ĐIỀU 2. THỜI HẠN CHO THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là từ tháng 11/2023 đến hết tháng 5/2024, kể từ ngày hợp đồng này được chứng nhận.

ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Để hoạt động kinh Hộ kinh doanh phạm Thị Hồng Như làm tuyến dường vận chuyển thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội", đến khu đất tập kết của

dự án đảm bảo giảm thiểu các tác động từ các phương tiện vận chuyển đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của các hộ dân lân cận.

ĐIỀU 4. GIÁ THUÊ NHÀ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

4.2. Phương thức thanh toán như sau: Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt và được thanh toán 01 lần khi bên B thực hiện hoàn thành Dự án.

4.3. Việc giao và nhận số tiền do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật

ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao quyền sử dụng đất cho bên B theo đúng ngày Hợp đồng có giá trị và đảm bảo cho bên B được sử dụng đất trọn vẹn và riêng rẽ trong thời gian thuê.

- Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;

- Nộp thuế sử dụng đất;

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.

Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

ĐIỀU 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;

- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;

- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thoả thuận;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;

Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận;

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;

- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7. VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

7.1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

7.2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 8. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì khởi kiện đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

9.1. Bên A cam đoan

9.1.1 Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.

9.1.2 Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

9.1.3 Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

9.1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

9.2. Bên B cam đoan

9.2.1 Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

9.2.2 Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

9.2.3 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.2.4 Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, và xác định đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Hợp đồng này gồm 02 bản chính, mỗi bên lưu 01 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau.

BÊN A	BÊN B
NGUYỄN ÚT ANH	PHẠM THỊ HỒNG NHƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Huyền Hội, ngày 03 tháng 10 năm 2023

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số:03/HĐ-PTHN

Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO THUÊ (gọi tắt là Bên A):

Đại diện: (Bà) Nguyễn Thị Ánh

Sinh năm: 1950

CCCD số : 084150003822 Ngày cấp: 10./.08./..2021.....

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

BÊN THUÊ (gọi tắt là Bên B): Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như

Địa chỉ trụ sở: ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện: (Bà) Phạm Thị Hồng Như Chức vụ: Chủ cơ sở

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Bên A chi tiết như sau:

- Thông tin quyền sử dụng đất

+ Thửa đất số 2845 tờ bản đồ số 56

+ Diện tích thuê: 2.824,5 m^2

+ Địa chỉ: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

ĐIỀU 2. THỜI HẠN CHO THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là từ tháng 11/2023 đến hết tháng 5/2024, kể từ ngày hợp đồng này được chứng nhận.

ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Để hoạt động kinh Hộ kinh doanh phạm Thị Hồng Như làm tuyến dường vận chuyển thực hiện "Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại Khu vực 5, thuộc Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội", đến khu đất tập kết của

dự án đảm bảo giảm thiểu các tác động từ các phương tiện vận chuyển đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của các hộ dân lân cận.

ĐIỀU 4. GIÁ THUÊ NHÀ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

4.2. Phương thức thanh toán như sau: Bên B thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt và được thanh toán 01 lần khi bên B thực hiện hoàn thành Dự án.

4.3. Việc giao và nhận số tiền do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật

ĐIỀU 5. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao quyền sử dụng đất cho bên B theo đúng ngày Hợp đồng có giá trị và đảm bảo cho bên B được sử dụng đất trọn vẹn và riêng rẽ trong thời gian thuê.

- Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất.

- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;

- Nộp thuế sử dụng đất;

- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất, nếu có.

Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;

ĐIỀU 6. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;

- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;

- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thoả thuận;

- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;

Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thoả thuận;

- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận;

- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7. VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

7.1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên B chịu trách nhiệm thực hiện.

7.2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do Bên B chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 8. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết; trong trường hợp không tự giải quyết được, cần phải thực hiện bằng cách hòa giải; nếu hòa giải không thành thì khởi kiện đưa ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

9.1. Bên A cam đoan

9.1.1 Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật.

9.1.2 Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

9.1.3 Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

9.1.4 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.1.5 Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

9.2. Bên B cam đoan

9.2.1 Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

9.2.2 Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

9.2.3 Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

9.2.4 Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, và xác định đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này.

Hợp đồng này gồm 02 bản chính, mỗi bên lưu 01 bản và có giá trị pháp lý ngang nhau.

BÊN A	BÊN B
anh	
NGUYỄN THỊ ÁNH	PHẠM THỊ HỒNG NHƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT LÀM ĐƯỜNG XE CHẠY VÀ NỀN DỰA ĐẤT

Bên cho thuê (sau đây gọi là bên A):
Ông: **Trần Văn Bảo** Sinh năm 1959
CCCD số: 084059004866 Cấp ngày: 10/08/2021 tại Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Cư ngụ tại: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
Bên thuê (sau đây gọi là bên B):
Hộ kinh doanh: Phạm Thị Hồng Như
Đại diện: Bà Phạm Thị Hồng Như
Địa chỉ: Ấp 7A, xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê quyền sử dụng đất với đất theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H 775039 (2) cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 654;
- Tờ bản đồ số: 6;
- Địa chỉ thửa đất: ấp Trà On, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh
- Diện tích: 2280m^2 (bằng chữ: Hai ngàn hai trăm tám mươi mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: LUC
- Thời hạn sử dụng: Ổn định
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận QSDĐ.

Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):.....

ĐIỀU 2
THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Không xác định thời hạn (kể từ ngày 01/9/2023)

Bảo

ĐIỀU 3
MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: Làm đường xe chạy và nền dựa đất.

ĐIỀU 4
GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: 30.000.000đ/năm (bằng chữ: Ba mươi triệu đồng một năm).
Vào ngày 20/9/2023 bên B đưa trước cho bên A là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), số tiền còn lại đến tháng
2. Phương thức thanh toán như sau: Một năm thanh toán một lần
3. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
- Giao thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm: kể từ ngày 01/9/2023
- Kiểm tra nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
- Nộp thuế sử dụng đất;
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất nếu có;
2. Bên A có các quyền sau đây:
- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; Nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;
- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

ĐIỀU 6
NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị của đất;
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận;
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;
- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản.
- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;
2. Bên B có các quyền sau đây:
- Yêu cầu bên A giao thửa đất đúng như đã thỏa thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận;

- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 7
VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký cho thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc thuê quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên..... chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan.

1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết hợp đồng này;

a) Thửa đất không có tranh chấp;

b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án;

1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU.....(10)

Bên A: Nếu muốn chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo cho bên B trước 03 tháng. Nếu không thỏa thuận sẽ đền bù gấp đôi.

Bên B: Chấm dứt hợp trả lại thửa đất nguyên trạng ban đầu.

Bên A cam kết nếu làm có lời thì năm sau tăng thêm 3.000.000đ (ba triệu đồng) và hỗ trợ nền thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Bên B cam kết trường hợp bên A có nhu cầu xài điện thì bên B phải hỗ trợ.

Bảo

ĐIỀU.....
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A	**Bên B**
(Ký và ghi rõ họ tên)(11)	*(Ký và ghi rõ họ tên)(11)*
Trần Văn Bảo	Phạm Thị Hồng Như

PCF ENVIRONMENT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/10/2023 *Số: 10.23.1209 - 1*

1. Khách hàng: **HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ HỒNG NHƯ**
2. Địa điểm lấy mẫu: **DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO TẠI KHU VỰC 5, THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP XÃ HUYỀN HỘI**
Ấp Trà on, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/9/2023 Ngày trả kết quả: 18/10/2023
4. Loại mẫu: Vi khí hậu Số lượng: 02
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2909.ATO.KK01	Tại khu vực thực hiện cải tạo, hạ độ cao của dự án
2909.ATO.KK02	Tại khu vực bãi tập kết đất của dự án

6. Phương pháp quan trắc:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878 – 2:2018

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số
	Tiếng ồn (dBA)
2909.ATO.KK01	61,4
2909.ATO.KK02	57,9
QCVN 26:2010/BTNMT	*<70*

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
- *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
- *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
- *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
- *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Đinh Bảo Tiến Lê Thị Ngọc Huyền

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com

VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/10/2023 ***Số: 10.23.1209 - 2***

1. Khách hàng: **HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ HỒNG NHƯ**
2. Địa điểm lấy mẫu: **DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO TẠI KHU VỰC 5, THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP XÃ HUYỀN HỘI**
   Ấp Trà on, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/9/2023 Ngày trả kết quả: 18/10/2023
4. Loại mẫu: Không khí Số lượng: 2
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2909.ATO.KK01	Tại khu vực thực hiện cải tạo, hạ độ cao của dự án
2909.ATO.KK02	Tại khu vực bãi tập kết đất của dự án

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/Nm^3	TCVN 5067:1995
2.	SO_2	mg/Nm^3	TCVN 5971:1995
3.	NO_2	mg/Nm^3	TCVN 6137:2009
4.	CO	mg/Nm^3	HD – CO

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số			
	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	(mg/Nm^3)			
2909.ATO.KK01	0,056	0,061	0,057	6,16
2909.ATO.KK02	0,070	0,064	0,060	6,13
QCVN 05:2023/BTNMT	***0,3***	***0,35***	***0,2***	***30***

Ghi chú:
- *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
- *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
- *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
- *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
- *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
- *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Đinh Bảo Tiến Lê Thị Ngọc Huyền

PCF ENVIRONMENT
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC
115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, KP4, P.Bình Hưng Hòa B, Bình Tân, HCM.
Điện thoại: 0938624566
Email: moitruongpacific.jsc@gmail.com Web:moitruongpacific.com
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0561 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 303

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 18/10/2023 *Số: 10.23.1209 - 3*

1. Khách hàng: **HỘ KINH DOANH PHẠM THỊ HỒNG NHƯ**
2. Địa điểm lấy mẫu: **DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO TẠI KHU VỰC 5, THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP XÃ HUYỀN HỘI**
   Ấp Trà on, xã Huyền Hội, huyện Càng Long, Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 29/9/2023 Ngày trả kết quả: 18/10/2023
4. Loại mẫu: Nước mặt Số lượng: 02
5. Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
2909.ATO. NM01	Tại kênh tiếp giáp với dự án (kênh V5 (kênh thủy lợi cấp II))	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 5994-1995 TCVN 6663-6:2018 TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong/2lít
2909.ATO. NM02	Tại rạch Đập sen, tiếp giáp với bãi tập kết của dự án, cách khu đất khoảng 100m theo hướng dòng chảy		Mẫu nước trong/2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	
				2909.ATO.NM01	2909.ATO.NM02
1.	pH(*)	--	TCVN 6492:2011	7,10	6,65
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	20,0	50,0
3.	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,52	6,59
4.	BOD_5	mgO_2/L	TCVN 6001-1:2008	5,10	5,50
5.	COD	mgO_2/L	SMEWW 5220C:2017	9,0	11,0
6.	$NH_4^{+(*)}$	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	0,10	0,15

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả	
				2909.ATO.NM01	2909.ATO.NM02
7.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	5.500	5.000

Ghi chú: – *Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.*
– *(*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.*
– *(**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.*
– *(a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *(b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.*
– *Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).*
– *KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).*

Phòng thử nghiệm **Giám đốc PACIFIC**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PACIFIC

Đinh Bảo Tiến

Lê Thị Ngọc Huyền

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 303

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Trụ sở chính:

Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số *1224* /QĐ-BTNMT ngày *08* tháng *6* năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Lê Thị Ngọc Huyền Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 079193012135 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày *08* tháng *6* năm 2022

Đến ngày *07* tháng *6* năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số
2. Khí		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 08 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 15 thông số	Đo tại hiện trường: 12 thông số
3. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Bùn thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số	

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	36 thông số
- Nước dưới đất:	33 thông số
- Nước biển:	22 thông số
- Nước thải:	32 thông số
2. Khí:	
- Không khí xung quanh:	07 thông số
- Khí thải:	12 thông số
3. Đất:	14 thông số
4. Trầm tích:	10 thông số
5. Bùn thải:	12 thông số
6. Chất thải rắn:	11 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Địa chỉ: Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường**
(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1224 /QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Số đăng ký: **303/TN-QTMT**.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1224 /QĐ-BTNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC"**, địa chỉ tại Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **303/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 303**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC 2
BẢN VẼ THIẾT KẾ

SƠ ĐỒ MẶT CẮT DỌC KHU ĐO

ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1623, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102B tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

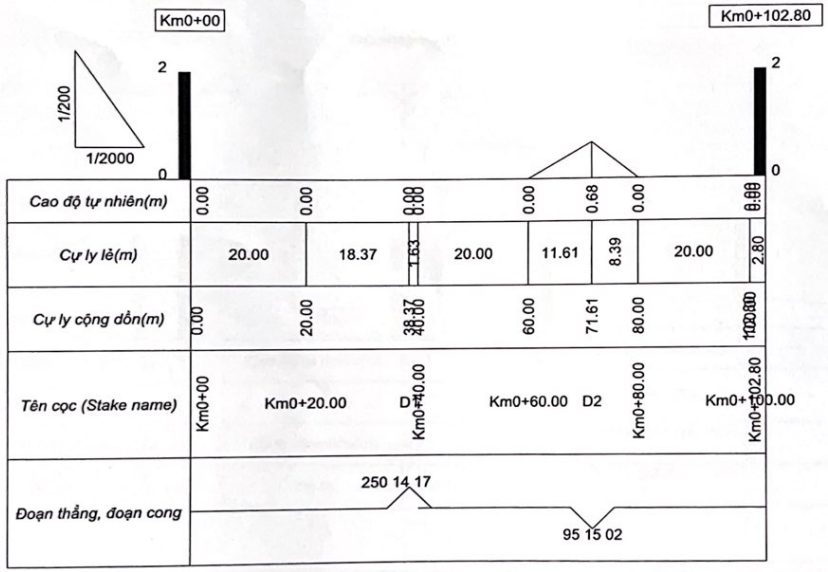

Trà Vinh, ngày.....06.....tháng...11...năm 2023

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn minh tâm

Chủ dự án

Hộ kinh doanh

Phạm Thị Hồng Như

Trà Vinh, ngày.....06.....tháng...11...năm 2023

Đơn vị đo đạc

Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội
Thửa 1623, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102B tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

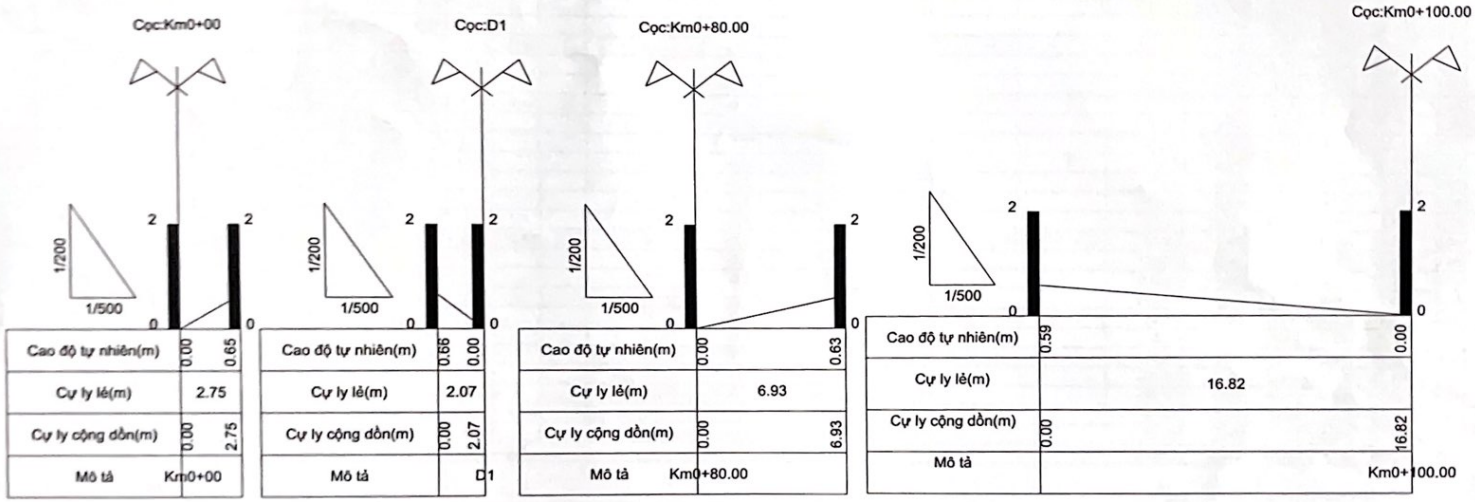

Trà Vinh, ngày....06.....tháng....11....năm 2023
Người thực hiện
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Minh Tâm

Chủ dự án
Hộ kinh doanh

Phạm Thị Hồng Như

Trà Vinh, ngày....06.....tháng....11.....năm 2023
Đơn vị đo đạc
Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

BẢNG TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP
Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội
Thửa 1623, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102B tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

STT	Ten O luoi	Dtn1	Dtn2	Dtn3	Dtn4	Dtn5	Dtn6	Dtk1	Dtk2	Dtk3	Dtk4	Dtk5	Dtk6	Dtk1-Dtn1	Dtk2-Dtn2	Dtk3-Dtn3	Dtk4-Dtn4	Dtk5-Dtn5	Dtk6-Dtn6	S dao	S dap	H dao	H dap	V dao	V dap	V boc HC
1	lien1	0,68	0,67	0,65	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,24	-0,23	-0,21	-0,22			127,42	0,00	0,23	0,00	28,67	0,00	0,00
2	lien2	0,66	0,64	0,66	0,65			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,22	-0,20	-0,22	-0,21			134,90	0,00	0,21	0,00	28,35	0,00	0,00
3	lien3	0,65	0,68	0,66				0,44	0,44	0,44				-0,21	-0,24	-0,22				58,23	0,00	0,22	0,00	13,07	0,00	0,00
4	lien4	0,68	0,68	0,67	0,67	0,66		0,44	0,44	0,44	0,44	0,44		-0,24	-0,24	-0,23	-0,23	-0,22		99,51	0,00	0,23	0,00	23,08	0,00	0,00
5	lien5	0,67	0,66	0,65	0,67			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,23	-0,22	-0,21	-0,23			100,00	0,00	0,22	0,00	22,16	0,00	0,00
6	lien6	0,66	0,64	0,66	0,65			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,22	-0,20	-0,22	-0,21			100,00	0,00	0,21	0,00	21,29	0,00	0,00
7	lien7	0,64	0,63	0,62	0,63	0,64		0,44	0,44	0,44	0,44	0,44		-0,20	-0,19	-0,18	-0,19	-0,20		72,46	0,00	0,19	0,00	13,73	0,00	0,00
8	lien8	0,64	0,65	0,65	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,20	-0,21	-0,21	-0,22			96,56	0,00	0,21	0,00	20,33	0,00	0,00
9	lien9	0,65	0,66	0,66	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,21	-0,22	-0,22	-0,22			100,00	0,00	0,22	0,00	21,75	0,00	0,00
10	lien10	0,66	0,67	0,66	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,22	-0,23	-0,22	-0,22			100,00	0,00	0,22	0,00	22,12	0,00	0,00
11	lien11	0,67	0,65	0,61	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,23	-0,21	-0,17	-0,22			100,00	0,00	0,21	0,00	20,60	0,00	0,00
12	lien12	0,63	0,61	0,65	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,19	-0,17	-0,21	-0,22			62,98	0,00	0,20	0,00	12,35	0,00	0,00
13	lien13	0,00	0,00	0,63	0,65			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,19	-0,21			18,41	18,71	0,10	0,22	1,81	4,12	0,00
14	lien14	0,63	0,63	0,64	0,66	0,64	0,65	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,19	-0,19	-0,20	-0,22	-0,20	-0,21	95,83	0,00	0,20	0,00	19,28	0,00	0,00
15	lien15	0,66	0,66	0,66	0,64			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,22	-0,22	-0,22	-0,20			100,00	0,00	0,21	0,00	21,45	0,00	0,00
16	lien16	0,66	0,66	0,66	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,22	-0,22	-0,22	-0,22			100,00	0,00	0,22	0,00	21,77	0,00	0,00
17	lien17	0,62	0,63	0,66	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,18	-0,19	-0,22	-0,22			113,63	0,00	0,20	0,00	22,67	0,00	0,00
18	lien18	0,61	0,62	0,66	0,61			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,17	-0,18	-0,22	-0,17			38,30	0,00	0,18	0,00	7,04	0,00	0,00
19	lien19	0,00	0,00	0,65				0,44	0,44	0,44				0,44	0,44	-0,21				8,95	78,73	0,07	0,22	0,62	17,32	0,00
20	lien20	0,65	0,64	0,65	0,77			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,21	-0,20	-0,21	-0,33			100,00	0,00	0,24	0,00	23,71	0,00	0,00
21	lien21	0,64	0,66	0,65	0,65			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,20	-0,22	-0,21	-0,21			100,00	0,00	0,21	0,00	21,14	0,00	0,00
22	lien22	0,63	0,60	0,66	0,66			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,19	-0,16	-0,22	-0,22			88,95	0,00	0,20	0,00	17,48	0,00	0,00
23	lien23	0,00	0,00	0,77	0,65	0,65		0,44	0,44	0,44	0,44	0,44		0,44	0,44	-0,33	-0,21	-0,21		85,91	40,72	0,15	0,22	12,83	8,96	0,00
24	lien24	0,60	0,65	0,65	0,65			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,16	-0,21	-0,21	-0,21			64,27	0,00	0,20	0,00	12,74	0,00	0,00
TongKL:																				**2066,3**	**138,2**	**0,20**	**0,22**	**430,0**	**30,4**	**0,0**

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Người thực hiện

-lam
Nguyễn Minh Tâm

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Đơn vị đo đạc
Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1623, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102B tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

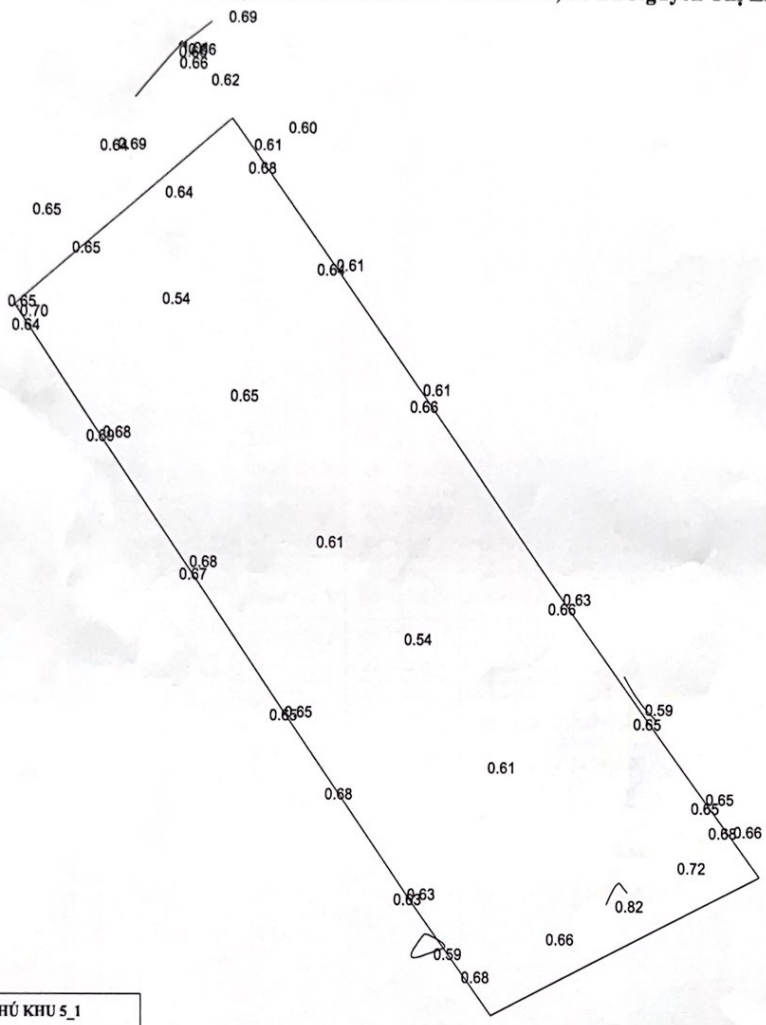

GHI CHÚ KHU 5_1	
	Đường đồng mức con
0.54	Cao độ

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 2.204,5m²

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Người thực hiện** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	**Chủ dự án** **Hộ kinh doanh** **Phạm Thị Hồng Như**	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Đơn vị đo đạc** **Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1623, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102B tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

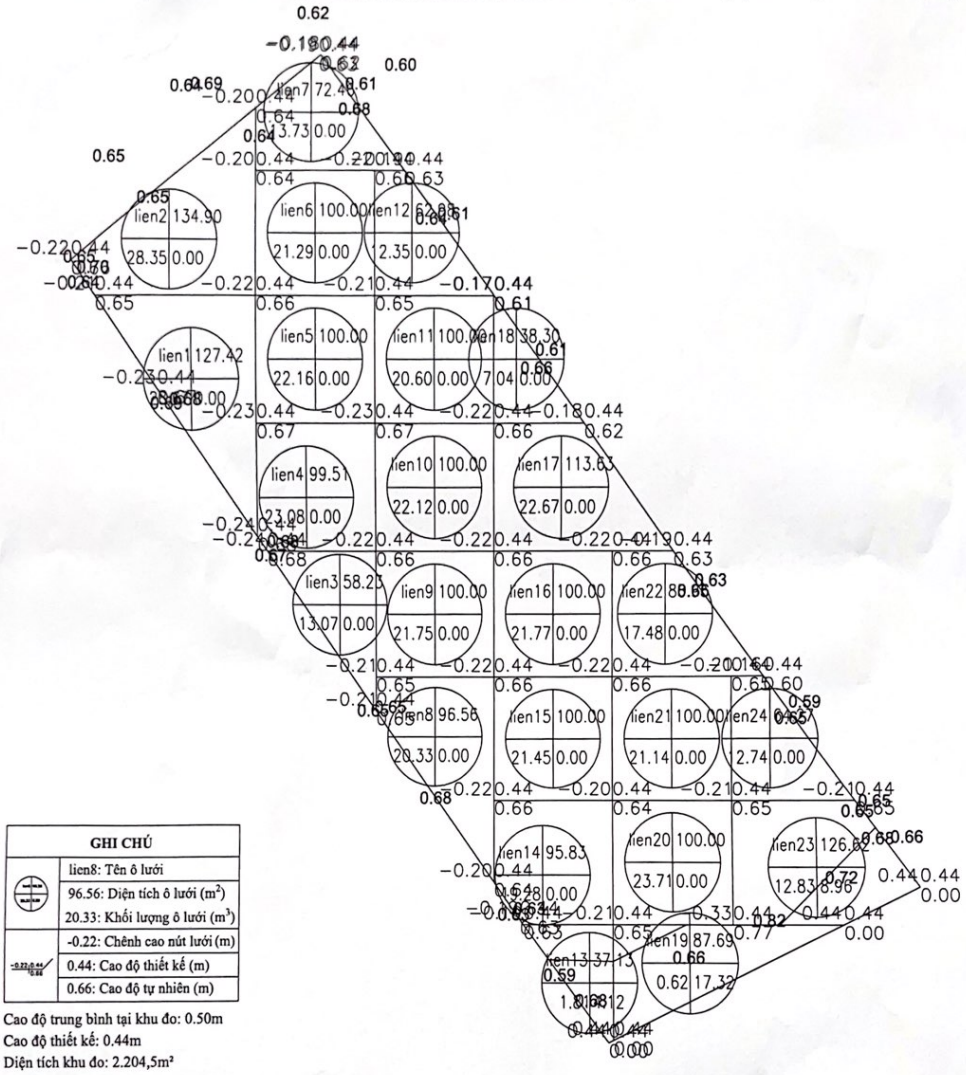

GHI CHÚ	
	lien8: Tên ô lưới
	96.56: Diện tích ô lưới (m^2)
	20.33: Khối lượng ô lưới (m^3)
	-0.22: Chênh cao nút lưới (m)
	0.44: Cao độ thiết kế (m)
	0.66: Cao độ tự nhiên (m)

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 2.204,5m²

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SAN LẤP	
Tổng diện tích đào:	2.066,3m²
Tổng diện tích đắp:	138,16m²
Tổng chiều sâu đào trung bình:	0.2m
Tổng chiều sâu đắp trung bình:	0.22m
Tổng thể tích đào	430,03m³
Tổng thể tích đắp:	30,40m³
Tổng khối lượng đất khai thác:	399,99m³

Trà Vinh, ngày.....tháng.....năm 2023 **Người thực hiện** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	....., ngày.....tháng.....năm 2023 **Chủ dự án** **Hộ kinh doanh** **Phạm Thị Hồng Như**	Trà Vinh, ngày.....tháng.....năm 2023 **Đơn vị đo đạc** **Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng** *(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO

ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1539, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 100A tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

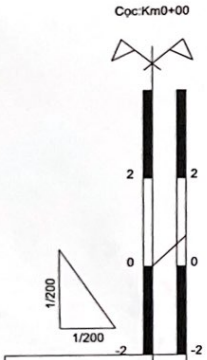

Cao độ tự nhiên(m)	0.00	0.69
Cự ly lẻ(m)	0.73	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00	0.73
Mô tả	Km0+00	

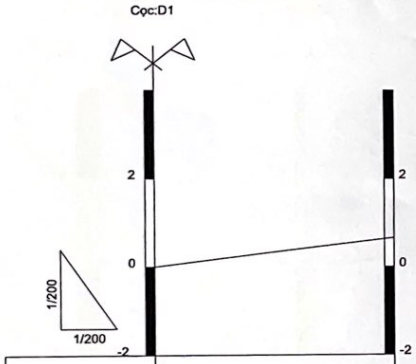

Cao độ tự nhiên(m)	0.00	0.66
Cự ly lẻ(m)	5.04	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00	5.04
Mô tả	D1	

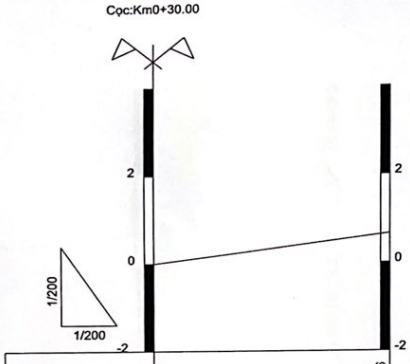

Cao độ tự nhiên(m)	0.00	0.66
Cự ly lẻ(m)	5.12	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00	5.12
Mô tả	Km0+30.00	

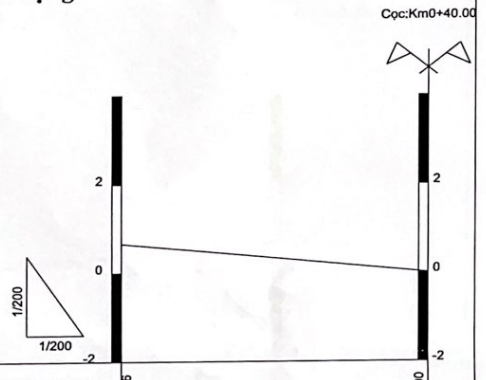

Cao độ tự nhiên(m)	0.66	0.00
Cự ly lẻ(m)	6.49	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00	6.49
Mô tả	Km0+40.00	

Trà Vinh, ngày....06....tháng..11.....năm 2023

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Lam

Nguyễn Minh Tâm

Chủ dự án

Hộ kinh doanh

Phạm Thị Hồng Như

Trà Vinh, ngày....06....tháng...11....năm 2023

Đơn vị đo đạc

Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1539, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 100A tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

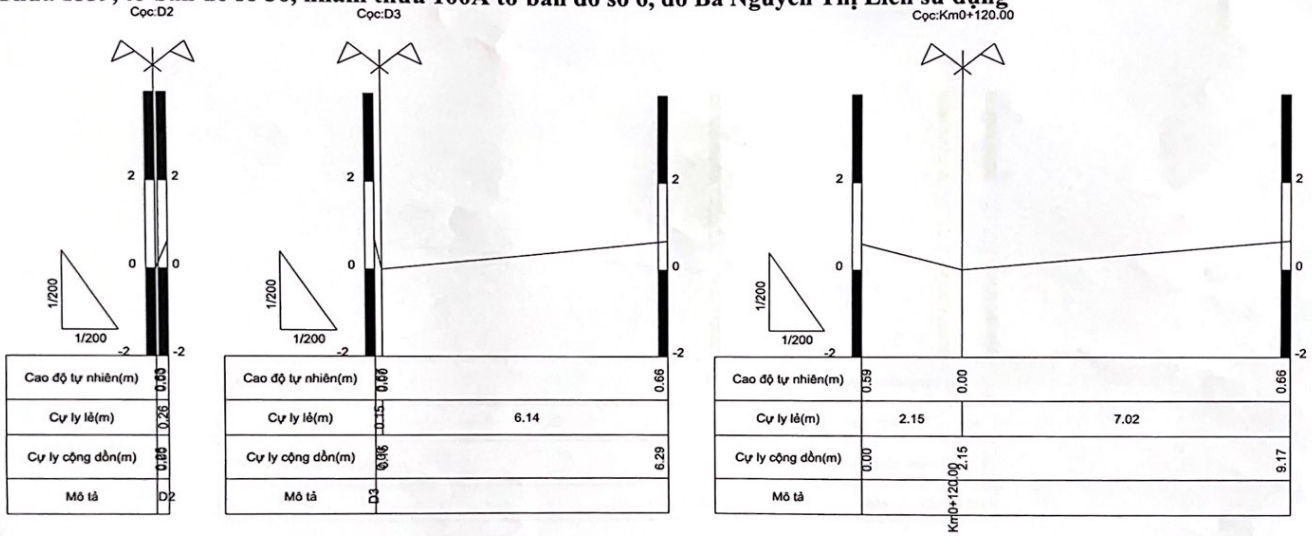

Trà Vinh, ngày...06...tháng..11.....năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Thị Tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày...06...tháng...11...năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO

ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1539, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 100A tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

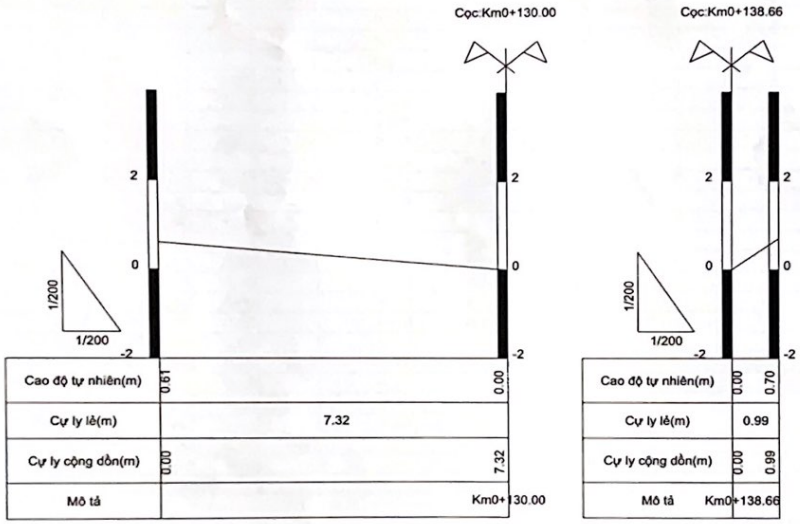

Trà Vinh, ngày...06.....tháng...11.....năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Thị Liên	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày...06.....tháng...11.....năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

BẢNG TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP
Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, Thửa 1539, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 100A tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

STT	Ten O luoi	Dtn1	Dtn2	Dtn3	Dtn4	Dtn5	Dtk1	Dtk2	Dtk3	Dtk4	Dtk5	Dtk1-Dtn1	Dtk2-Dtn2	Dtk3-Dtn3	Dtk4-Dtn4	Dtk5-Dtn5	S dao	S dap	H dao	H dap	V dao	V dap	V boc HC
1	Khu5-21	0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00			0,00	0,86	0,00	0,00	0,00	0	0
2	Khu5-22	0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00			0,00	5,91	0,00	0,00	0,00	0	0
3	Khu5-23	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	19,07	0,00	0,00	0,00	0	0
4	Khu5-24	0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	0,77	0,00	0,00	0,00	0	0
5	Khu5-25	0,00	0,00	0,68	0,00		0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	0,00	-0,68	0,00		0,00	34,61	0,23	0,00	0,00	0	0
6	Khu5-26	0,63	0,64	0,58			0,00	0,00	0,00			-0,63	-0,64	-0,58			5,00	0,00	0,62	0,00	3,08	0	0
7	Khu5-27	0,00	0,65	0,64	0,64		0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	-0,65	-0,64	-0,64		47,05	36,33	0,39	0,00	18,15	0	0
8	Khu5-28	0,00	0,00	0,64	0,68		0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	0,00	-0,64	-0,68		0,00	61,95	0,33	0,00	0,00	0	0
9	Khu5-29	0,67	0,65	0,59			0,00	0,00	0,00			-0,67	-0,65	-0,59			25,41	0,00	0,63	0,00	16,11	0	0
10	Khu5-210	0,65	0,62	0,65	0,63	0,58	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,65	-0,62	-0,65	-0,63	-0,58	99,81	0,00	0,63	0,00	62,58	0	0
11	Khu5-211	0,64	0,67	0,64			0,00	0,00	0,00			-0,64	-0,67	-0,64			61,57	0,00	0,65	0,00	39,98	0	0
12	Khu5-212	0,62	0,64	0,67	0,67	0,59	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,62	-0,64	-0,67	-0,67	-0,59	100,83	0,00	0,64	0,00	64,22	0	0
13	Khu5-213	0,00	0,64	0,61	0,63		0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	-0,64	-0,61	-0,63		17,57	91,73	0,38	0,00	6,61	0	0
14	Khu5-214	0,64	0,74	0,61	0,64		0,00	0,00	0,00	0,00		-0,64	-0,74	-0,61	-0,64		90,27	0,00	0,65	0,00	59,02	0	0
15	Khu5-215	0,00	0,00	0,65			0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	-0,65			17,57	40,96	0,22	0,00	3,80	0	0
16	Khu5-216	0,00	0,00	0,62	0,65	0,65	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,62	-0,65	-0,65	50,00	49,08	0,38	0,00	19,16	0	0
17	Khu5-217	0,74	0,66	0,62	0,63		0,00	0,00	0,00	0,00		-0,74	-0,66	-0,62	-0,63		79,13	0,00	0,66	0,00	52,41	0	0
18	Khu5-218	0,00	0,00	0,62	0,62		0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	0,00	-0,62	-0,62		0,00	105,93	0,31	0,00	0,00	0	0
19	Khu5-219	0,62	0,65	0,65	0,62		0,00	0,00	0,00	0,00		-0,62	-0,65	-0,65	-0,62		100,00	0,00	0,64	0,00	63,52	0	0
20	Khu5-220	0,66	0,66	0,65	0,65		0,00	0,00	0,00	0,00		-0,66	-0,66	-0,65	-0,65		67,99	0,00	0,65	0,00	44,41	0	0
21	Khu5-221	0,00	0,00	0,59	0,60	0,62	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,59	-0,60	-0,62	52,45	64,58	0,36	0,00	19,11	0	0
22	Khu5-222	0,59	0,62	0,64	0,60		0,00	0,00	0,00	0,00		-0,59	-0,62	-0,64	-0,60		100,00	0,00	0,61	0,00	61,45	0	0
23	Khu5-223	0,66	0,64	0,62	0,65		0,00	0,00	0,00	0,00		-0,66	-0,64	-0,62	-0,65		56,85	0,00	0,64	0,00	36,48	0	0
24	Khu5-224	0,60	0,62	0,61			0,00	0,00	0,00			-0,60	-0,62	-0,61			0,21	0,00	0,61	0,00	0,13	0	0
25	Khu5-225	0,80	0,60	0,61	0,60	0,67	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,80	-0,60	-0,61	-0,60	-0,67	79,92	0,00	0,66	0,00	52,55	0	0
26	Khu5-226	0,64	0,67	0,60	0,64		0,00	0,00	0,00	0,00		-0,64	-0,67	-0,60	-0,64		45,70	0,00	0,64	0,00	29,09	0	0
TongKL:																	**1.097,4**	**511,8**	**0,52**	**0,00**	**651,86**	**0**	**0**

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Người thực hiện

Nguyễn Thanh Tám

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Đơn vị đo đạc
Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT DỌC KHU ĐO

ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1539, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 100A tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

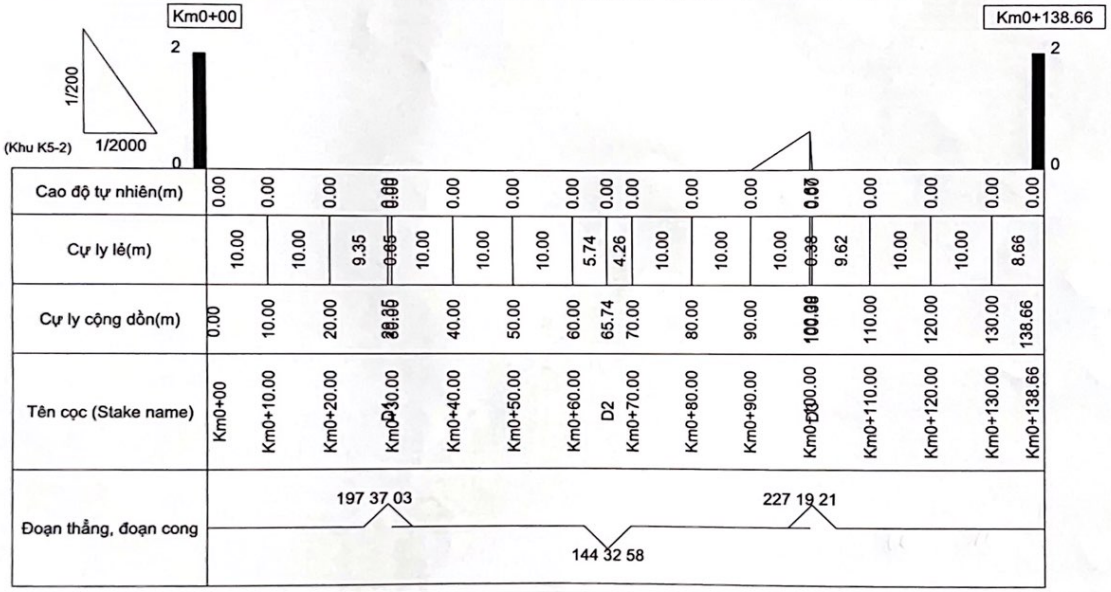

Cự ly cộng dồn(m)	Tên cọc (Stake name)
0.00	Km0+00
10.00	Km0+10.00
20.00	Km0+20.00
30.00	Km0+30.00
40.00	Km0+40.00
50.00	Km0+50.00
60.00	Km0+60.00
65.74	D2
70.00	Km0+70.00
80.00	Km0+80.00
90.00	Km0+90.00
100.00	Km0+100.00
110.00	Km0+110.00
120.00	Km0+120.00
130.00	Km0+130.00
138.66	Km0+138.66

Trà Vinh, ngày....06....tháng....11...năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn minh tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày....06....tháng..11.....năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1539, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 100A tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

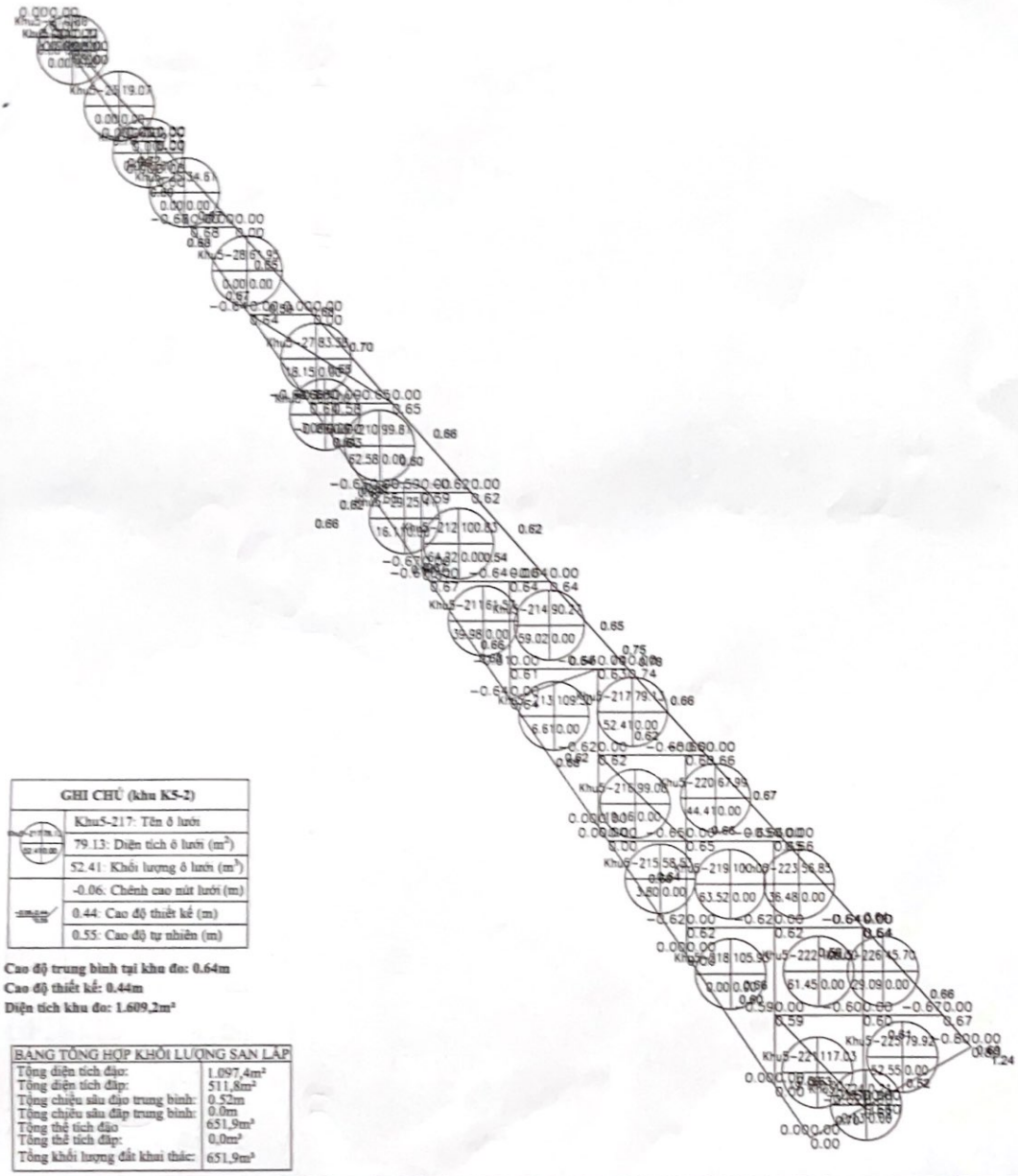

GHI CHÚ (khu K5-2)	
Khu5-217: Tên ô lưới	
79.13: Diện tích ô lưới (m^2)	
52.41: Khối lượng ô lưới (m^3)	
-0.06: Chênh cao nút lưới (m)	
0.44: Cao độ thiết kế (m)	
0.55: Cao độ tự nhiên (m)	

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.64m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 1.609,2m²

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SAN LẤP	
Tổng diện tích đào:	1.097,4m²
Tổng diện tích đắp:	511,8m²
Tổng chiều sâu đào trung bình:	0.52m
Tổng chiều sâu đắp trung bình:	0.0m
Tổng thể tích đào	651,9m³
Tổng thể tích đắp:	0,0m³
Tổng khối lượng đất khai thác:	651,9m³

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Người thực hiện** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	**Chủ dự án** **Hộ kinh doanh** Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Đơn vị đo đạc** **Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1539, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 100A tờ bản đồ số 6, do Bà Nguyễn Thị Liên sử dụng

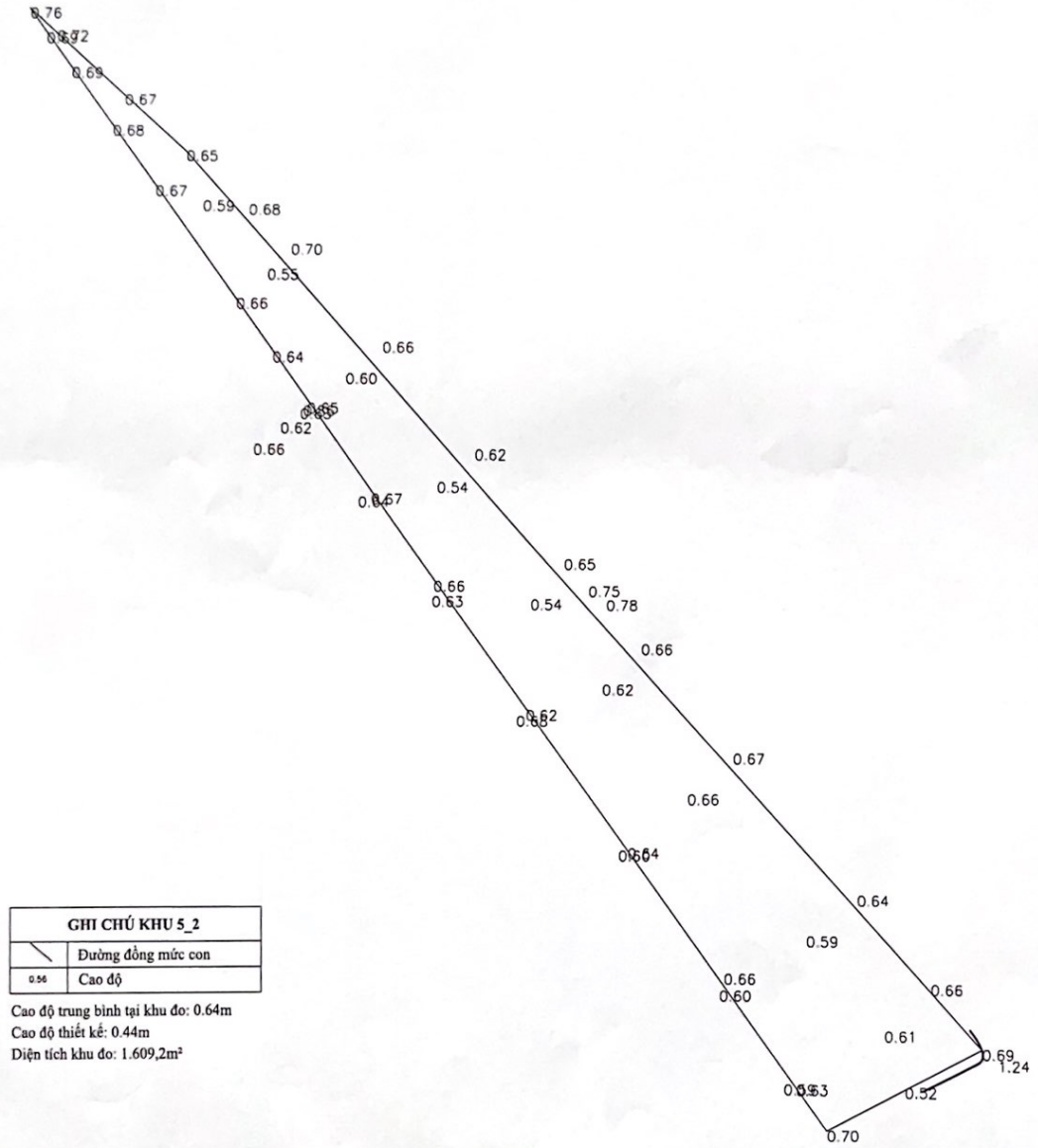

GHI CHÚ KHU 5_2	
	Đường đồng mức con
0.56	Cao độ

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.64m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 1.609,2m²

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023
Người thực hiện	**Chủ dự án**	**Đơn vị đo đạc**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	**Hộ kinh doanh**	Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng
Nguyễn Minh Tâm	Phạm Thị Hồng Như	*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*
		CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG – H. CÀNG LONG – T. TRÀ VINH
		PHÓ GIÁM ĐỐC
		Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO

ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1618, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 106A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Oanh sử dụng

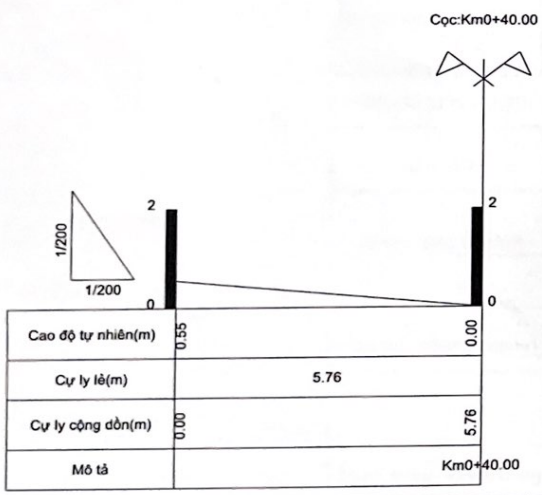

Cao độ tự nhiên(m)	0.55	0.00
Cự ly lẻ(m)	5.76	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00	5.76
Mô tả	Km0+40.00	

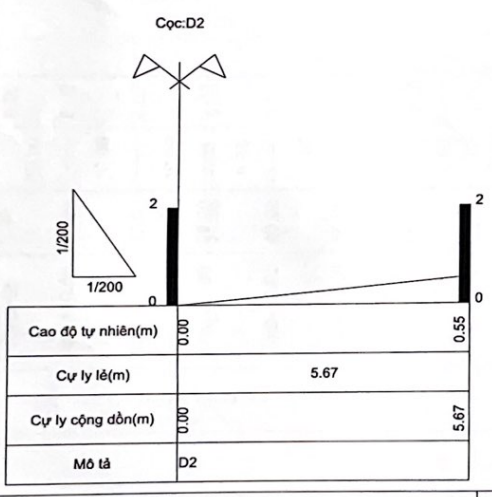

Cao độ tự nhiên(m)	0.00	0.55
Cự ly lẻ(m)	5.67	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00	5.67
Mô tả	D2	

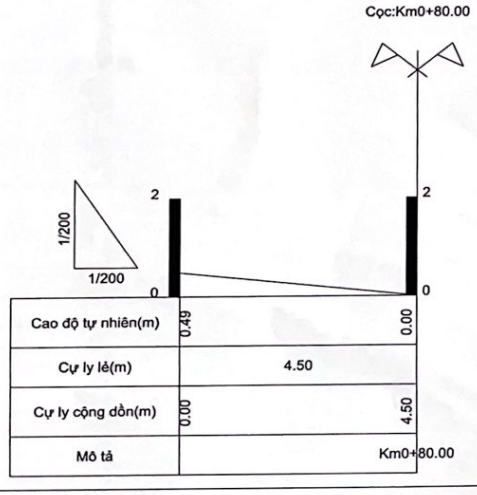

Cao độ tự nhiên(m)	0.49	0.00
Cự ly lẻ(m)	4.50	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00	4.50
Mô tả	Km0+80.00	

Trà Vinh, ngày....06.....tháng...11.....năm 2023

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Minh Tâm

Chủ dự án

Hộ kinh doanh

Phạm Thị Hồng Như

Trà Vinh, ngày....06.....tháng...11.....năm 2023

Đơn vị đo đạc

Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT DỌC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất đôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1618, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 106A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Oanh sử dụng

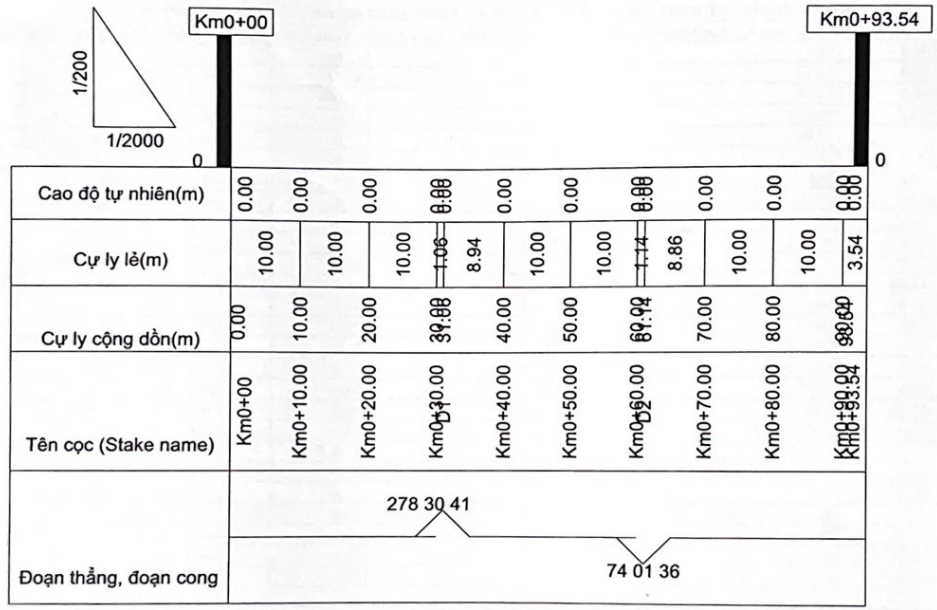

Trà Vinh, ngày....06....tháng...11....năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* -lam Nguyễn ninh tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày....06....tháng...11....năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

BẢNG TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất đôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thu ộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1618, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 106A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Oanh sử dụng

STT	Ten O luoi	Dtn1	Dtn2	Dtn3	Dtn4	Dtn5	Dtk1	Dtk2	Dtk3	Dtk4	Dtk5	Dtk1-Dtn1	Dtk2-Dtn2	Dtk3-Dtn3	Dtk4-Dtn4	Dtk5-Dtn5	S dao	S dap	H dao	H dap	V dao	V dap	V boc H
1	oanh1	0,55	0,64	0,55			0,44	0,44	0,44			-0,11	-0,20	-0,11			2,32	0,00	0,14	0,00	0,32	0,00	0,00
2	oanh2	0,64	0,79	0,67	0,55		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,20	-0,35	-0,23	-0,11		61,60	0,00	0,22	0,00	13,72	0,00	0,00
3	oanh3	0,54	0,55	0,55	0,55		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,10	-0,11	-0,11	-0,11		93,22	0,00	0,11	0,00	10,13	0,00	0,00
4	oanh4	0,55	0,71	0,55	0,55		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,11	-0,27	-0,11	-0,11		100,00	0,00	0,15	0,00	15,24	0,00	0,00
5	oanh5	0,67	0,54	0,55	0,71		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,23	-0,10	-0,11	-0,27		70,82	0,00	0,18	0,00	12,67	0,00	0,00
6	oanh6	0,52	0,55	0,54			0,44	0,44	0,44			-0,08	-0,11	-0,10			34,92	0,00	0,10	0,00	3,32	0,00	0,00
7	oanh7	0,55	0,54	0,55	0,55	0,54	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,11	-0,10	-0,11	-0,11	-0,10	94,51	0,00	0,11	0,00	9,97	0,00	0,00
8	oanh8	0,55	0,55	0,56	0,55		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,11	-0,11	-0,12	-0,11		100,00	0,00	0,11	0,00	11,24	0,00	0,00
9	oanh9	0,55	0,55	0,55	0,56		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,11	-0,11	-0,11	-0,12		100,00	0,00	0,11	0,00	11,28	0,00	0,00
10	oanh10	0,55	0,54	0,54	0,55		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,11	-0,10	-0,10	-0,11		100,00	0,00	0,11	0,00	10,59	0,00	0,00
11	oanh11	0,54	0,53	0,54	0,54		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,10	-0,09	-0,10	-0,10		39,24	0,00	0,10	0,00	3,80	0,00	0,00
12	oanh12	0,00	0,52	0,54	0,51	0,00	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,08	-0,10	-0,07	0,44	63,53	68,01	0,05	0,22	3,17	14,96	0,00
13	oanh13	0,54	0,55	0,53	0,51		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,10	-0,11	-0,09	-0,07		100,00	0,00	0,09	0,00	9,27	0,00	0,00
14	oanh14	0,55	0,56	0,54	0,53		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,11	-0,12	-0,10	-0,09		100,00	0,00	0,10	0,00	10,46	0,00	0,00
15	oanh15	0,56	0,55	0,55	0,54		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,12	-0,11	-0,11	-0,10		100,00	0,00	0,11	0,00	10,93	0,00	0,00
16	oanh16	0,55	0,54	0,55	0,55		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,11	-0,10	-0,11	-0,11		100,00	0,00	0,11	0,00	10,65	0,00	0,00
17	oanh17	0,53	0,53	0,55	0,54		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,09	-0,09	-0,11	-0,10		107,65	0,00	0,10	0,00	10,40	0,00	0,00
18	oanh18	0,00	0,00	0,51	0,51		0,44	0,44	0,44	0,44		0,44	0,44	-0,07	-0,07		13,47	84,23	0,04	0,22	0,47	18,53	0,00
19	oanh19	0,51	0,53	0,49	0,51		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,07	-0,09	-0,05	-0,07		100,00	0,00	0,07	0,00	7,01	0,00	0,00
20	oanh20	0,53	0,54	0,52	0,49		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,09	-0,10	-0,08	-0,05		100,00	0,00	0,08	0,00	8,07	0,00	0,00
21	oanh21	0,54	0,55	0,54	0,52		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,10	-0,11	-0,10	-0,08		100,00	0,00	0,10	0,00	9,80	0,00	0,00
22	oanh22	0,55	0,55	0,57	0,54		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,11	-0,11	-0,13	-0,10		100,00	0,00	0,11	0,00	11,10	0,00	0,00
23	oanh23	0,53	0,61	0,57	0,55	0,53	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,09	-0,17	-0,13	-0,11	-0,09	97,73	0,00	0,12	0,00	11,60	0,00	0,00
24	oanh24	0,00	0,00	0,00	0,51		0,44	0,44	0,44	0,44		0,44	0,44	0,44	-0,07		1,20	59,65	0,02	0,26	0,03	15,75	0,00
25	oanh25	0,51	0,49	0,54	0,58		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,07	-0,05	-0,10	-0,14		100,00	0,00	0,09	0,00	9,11	0,00	0,00
26	oanh26	0,49	0,52	0,52	0,54		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,05	-0,08	-0,08	-0,10		100,00	0,00	0,08	0,00	8,02	0,00	0,00
27	oanh27	0,00	0,60	0,52	0,54		0,44	0,44	0,44	0,44		0,44	-0,16	-0,08	-0,10		101,30	27,90	0,07	0,15	6,89	4,09	0,00
28	oanh28	0,61	0,00	0,54			0,44	0,44	0,44			-0,17	0,44	-0,10			25,27	35,33	0,07	0,15	1,74	5,18	0,00
29	oanh29	0,00	0,00	0,58	0,54	0,59	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,14	-0,10	-0,15	68,09	30,36	0,08	0,22	5,35	6,68	0,00
30	oanh30	0,60	0,61	0,54	0,52	0,60	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,16	-0,17	-0,10	-0,08	-0,16	101,23	0,00	0,14	0,00	13,77	0,00	0,00
31	oanh31	0,61	0,00	0,00	0,59		0,44	0,44	0,44	0,44		-0,17	0,44	0,44	-0,15		8,69	37,15	0,08	0,22	0,71	8,17	0,00
TongKL:																	**2384,8**	**342,6**	**0,1**	**0,2**	**250,8**	**73,4**	**0,0**

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Người thực hiện

- lam
Nguyễn Ninh Tám

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Đơn vị đo đạc
Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1618, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 106A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Oanh sử dụng

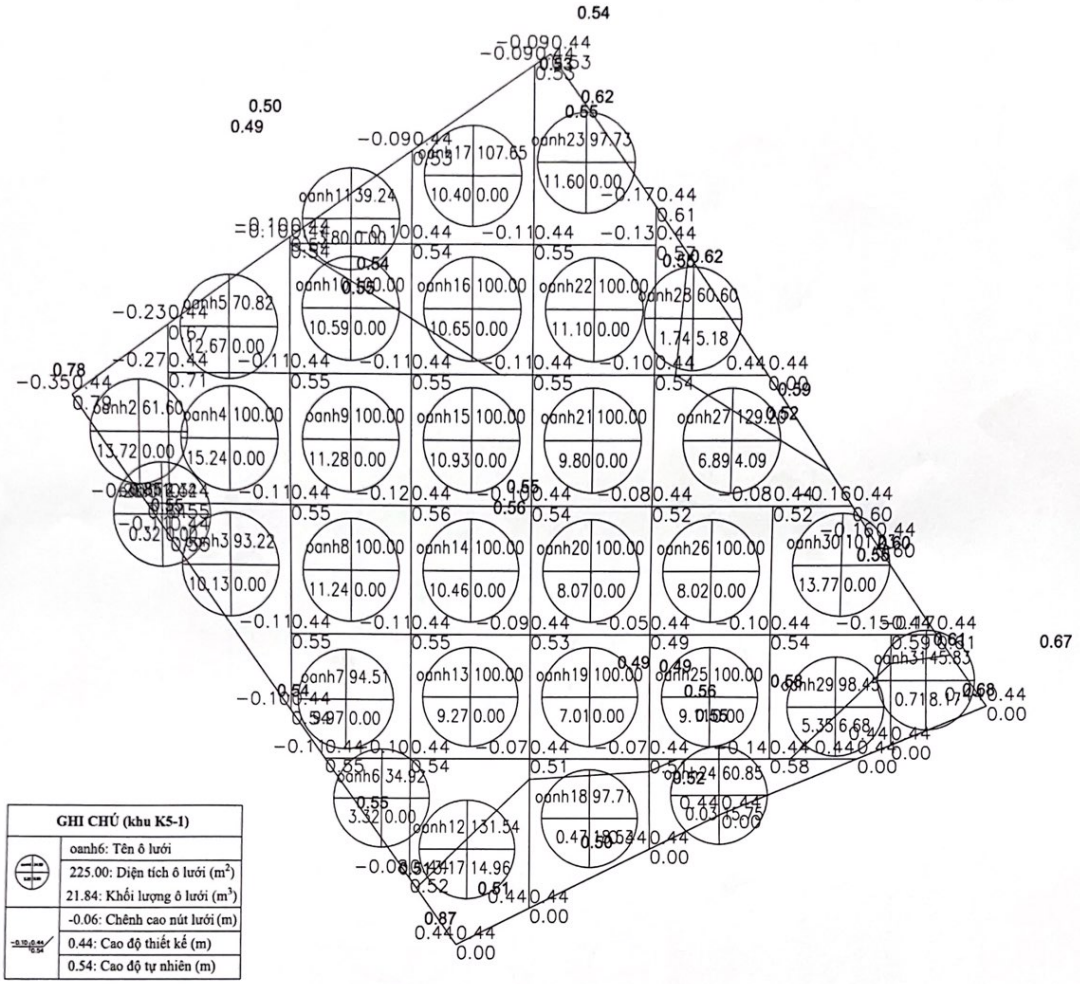

GHI CHÚ (khu K5-1)	
	oanh6: Tên ô lưới
	225.00: Diện tích ô lưới (m^2)
	21.84: Khối lượng ô lưới (m^3)
	-0.06: Chênh cao nút lưới (m)
	0.44: Cao độ thiết kế (m)
	0.54: Cao độ tự nhiên (m)

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 2.727,4m²

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SAN LẤP	
Tổng diện tích đào:	2.384,80m²
Tổng diện tích đắp:	342,62m²
Tổng chiều sâu đào trung bình:	0.10m
Tổng chiều sâu đắp trung bình:	0.21m
Tổng thể tích đào	250.8m³
Tổng thể tích đắp:	73.3m³
Tổng khối lượng đất khai thác:	177,5m³

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023
Người thực hiện	**Chủ dự án**	**Đơn vị đo đạc**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	**Hộ kinh doanh**	**Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng**
		(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)
Nguyễn Minh Tâm	Phạm Thị Hồng Như	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1618, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 106A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Oanh sử dụng

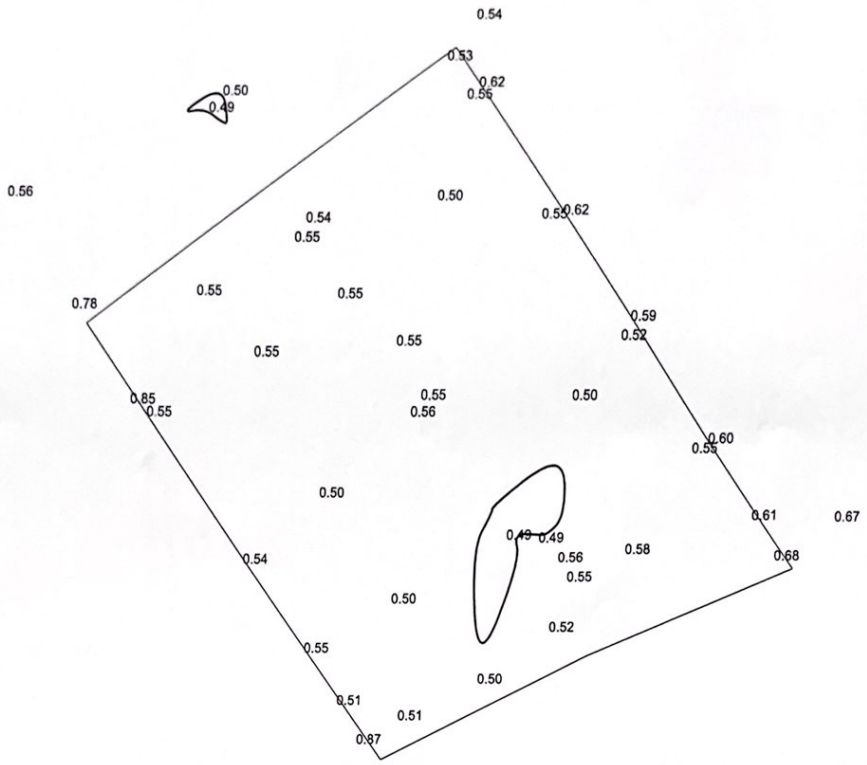

GHI CHÚ KHU 5_1	
	Đường đồng mức con
0.56	Cao độ

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 2.727,4m²

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Người thực hiện** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	**Chủ dự án** **Hộ kinh doanh** **Phạm Thị Hồng Như**	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Đơn vị đo đạc** **Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT DỌC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1543, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105B tờ bản đồ số 6, do Ông Trần Văn Thêm sử dụng

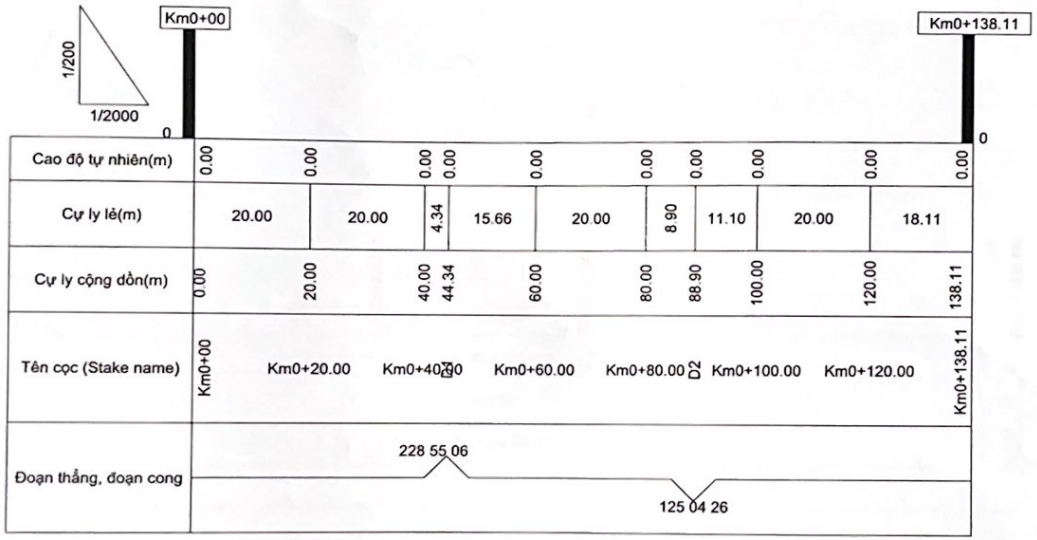

Trà Vinh, ngày....06....tháng...11....năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* -Lam Nguyễn Minh Tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày....06....tháng...11....năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1543, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105B tờ bản đồ số 6, do Ông Trần Văn Thêm sử dụng

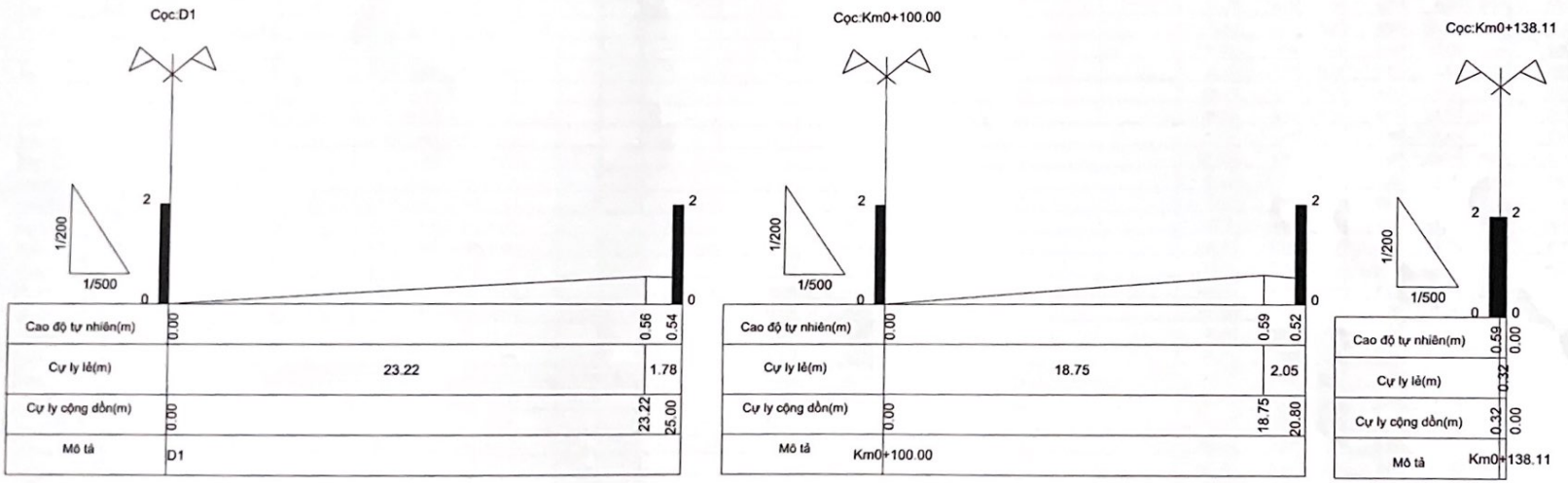

Trà Vinh, ngày.....06.....tháng...11....năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* -lam Nguyễn minh tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày.....06.....tháng...11....năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

BẢNG TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP
Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội
Thửa 1543, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105B tờ bản đồ số 6, do Ông Trần Văn Thêm sử dụng

STT	Ten O luoi	Dtn1	Dtn2	Dtn3	Dtn4	Dtn5	Dtn6	Dtn7	Dtk1	Dtk2	Dtk3	Dtk4	Dtk5	Dtk6	Dtk7	Dtk1-Dtn1	Dtk2-Dtn2	Dtk3-Dtn3	Dtk4-Dtn4	Dtk5-Dtn5	Dtk6-Dtn6	Dtk7-Dtn7	S dao	S dap	H dao	H dap	V dao	V dap	V boc HC
1	them1	0,82	0,84	0,79					0,44	0,44	0,44					-0,38	-0,40	-0,35					3,69	0,00	0,38	0,00	1,39	0,00	0,00
2	them2	0,84	0,00	0,00	0,79				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,40	0,44	0,44	-0,35				19,20	43,89	0,19	0,22	3,58	9,65	0,00
3	them3	0,76	0,82	0,79	0,69	0,75			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			-0,32	-0,38	-0,35	-0,25	-0,31			102,32	0,00	0,32	0,00	32,94	0,00	0,00
4	them4	0,00	0,00	0,69	0,79				0,44	0,44	0,44	0,44				0,44	0,44	-0,25	-0,35				40,74	60,39	0,15	0,22	6,10	13,29	0,00
5	them5	0,58	0,69	0,62					0,44	0,44	0,44					-0,14	-0,25	-0,18					36,37	0,00	0,24	0,00	8,88	0,00	0,00
6	them6	0,69	0,75	0,71	0,62	0,62			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			-0,25	-0,31	-0,27	-0,18	-0,18			96,31	0,00	0,24	0,00	22,94	0,00	0,00
7	them7	0,71	0,69	0,65	0,62				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,27	-0,25	-0,21	-0,18				100,00	0,00	0,23	0,00	22,85	0,00	0,00
8	them8	0,00	0,00	0,65	0,69				0,44	0,44	0,44	0,44				0,44	0,44	-0,21	-0,25				33,47	63,70	0,18	0,22	5,87	14,01	0,00
9	them9	0,57	0,58	0,57					0,44	0,44	0,44					-0,13	-0,14	-0,13					59,19	0,00	0,13	0,00	7,93	0,00	0,00
10	them10	0,58	0,58	0,62	0,60	0,57			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			-0,14	-0,14	-0,18	-0,16	-0,13			99,93	0,00	0,16	0,00	15,76	0,00	0,00
11	them11	0,62	0,62	0,63	0,60				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,18	-0,18	-0,19	-0,16				100,00	0,00	0,17	0,00	17,47	0,00	0,00
12	them12	0,62	0,65	0,70	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,18	-0,21	-0,26	-0,19				100,00	0,00	0,21	0,00	21,03	0,00	0,00
13	them13	0,00	0,00	0,70	0,65				0,44	0,44	0,44	0,44				0,44	0,44	-0,26	-0,21				32,51	60,71	0,15	0,22	4,85	13,36	0,00
14	them14	0,57	0,53	0,54					0,44	0,44	0,44					-0,13	-0,09	-0,10					2,55	0,00	0,11	0,00	0,28	0,00	0,00
15	them15	0,55	0,57	0,57	0,60				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,11	-0,13	-0,13	-0,16				85,55	0,00	0,13	0,00	11,50	0,00	0,00
16	them16	0,57	0,57	0,60	0,60				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,13	-0,13	-0,16	-0,16				100,00	0,00	0,15	0,00	14,77	0,00	0,00
17	them17	0,57	0,60	0,59	0,60				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,13	-0,16	-0,15	-0,16				100,00	0,00	0,15	0,00	15,06	0,00	0,00
18	them18	0,60	0,63	0,61	0,59				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,16	-0,19	-0,17	-0,15				100,00	0,00	0,17	0,00	16,63	0,00	0,00
19	them19	0,63	0,70	0,84	0,61				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,26	-0,40	-0,17				100,00	0,00	0,25	0,00	25,35	0,00	0,00
20	them20	0,00	0,68	0,78	0,70				0,44	0,44	0,44	0,44				0,44	-0,24	-0,34	-0,26				61,56	8,66	0,18	0,15	11,30	1,27	0,00
21	them21	0,62	0,57	0,56	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,18	-0,13	-0,12	-0,19				84,87	0,00	0,15	0,00	13,02	0,00	0,00
22	them22	0,54	0,54	0,55	0,57	0,58	0,63	0,56	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,10	-0,10	-0,11	-0,13	-0,14	-0,19	-0,12	99,20	0,00	0,14	0,00	13,44	0,00	0,00
23	them23	0,57	0,60	0,61	0,58				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,13	-0,16	-0,17	-0,14				100,00	0,00	0,15	0,00	14,90	0,00	0,00
24	them24	0,60	0,60	0,64	0,61				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,16	-0,16	-0,20	-0,17				100,00	0,00	0,17	0,00	17,22	0,00	0,00
25	them25	0,60	0,59	0,61	0,64				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,16	-0,15	-0,17	-0,20				100,00	0,00	0,17	0,00	17,12	0,00	0,00
26	them26	0,63	0,63	0,59	0,61				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,19	-0,15	-0,17				115,34	0,00	0,18	0,00	20,21	0,00	0,00
27	them27	0,78	0,63	0,61	0,84				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,34	-0,19	-0,17	-0,40				44,83	0,00	0,27	0,00	12,28	0,00	0,00
28	them28	0,59	0,62	0,62	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,15	-0,18	-0,18	-0,19				123,71	0,00	0,18	0,00	21,78	0,00	0,00
29	them29	0,62	0,63	0,63	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,18	-0,19	-0,19	-0,19				100,00	0,00	0,19	0,00	18,66	0,00	0,00
30	them30	0,63	0,58	0,63	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,14	-0,19	-0,19				100,00	0,00	0,18	0,00	17,69	0,00	0,00
31	them31	0,58	0,61	0,63	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,14	-0,17	-0,19	-0,19				100,00	0,00	0,17	0,00	17,19	0,00	0,00
32	them32	0,61	0,64	0,66	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,17	-0,20	-0,22	-0,19				100,00	0,00	0,19	0,00	19,18	0,00	0,00
33	them33	0,63	0,64	0,64	0,61				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,20	-0,20	-0,17				85,85	0,00	0,19	0,00	16,37	0,00	0,00
34	them34	0,61	0,59	0,62					0,44	0,44	0,44					-0,17	-0,15	-0,18					62,71	0,00	0,25	0,00	15,46	0,00	0,00
35	them35	0,59	0,59	0,61	0,62	0,62			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			-0,15	-0,15	-0,17	-0,18	-0,18			99,83	0,00	0,17	0,00	16,60	0,00	0,00
36	them36	0,61	0,63	0,63	0,62				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,17	-0,19	-0,19	-0,18				100,00	0,00	0,18	0,00	18,24	0,00	0,00
37	them37	0,63	0,63	0,64	0,63				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,19	-0,20	-0,19				100,00	0,00	0,19	0,00	19,22	0,00	0,00
38	them38	0,63	0,63	0,64	0,64				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,19	-0,20	-0,20				100,00	0,00	0,20	0,00	19,54	0,00	0,00
39	them39	0,64	0,64	0,63	0,63	0,63			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			-0,20	-0,20	-0,19	-0,19	-0,19			131,69	0,00	0,19	0,00	25,44	0,00	0,00
40	them40	0,64	0,64	0,63	0,66	0,64			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			-0,20	-0,20	-0,19	-0,22	-0,20			56,61	0,00	0,22	0,00	12,47	0,00	0,00
41	them41	0,00	0,61	0,62	0,64	0,00			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	-0,17	-0,18	-0,20	0,44			40,17	41,62	0,13	0,22	5,39	9,16	0,00
42	them42	0,62	0,62	0,64	0,64				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,18	-0,18	-0,20	-0,20				100,00	0,00	0,20	0,00	19,74	0,00	0,00
43	them43	0,62	0,62	0,65	0,64				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,18	-0,18	-0,21	-0,20				100,00	0,00	0,20	0,00	20,08	0,00	0,00
44	them44	0,62	0,63	0,64	0,65				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,18	-0,19	-0,20	-0,21				100,00	0,00	0,21	0,00	20,61	0,00	0,00

STT	Ten O luoi	Dtn1	Dtn2	Dtn3	Dtn4	Dtn5	Dtn6	Dtn7	Dtk1	Dtk2	Dtk3	Dtk4	Dtk5	Dtk6	Dtk7	Dtk1-Dtn1	Dtk2-Dtn2	Dtk3-Dtn3	Dtk4-Dtn4	Dtk5-Dtn5	Dtk6-Dtn6	Dtk7-Dtn7	S dao	S dap	H dao	H dap	V dao	V dap	V boc HC
45	them45	0,63	0,64	0,65	0,64				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,20	-0,21	-0,20				100,00	0,00	0,20	0,00	20,03	0,00	0,00
46	them46	0,63	0,61	0,64	0,64				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,19	-0,17	-0,20	-0,20				107,46	0,00	0,19	0,00	20,38	0,00	0,00
47	them47	0,00	0,00	0,64					0,44	0,44	0,44					0,44	0,44	-0,20					7,55	70,82	0,07	0,22	0,50	15,58	0,00
48	them48	0,64	0,64	0,66	0,66				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,20	-0,20	-0,22	-0,22				100,00	0,00	0,21	0,00	20,97	0,00	0,00
49	them49	0,64	0,65	0,67	0,66				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,20	-0,21	-0,23	-0,22				100,00	0,00	0,21	0,00	21,48	0,00	0,00
50	them50	0,65	0,64	0,67	0,67				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,21	-0,20	-0,23	-0,23				100,00	0,00	0,22	0,00	21,88	0,00	0,00
51	them51	0,61	0,63	0,64	0,65				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,17	-0,19	-0,20	-0,21				83,13	0,00	0,21	0,00	17,08	0,00	0,00
52	them52	0,00	0,00	0,66	0,66	0,61			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,22	-0,22	-0,17			73,15	26,20	0,12	0,22	8,96	5,76	0,00
53	them53	0,61	0,59	0,66	0,67				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,17	-0,15	-0,22	-0,23				131,00	0,00	0,19	0,00	25,33	0,00	0,00
54	them54	0,61	0,61	0,67	0,67	0,63			0,44	0,44	0,44	0,44	0,44			-0,17	-0,17	-0,23	-0,23	-0,19			58,73	0,00	0,20	0,00	11,74	0,00	0,00
55	them55	0,59	0,00	0,00	0,61				0,44	0,44	0,44	0,44				-0,15	0,44	0,44	-0,17				13,44	47,28	0,10	0,22	1,33	10,40	0,00
TongKL:																							4492,65	423,25	0,19	0,21	848,00	92,48	0,00

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023

Người thực hiện

Tam

Nguyễn Minh Tâm

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023

Đơn vị đo đạc

Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1543, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105B tờ bản đồ số 6, do Ông Trần Văn Thêm sử dụng

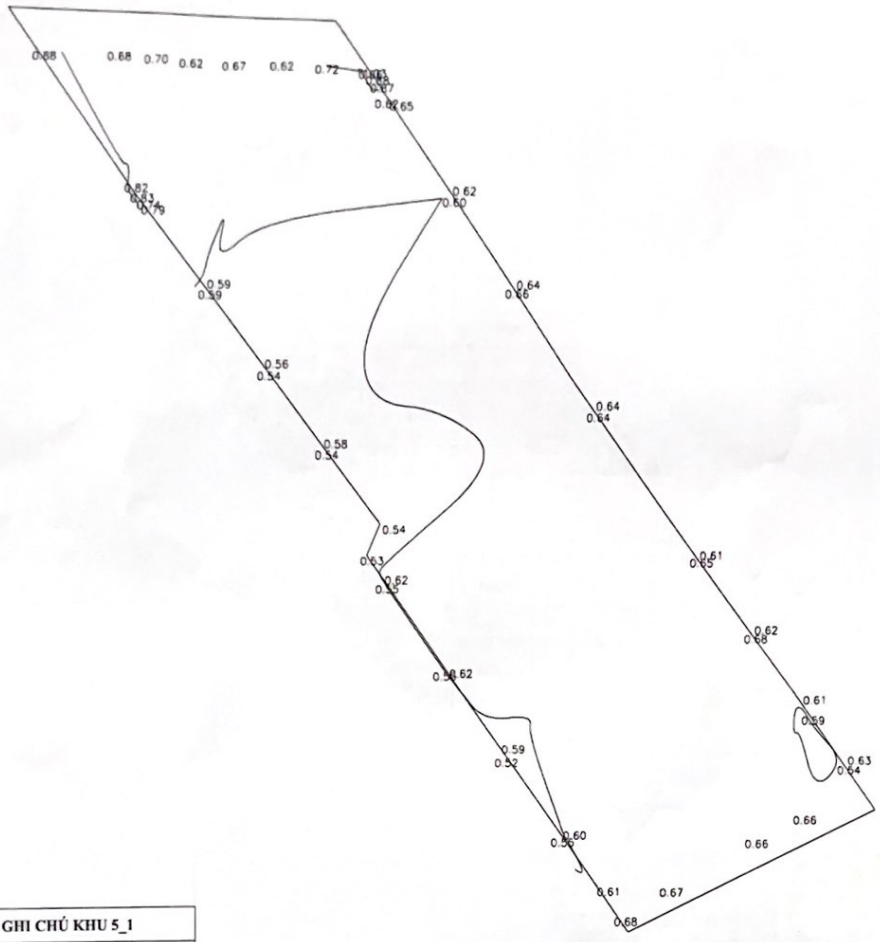

GHI CHÚ KHU 5_1	
	Đường đồng mức con
0.54	Cao độ

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 4.915,9m²

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Người thực hiện** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	**Chủ dự án** **Hộ kinh doanh** Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Đơn vị đo đạc** **Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1543, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105B tờ bản đồ số 6, do Ông Trần Văn Thêm sử dụng

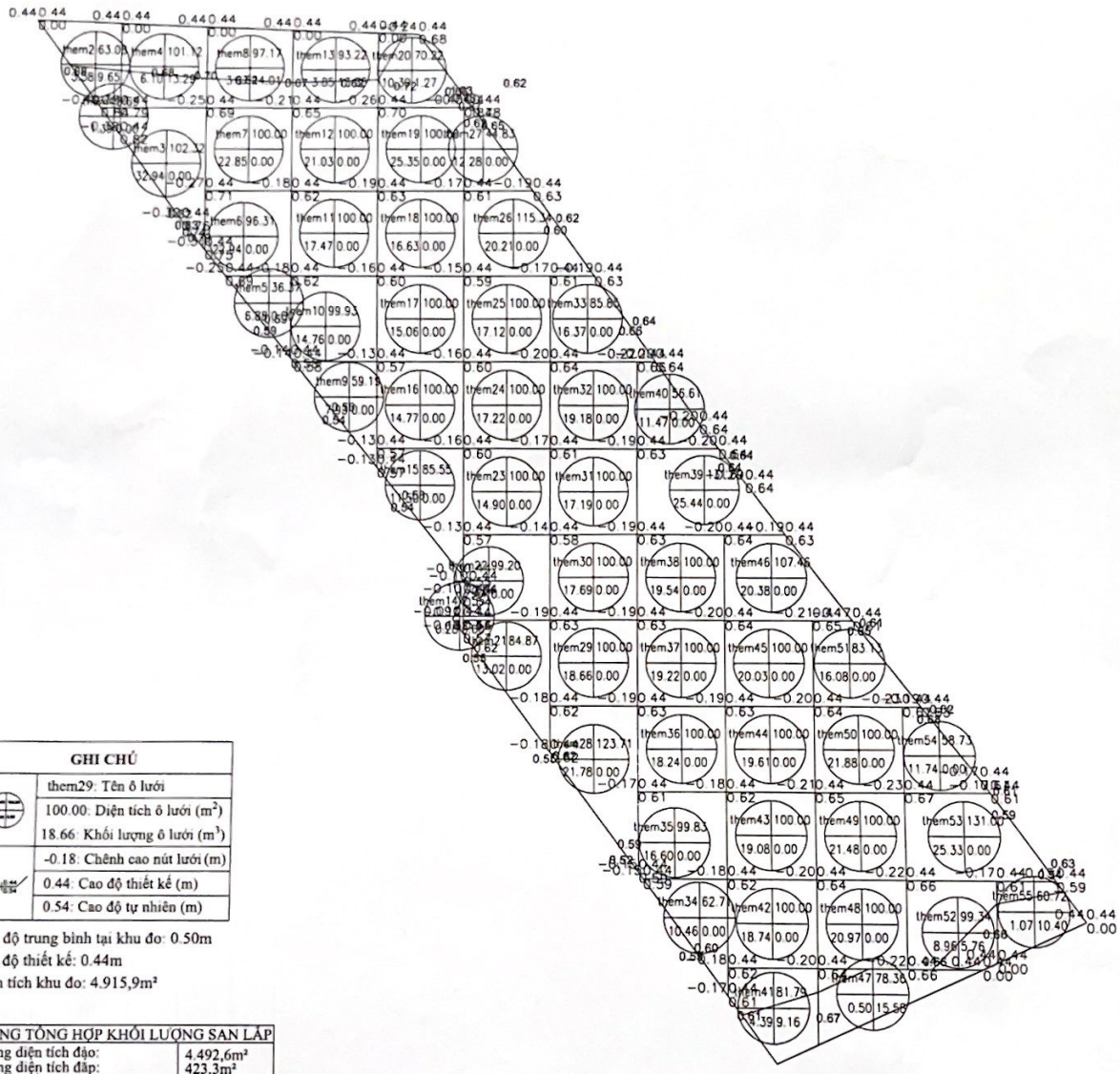

GHI CHÚ	
	them29: Tên ô lưới
	100.00: Diện tích ô lưới (m^2)
	18.66: Khối lượng ô lưới (m^3)
	-0.18: Chênh cao nút lưới (m)
	0.44: Cao độ thiết kế (m)
	0.54: Cao độ tự nhiên (m)

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m

Cao độ thiết kế: 0.44m

Diện tích khu đo: 4.915,9m²

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SAN LẤP	
Tổng diện tích đào:	4.492,6m²
Tổng diện tích đắp:	423,3m²
Tổng chiều sâu đào trung bình:	0.19m
Tổng chiều sâu đắp trung bình:	0.21m
Tổng thể tích đào	848,0m³
Tổng thể tích đắp:	92,48m³
Tổng khối lượng đất khai thác:	755,5m³

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023	Trà Vinh ngày 06 tháng 11 năm 2023	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023
Người thực hiện	**Chủ dự án**	**Đơn vị đo đạc**
(Ký, ghi rõ họ và tên)	**Hộ kinh doanh**	**Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng**
		(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)
Nguyễn Minh Tâm	**Phạm Thị Hồng Như**	GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT DỌC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1542, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 104C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

Thửa 1541, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

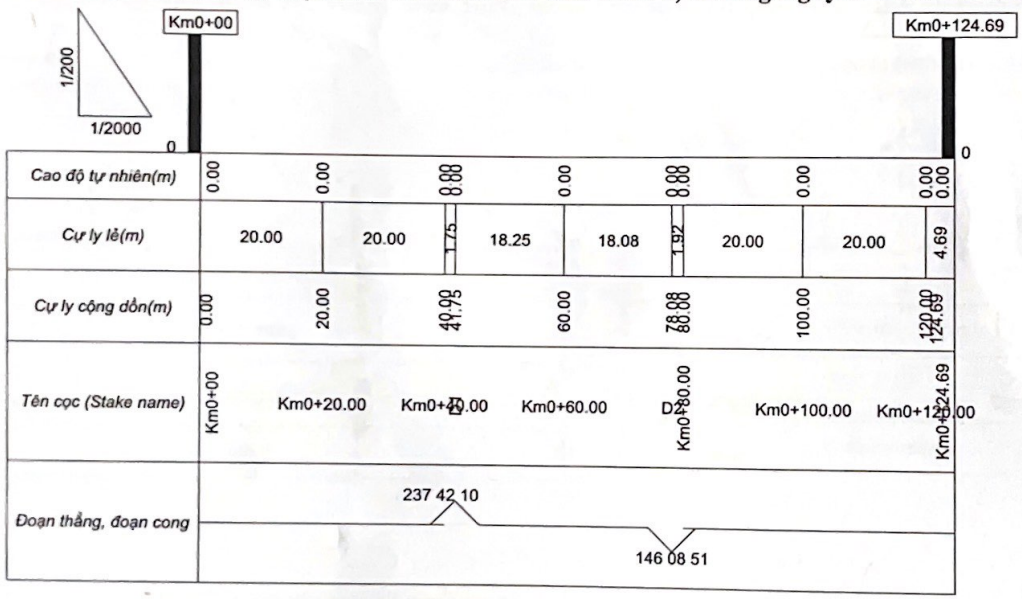

Trà Vinh, ngày....06.....tháng....11...năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày....06.....tháng....11....năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG PHÓ GIÁM ĐỐC Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO

ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1542, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 104C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

Thửa 1541, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

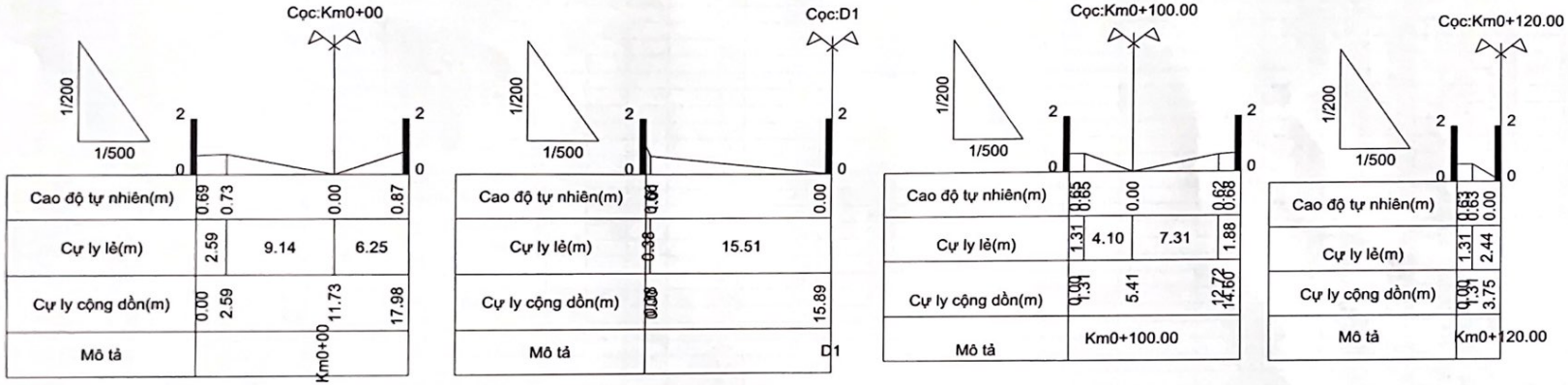

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

BẢNG TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP
Thửa 1542, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 104C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng
Thửa 1541, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

STT	Ten O luoi	Dtn1	Dtn2	Dtn3	Dtn4	Dtn5	Dtn6	Dtn7	Dtk1	Dtk2	Dtk3	Dtk4	Dtk5	Dtk6	Dtk7	Dtk1-Dtn1	Dtk2-Dtn2	Dtk3-Dtn3	Dtk4-Dtn4	Dtk5-Dtn5	Dtk6-Dtn6	Dtk7-Dtn7	S dao	S dap	H dao	H dap	V dao	V dap	V boc HC
1	hoa1	0,74	0,86	0,91					0,00	0,00	0,00					-0,74	-0,86	-0,91					5,98	0,00	0,00	0,00	5,00	0,00	0,00
2	hoa2	0,86	0,91	0,70	0,70				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,86	-0,91	-0,70	-0,70				13,42	0,00	0,00	0,00	10,64	0,00	0,00
3	hoa3	0,63	0,74	0,91	0,70				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,63	-0,74	-0,91	-0,70				112,09	0,00	0,00	0,00	23,40	0,00	0,00
4	hoa4	0,64	0,62	0,62					0,00	0,00	0,00					-0,64	-0,62	-0,62					54,94	0,00	0,00	0,00	24,37	0,00	0,00
5	hoa5	0,62	0,63	0,66	0,61	0,62			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			-0,62	-0,63	-0,66	-0,61	-0,62			98,98	0,00	0,99	0,00	32,15	0,00	0,00
6	hoa6	0,66	0,70	0,63	0,61				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,66	-0,70	-0,63	-0,61				100,00	0,00	0,00	0,00	34,96	0,00	0,00
7	hoa7	0,72	0,00	0,63	0,70	0,70	0,68		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		-0,72	0,00	-0,63	-0,70	-0,70	-0,68		29,55	108,00	0,97	0,00	14,48	0,00	0,00
8	hoa8	0,64	0,64	0,63	0,65	0,64			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			-0,64	-0,64	-0,63	-0,65	-0,64			95,66	0,00	1,00	0,00	21,30	0,00	0,00
9	hoa9	0,63	0,62	0,63	0,65				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,63	-0,62	-0,63	-0,65				100,00	0,00	0,00	0,00	23,21	0,00	0,00
10	hoa10	0,62	0,61	0,61	0,63				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,62	-0,61	-0,61	-0,63				100,00	0,00	0,00	0,00	21,49	0,00	0,00
11	hoa11	0,61	0,63	0,62	0,61				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,61	-0,63	-0,62	-0,61				100,00	0,00	0,00	0,00	21,47	0,00	0,00
12	hoa12	0,63	0,68	0,64	0,62				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,63	-0,68	-0,64	-0,62				100,00	0,00	0,00	0,00	24,02	0,00	0,00
13	hoa13	0,00	0,00	0,00	0,64	0,68			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	-0,64	-0,68			0,00	97,88	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
14	hoa14	0,62	0,64	0,64	0,66				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,62	-0,64	-0,64	-0,66				35,21	0,00	0,00	0,00	22,51	0,00	0,00
15	hoa15	0,64	0,64	0,64	0,65	0,66			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			-0,64	-0,64	-0,64	-0,65	-0,66			95,34	0,00	1,03	0,00	31,70	0,00	0,00
16	hoa16	0,66	0,66	0,64	0,65	0,65			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			-0,66	-0,66	-0,64	-0,65	-0,65			110,13	0,00	0,99	0,00	21,72	0,00	0,00
17	hoa17	0,65	0,63	0,65	0,65				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,65	-0,63	-0,65	-0,65				100,00	0,00	0,00	0,00	24,35	0,00	0,00
18	hoa18	0,63	0,61	0,65	0,65				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,63	-0,61	-0,65	-0,65				100,00	0,00	0,00	0,00	33,22	0,00	0,00
19	hoa19	0,61	0,62	0,64	0,65				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,61	-0,62	-0,64	-0,65				100,00	0,00	0,00	0,00	32,59	0,00	0,00
20	hoa20	0,72	0,65	0,62	0,64				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,72	-0,65	-0,62	-0,64				120,90	0,00	0,00	0,00	39,49	0,00	0,00
21	hoa21	0,00	0,72	0,64					0,00	0,00	0,00					0,00	-0,72	-0,64					0,00	40,74	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
22	hoa22	0,62	0,62	0,65					0,00	0,00	0,00					-0,62	-0,62	-0,65					62,57	0,00	0,00	0,00	29,54	0,00	0,00
23	hoa23	0,62	0,62	0,66	0,68	0,68	0,65		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		-0,62	-0,62	-0,66	-0,68	-0,68	-0,65		99,95	0,00	1,09	0,00	25,23	0,00	0,00
24	hoa24	0,67	0,68	0,66	0,65	0,66			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			-0,67	-0,68	-0,66	-0,65	-0,66			63,83	0,00	0,97	0,00	22,46	0,00	0,00
25	hoa25	0,64	0,65	0,65	0,65				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,64	-0,65	-0,65	-0,65				103,10	0,00	0,00	0,00	26,74	0,00	0,00
26	hoa26	0,65	0,65	0,64	0,68				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,65	-0,65	-0,64	-0,68				100,00	0,00	0,00	0,00	25,26	0,00	0,00
27	hoa27	0,65	0,80	0,65	0,64				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,65	-0,80	-0,65	-0,64				101,07	0,00	0,00	0,00	28,99	0,00	0,00
28	hoa28	0,61	0,62	0,62	0,64				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,61	-0,62	-0,62	-0,64				94,68	0,00	0,00	0,00	29,10	0,00	0,00
29	hoa29	0,67	0,65	0,62	0,65				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,67	-0,65	-0,62	-0,65				107,78	0,00	0,00	0,00	39,81	0,00	0,00
30	hoa30	0,68	0,67	0,65					0,00	0,00	0,00					-0,68	-0,67	-0,65					35,75	0,00	0,00	0,00	23,86	0,00	0,00
31	hoa31	0,62	0,64	0,68	0,64	0,80	0,93	0,63	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	-0,62	-0,64	-0,68	-0,64	-0,80	-0,93	-0,63	71,67	0,00	1,29	0,00	20,49	0,00	0,00
32	hoa32	0,00	0,61	0,63					0,00	0,00	0,00					0,00	-0,61	-0,63					0,00	37,16	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
33	hoa33	0,61	0,61	0,61	0,64	0,67	0,63		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		-0,61	-0,61	-0,61	-0,64	-0,67	-0,63		94,56	0,00	1,09	0,00	29,41	0,00	0,00
34	hoa34	0,65	0,66	0,64	0,64				0,00	0,00	0,00	0,00				-0,65	-0,66	-0,64	-0,64				79,82	0,00	0,00	0,00	21,71	0,00	0,00
35	hoa35	0,00	0,00	0,00	0,00				0,00	0,00	0,00	0,00				0,00	0,00	0,00	0,00				0,00	7,55	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
36	hoa36	0,00	0,00	0,00	0,63	0,61			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	-0,63	-0,61			0,00	108,50	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
37	hoa37	0,63	0,61	0,63	0,67	0,66			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			-0,63	-0,61	-0,63	-0,67	-0,66			52,09	0,00	1,05	0,00	23,23	0,00	0,00
																							2639,1	399,8	0,31	0,0	807,9	0,0	0,0
																TongKL:													

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Người thực hiện

Nguyễn minh tâm

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023
Đơn vị đo đạc
Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng
(Ký, ghi rõ họ, chức danh, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1542, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 104C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng
Thửa 1541, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

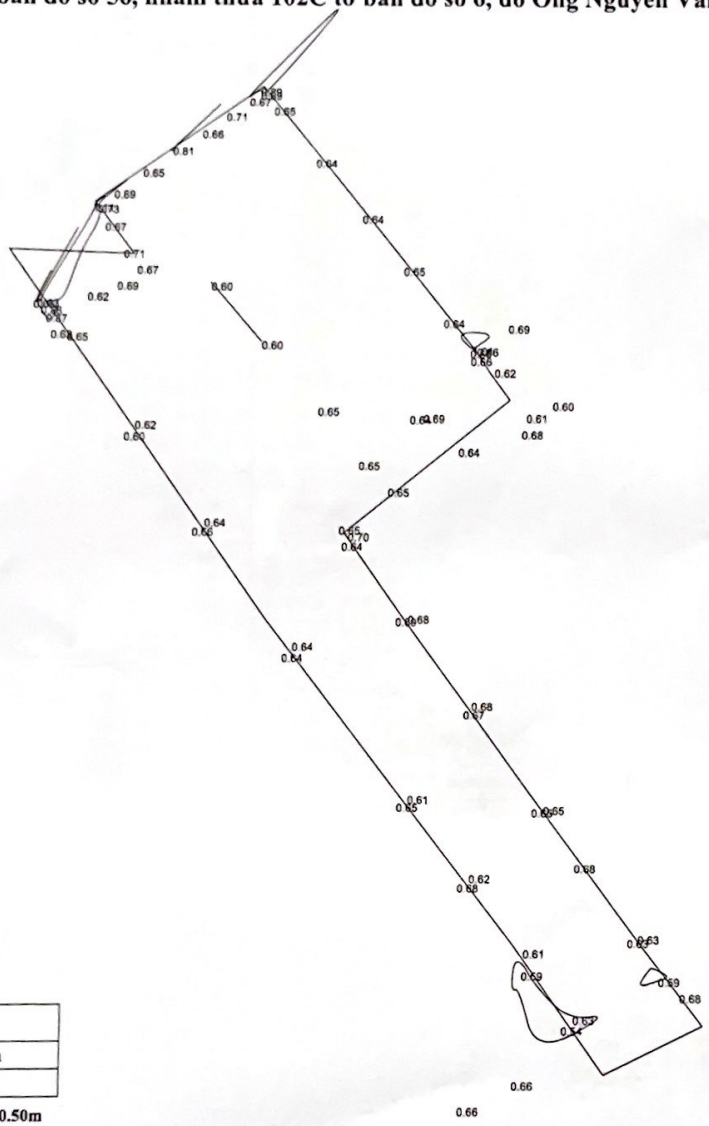

GHI CHÚ KHU 5_1	
	Đường đồng mức con
0.54	Cao độ

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 3.038,9m²

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Người thực hiện** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	**Chủ dự án** **Hộ kinh doanh** **Phạm Thị Hồng Như**	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Đơn vị đo đạc** **Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1542, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 104C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

Thửa 1541, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 102C tờ bản đồ số 6, do Ông Nguyễn Văn Hoa sử dụng

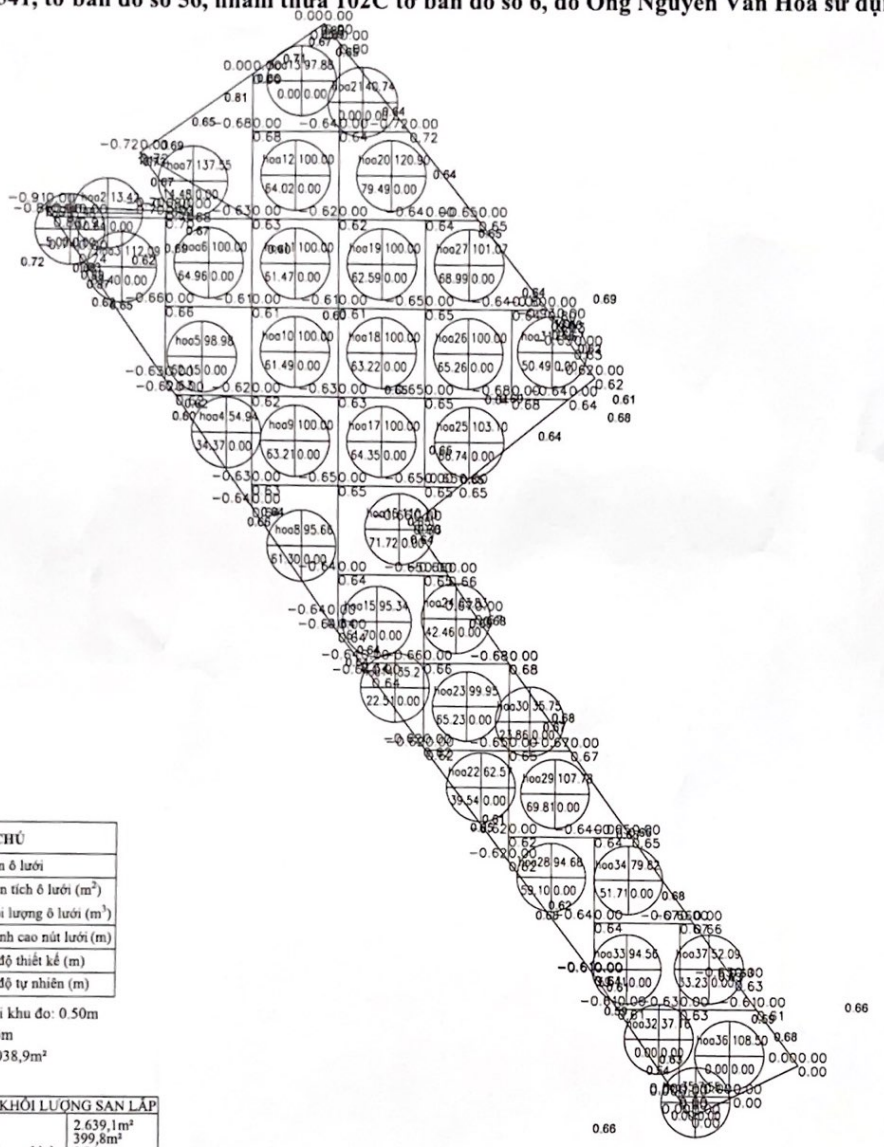

GHI CHÚ	
	hoa22: Tên ô lưới
	62.57: Diện tích ô lưới (m^2)
	39.54: Khối lượng ô lưới (m^3)
	-0.62: Chênh cao nút lưới (m)
	0.44: Cao độ thiết kế (m)
	0.54: Cao độ tự nhiên (m)

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m

Cao độ thiết kế: 0.44m

Diện tích khu đo: 3.038,9m²

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SAN LẤP	
Tổng diện tích đào:	2.639,1m²
Tổng diện tích đắp:	399,8m²
Tổng chiều sâu đào trung bình:	0.31m
Tổng chiều sâu đắp trung bình:	0.0m
Tổng thể tích đào:	807,9m³
Tổng thể tích đắp:	0,0m³
Tổng khối lượng đất khai thác:	807,9m³

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chủ dự án
Hộ kinh doanh

Phạm Thị Hồng Như

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023

Đơn vị đo đạc

Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT DỌC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1619, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Tiết sử dụng

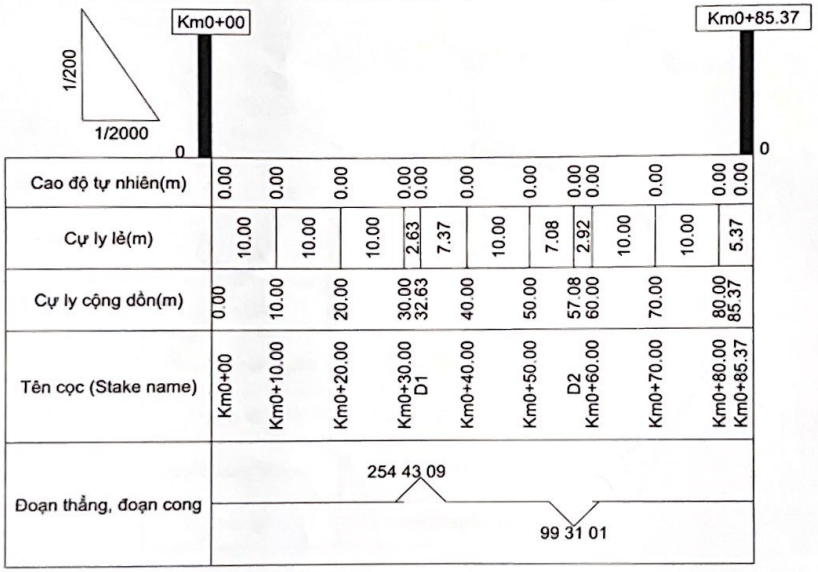

Trà Vinh, ngày....06....tháng....11....năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày....06....tháng....11....năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ MẶT CẮT NGANG KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1619, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Tiết sử dụng

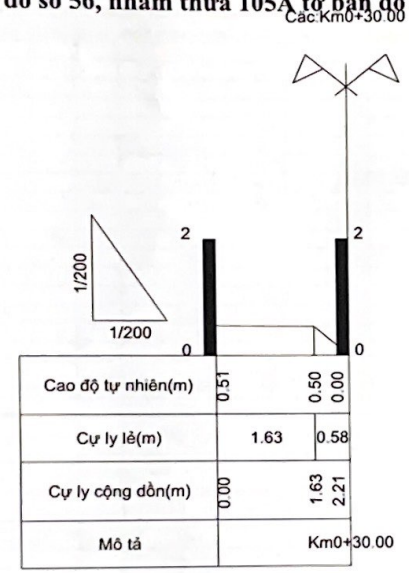

Cao độ tự nhiên(m)	0.51		0.50	0.00
Cự ly lề(m)		1.63	0.58	
Cự ly cộng dồn(m)	0.00		1.63	2.21
Mô tả	Km0+30.00			

Trà Vinh, ngày.....06...tháng.....11...năm 2023 Người thực hiện *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	Chủ dự án Hộ kinh doanh Phạm Thị Hồng Như	Trà Vinh, ngày.....06...tháng.....11...năm 2023 Đơn vị đo đạc Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

BẢNG TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG

ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1619, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105A tờ bản đồ số 6, đo Bà Trần Thị Tiết sử dụng

STT	Ten O luoi	Dtn1	Dtn2	Dtn3	Dtn4	Dtn5	Dtn6	Dtk1	Dtk2	Dtk3	Dtk4	Dtk5	Dtk6	Dtk1-Dtn1	Dtk2-Dtn2	Dtk3-Dtn3	Dtk4-Dtn4	Dtk5-Dtn5	Dtk6-Dtn6	S dao	S dap	H dao	H dap	V dao	V dap	V boc HC
1	tiet1	0,00	0,00	0,53				0,44	0,44	0,44				0,44	0,44	-0,09				0,04	1,35	0,03	0,22	0,00	0,30	0,00
2	tiet2	0,00	0,00	0,53	0,00			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,09	0,44			0,24	43,15	0,03	0,26	0,01	11,39	0,00
3	tiet3	0,00	0,00	0,53	0,52			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,09	-0,08			13,37	74,21	0,04	0,22	0,56	16,33	0,00
4	tiet4	0,53	0,81	0,55	0,52			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,09	-0,37	-0,11	-0,08			100,00	0,00	0,16	0,00	16,18	0,00	0,00
5	tiet5	0,00	0,00	0,55	0,81			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,11	-0,37			13,16	42,24	0,12	0,22	1,58	9,29	0,00
6	tiet6	0,00	0,00	0,53	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,09	-0,09			20,87	102,92	0,04	0,22	0,94	22,64	0,00
7	tiet7	0,53	0,52	0,51	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,09	-0,08	-0,07	-0,09			100,00	0,00	0,08	0,00	8,12	0,00	0,00
8	tiet8	0,52	0,55	0,53	0,51			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,08	-0,11	-0,09	-0,07			100,00	0,00	0,09	0,00	8,59	0,00	0,00
9	tiet9	0,00	0,82	0,53	0,55			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	-0,38	-0,09	-0,11			110,17	20,05	0,12	0,15	12,74	2,94	0,00
10	tiet10	0,65	0,79	0,67				0,44	0,44	0,44				-0,21	-0,35	-0,23				47,76	0,00	0,26	0,00	12,59	0,00	0,00
11	tiet11	0,67	0,00	0,55	0,53	0,69		0,44	0,44	0,44	0,44	0,44		-0,23	0,44	-0,11	-0,09	-0,25		98,32	1,44	0,11	0,15	11,05	0,21	0,00
12	tiet12	0,55	0,53	0,50	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,11	-0,09	-0,06	-0,09			100,00	0,00	0,09	0,00	8,70	0,00	0,00
13	tiet13	0,53	0,51	0,51	0,50			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,09	-0,07	-0,07	-0,06			100,00	0,00	0,07	0,00	7,23	0,00	0,00
14	tiet14	0,51	0,53	0,53	0,51			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,07	-0,09	-0,09	-0,07			100,00	0,00	0,08	0,00	7,99	0,00	0,00
15	tiet15	0,53	0,55	0,56	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,09	-0,11	-0,12	-0,09			100,00	0,00	0,10	0,00	10,42	0,00	0,00
16	tiet16	0,82	0,79	0,56	0,55			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,38	-0,35	-0,12	-0,11			105,02	0,00	0,24	0,00	25,36	0,00	0,00
17	tiet17	0,53	0,65	0,69	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,09	-0,21	-0,25	-0,09			123,86	0,00	0,16	0,00	19,56	0,00	0,00
18	tiet18	0,53	0,50	0,51	0,52			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,09	-0,06	-0,07	-0,08			100,00	0,00	0,07	0,00	7,39	0,00	0,00
19	tiet19	0,50	0,51	0,52	0,51			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,06	-0,07	-0,08	-0,07			100,00	0,00	0,07	0,00	6,86	0,00	0,00
20	tiet20	0,51	0,53	0,53	0,52			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,07	-0,09	-0,09	-0,08			100,00	0,00	0,08	0,00	8,17	0,00	0,00
21	tiet21	0,53	0,56	0,58	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,09	-0,12	-0,14	-0,09			100,00	0,00	0,11	0,00	11,02	0,00	0,00
22	tiet22	0,00	0,00	0,56	0,72			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,12	-0,28			34,05	89,11	0,10	0,22	3,43	19,60	0,00
23	tiet23	0,79	0,00	0,00	0,72			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,35	0,44	0,44	-0,28			11,55	22,70	0,16	0,22	1,82	4,99	0,00
24	tiet24	0,53	0,53	0,52	0,51	0,52		0,44	0,44	0,44	0,44	0,44		-0,09	-0,09	-0,08	-0,07	-0,08		99,97	0,00	0,08	0,00	7,85	0,00	0,00
25	tiet25	0,51	0,52	0,53	0,52			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,07	-0,08	-0,09	-0,08			100,00	0,00	0,08	0,00	7,65	0,00	0,00
26	tiet26	0,52	0,53	0,54	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,08	-0,09	-0,10	-0,09			100,00	0,00	0,09	0,00	8,79	0,00	0,00
27	tiet27	0,00	0,00	0,53	0,58			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,09	-0,14			19,39	82,87	0,06	0,22	1,09	18,23	0,00
28	tiet28	0,53	0,53	0,52				0,44	0,44	0,44				-0,09	-0,09	-0,08				70,06	0,00	0,09	0,00	5,97	0,00	0,00
29	tiet29	0,52	0,53	0,54	0,53			0,44	0,44	0,44	0,44			-0,08	-0,09	-0,10	-0,09			100,00	0,00	0,09	0,00	8,78	0,00	0,00
30	tiet30	0,00	0,00	0,53	0,54			0,44	0,44	0,44	0,44			0,44	0,44	-0,09	-0,10			13,84	67,52	0,05	0,22	0,64	14,85	0,00
31	tiet31	0,53	0,53	0,53	0,54	0,00	0,00	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	0,44	-0,09	-0,09	-0,09	-0,10	0,44	0,44	28,81	19,61	0,06	0,22	1,79	4,31	0,00
TongKL:																				**2210,47**	**567,17**	**0,10**	**0,21**	**232,88**	**125,10**	**0,00**

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023

Người thực hiện

-lam

Nguyễn Ninh Tâm

Ngày 06 Tháng 11 Năm 2023

Đơn vị đo đạc

Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC KHU ĐO
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1619, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105A tờ bản đồ số 6, đo Bà Trần Thị Tiết sử dụng

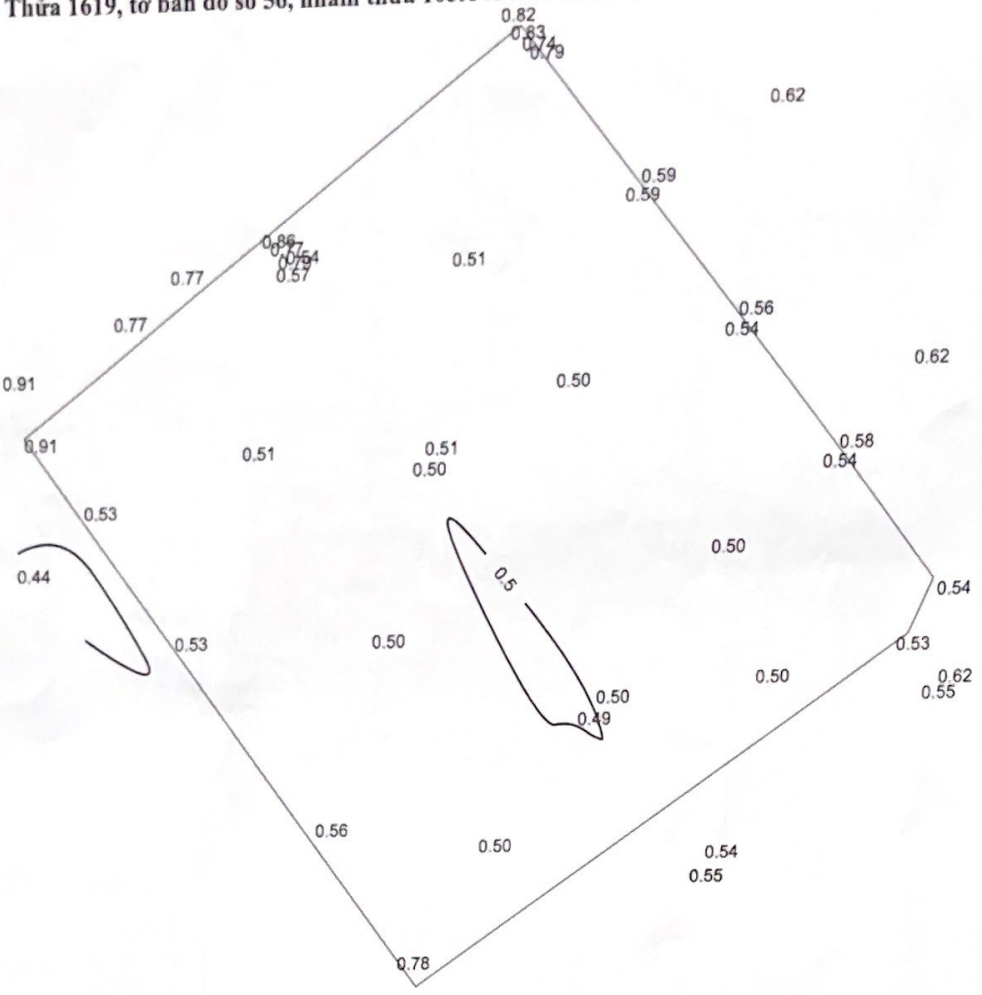

GHI CHÚ KHU 5_1	
	Đường đồng mức con
0.56	Cao độ

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m
Cao độ thiết kế: 0.44m
Diện tích khu đo: 2.777,6m²

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Người thực hiện** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* Nguyễn Minh Tâm	**Chủ dự án** **Hộ kinh doanh** **Phạm Thị Hồng Như**	Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023 **Đơn vị đo đạc** **Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng** *(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG Nguyễn Trọng Cầu

SƠ ĐỒ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG
ĐẤT CẢI TẠO, HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo tại khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

Thửa 1619, tờ bản đồ số 56, nhằm thửa 105A tờ bản đồ số 6, do Bà Trần Thị Tiết sử dụng

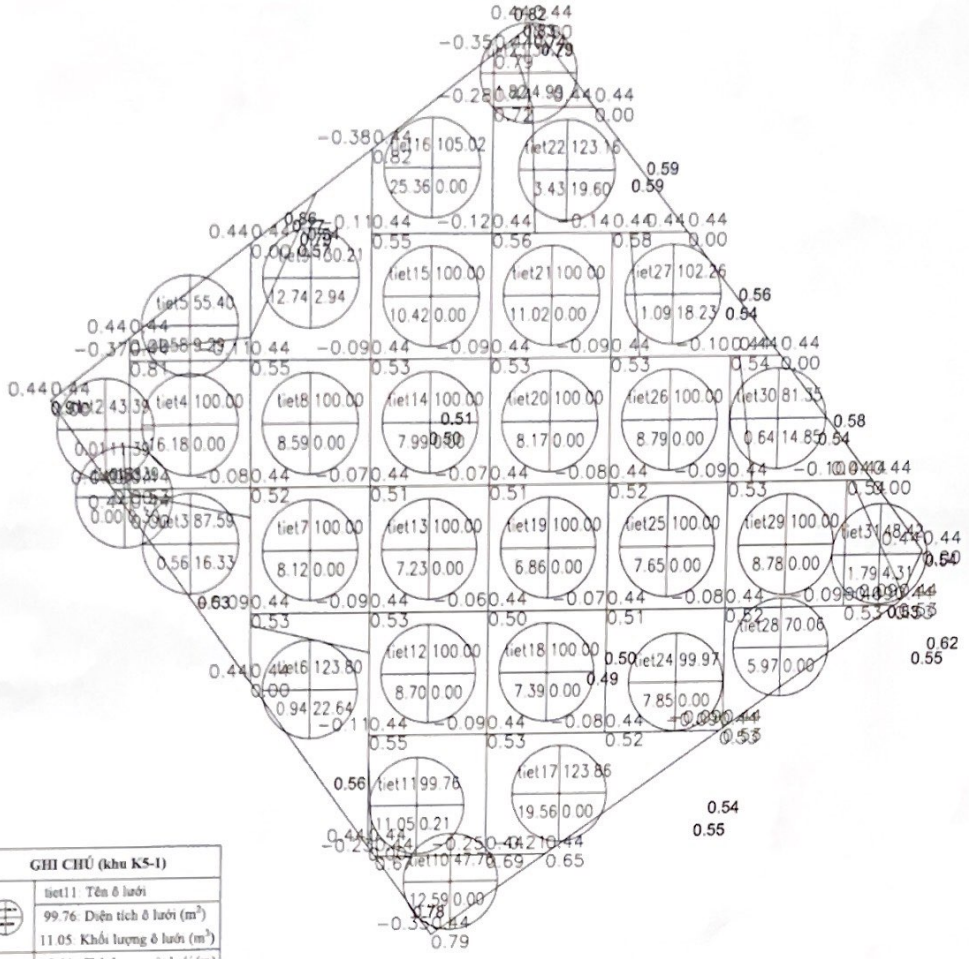

GHI CHÚ (khu K5-1)	
	tiet11: Tên ô lưới
	99.76: Diện tích ô lưới (m^2)
	11.05: Khối lượng ô lưới (m^3)
	-0.11: Chênh cao nút lưới (m)
	0.44: Cao độ thiết kế (m)
	0.54: Cao độ tự nhiên (m)

Cao độ trung bình tại khu đo: 0.50m

Cao độ thiết kế: 0.44m

Diện tích khu đo: 2.777,6m²

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG SAN LẤP	
Tổng diện tích đào:	2.210,47m²
Tổng diện tích đắp:	567,17m²
Tổng chiều sâu đào trung bình:	0.10m
Tổng chiều sâu đắp trung bình:	0.21m
Tổng thể tích đào	232,88m³
Tổng thể tích đắp:	125,10m³
Tổng khối lượng đất khai thác:	107,78m³

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023

Người thực hiện

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Minh Tâm

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023

Chủ dự án
Hộ kinh doanh

Phạm Thị Hồng Như

Trà Vinh, ngày 06 tháng 11 năm 2023

Đơn vị đo đạc
Công ty TNHH đo đạc Sao Vàng

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC SAO VÀNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Cầu

CÔNG TY KIỂU KHAI THÁC ĐẤT MẶT THUỘC DỰ ÁN: CẢI TẠO HẠ ĐỘ CAO ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ TẬN THU PHẦN ĐẤT DÔI DƯ SAU CẢI TẠO THUỘC KHU VỰC 5

Tên dự án: Dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp và tận thu phần đất dôi dư sau cải tạo khu vực 5, thuộc dự án cải tạo, hạ độ cao đất nông nghiệp xã Huyền Hội

CÔNG TY TNHH ĐỒ GỖ SAO VÀNG

Sâu trung bình: 0.64m
Chiều dài: 134.2m
Chiều ngang: 144.3m
Tổng diện tích dự án: 18.50Km2